UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: **Cử nhân**

Chuyên ngành: **Sư phạm Ngữ văn**

Mã số chuyên ngành: **7140217**

THANH HÓA, THÁNG 9/2023

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2587/QĐ-ĐHHĐ ngày 18 tháng 09 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	*Sư phạm Ngữ văn*
Tên chương trình (Tiếng Anh):	*Teacher Education of Literature and Vietnamese*
Trình độ đào tạo:	*Đại học*
Mã ngành đào tạo:	*7140217*
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	*Khoa Khoa học Xã hội, bộ môn Ngữ văn*
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	(*04 năm*)
Hình thức đào tạo:	(*Chính quy*)
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Điều kiện tốt nghiệp:	*Ghi theo quy định đào tạo hiện hành*
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	*Cử nhân sư phạm*
Vị trí làm việc:	- Dạy học môn Ngữ văn trong các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; - Đảm nhiệm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trong cả nước nếu đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình độ và năng lực cao hơn; - Làm chuyên viên nghiên cứu, biên tập tại các Trung tâm, Viện nghiên cứu (Viện nghiên cứu giáo dục, nghiên cứu sư phạm, nghiên cứu văn học, nghiên cứu ngôn ngữ, Báo, Tạp chí...).
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	*Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước*
Chương trình tham khảo:	- Pasi Sahlberg (2016), *Bài học Phần Lan 2.0*, Nxb. Thế giới; - Chương trình đào tạo Đại học sư phạm Ngữ văn khóa 73 công bố ngày 28/06/2021; - Trường ĐHSP Hà Nội 2: CTĐT công bố ngày 29/09/2022; - Trường ĐHSP TP, Hồ Chí Minh: CTĐT phê duyệt ngày 27/09/2022.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững chắc để giảng dạy môn Ngữ văn, đảm nhiệm nhiều vị trí công tác ở Trung học phổ thông và Trung học cơ sở, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, làm chuyên viên, biên tập viên tại các Trung tâm, Viện nghiên cứu, Đài phát thanh, truyền hình, Tạp chí; có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, giải quyết được những vấn đề trong thực tiễn công tác; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1**: Có kiến thức về nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật Việt Nam, Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý Hành chính nhà nước và Quản lí giáo dục, Khởi nghiệp sáng tạo, Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất, Văn hóa, Xã hội, Lịch sử, Môi trường vào các hoạt động giáo dục và dạy học Ngữ văn ở trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở.

- **PO2**: Đạt trình độ tin học, chuyển đổi số theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông và trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho người Việt Nam, vận dụng được vào quá trình học tập và giảng dạy Ngữ văn ở trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở.

- **PO3**: Có kiến thức thực tế vững chắc và sâu rộng về Lý luận văn học, Việt ngữ học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Phương pháp dạy học, Phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn đảm bảo nội dung dạy học chính xác, phù hợp với thực tiễn đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở.

- **PO 4**: Có kĩ năng tìm hiểu Chương trình, Sách giáo khoa để giảng dạy chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn phù hợp với trình độ tâm lí lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông, Trung học cơ sở.

- **PO5**: Có kỹ năng đọc hiểu và tạo lập các loại văn bản hư cấu và văn bản phi hư cấu. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học Ngữ văn cũng như đánh giá được hiệu quả của các hoạt động dạy học Ngữ văn trong nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; có kĩ năng hướng nghiệp cho học sinh qua môn học và các hoạt động giáo dục.

- **PO6**: Có kĩ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, giảng dạy, nghiên cứu.

- **PO7**: Có kĩ năng cơ bản về sưu tầm, vận dụng kiến thức Phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu Hán Nôm, Văn học dân gian, văn học Việt Nam, Ngôn ngữ, Văn hóa, Xã hội, Môi trường và biên tập tác phẩm báo chí.

- **PO8**: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực, sẵn sàng đấu tranh ủng hộ, bảo vệ quan điểm khoa học chân chính, đam mê tìm hiểu, khám phá, sáng tạo trong nghề dạy học Ngữ văn.

2.2. Nội dung chuẩn đầu ra

- **PLO1**: Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam, Lịch sử, Văn hóa, Xã hội, Môi trường, Khởi nghiệp sáng tạo, Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống;

- **PLO2**: Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học. Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh, Công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào các lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

- **PLO3**: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Tâm lý, Giáo dục vào thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hoạt động giáo dục, nghiệp vụ sư phạm ở trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở.

- **PLO4**: Vận dụng tốt kiến thức Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, kiến thức chữ Hán và chữ Nôm ở trình độ cơ bản, phân tích được những văn bản chữ Hán và chữ Nôm trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn để miêu tả, phân tích các đơn vị, cấu trúc, hiện tượng tiếng Việt;

- **PLO5**: Vận dụng được kiến thức chuyên môn về Lý luận văn học, Việt ngữ học, Văn học Việt Nam và Văn học nước ngoài vào nghiên cứu, giảng dạy các vấn đề về Ngôn ngữ Việt Nam, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài;

- **PLO6**: Vận dụng được kiến thức hệ thống, chuyên sâu về Chương trình, Sách giáo khoa giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, nắm vững quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học và phương tiện dạy học Ngữ văn để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy Ngữ văn, đáp ứng yêu cầu Chương trình Ngữ văn ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở;

- **PLO7**: Vận dụng tốt kiến thức hệ thống, chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm và các kĩ năng nghề nghiệp dạy học Ngữ văn ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở để phát triển năng lực tiếp nhận văn bản và tạo lập các kiểu/loại văn bản hư cấu và phi hư cấu theo trục tích hợp bốn kĩ năng đọc - viết - nói - nghe;

- **PLO8**: Có kĩ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp. Sử dụng tiếng Việt và ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn, sử dụng hiệu quả các phương tiện giao tiếp đa phương thức, trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về dạy học Ngữ văn và giáo dục học sinh, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ;

- **PLO9**: Có kĩ năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập đọc - viết - nói - nghe môn Ngữ văn ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học và vận dụng kết quả đánh giá đó vào cải tiến chất lượng dạy học vì sự tiến bộ của người học.

- **PLO10**: Có kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và khoa học sư phạm ứng dụng, nắm vững tiến trình nghiên cứu và cách thực hiện tiến trình nghiên cứu khoa học.

- **PLO11**: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực, sẵn sàng đấu tranh ủng hộ, bảo vệ quan điểm khoa học chân chính, đam mê tìm hiểu, khám phá nghề dạy học Ngữ văn;

- **PLO12**: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn Ngữ văn, nghiệp vụ sư phạm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng phân tích được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Ngữ văn và một số vấn đề phức tạp về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	**KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG**		**39**							
I	**Lý luận chính trị**		**13**							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	0	135		2	LL Mác - LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-LN	2	21	18	0	90	1	3	LL Mác - LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	0	90	1	4	LL Mác - LN
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	21	18	0	90	1	5	LSĐ - TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18	0	90	1	5	LSĐ - TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		4	Luật

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
II	**Khoa học xã hội - Nhân văn**		**11**							
7	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	18	6	90		1	VNH-DL
8	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
8a	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
8b	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
9	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
9a	123050	Tiếng Việt thực hành	2	18	18	6	90		1	Ngữ văn
9b	123185	Thực hành văn bản tiếng Việt*	2	18	18	6	90		1	Ngữ văn
10	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
10a	125016	Thống kê xã hội	2	18	18	6	90		2	Địa lý
10b	123240	Xã hội học đại cương	2	18	18	6	90		2	Xã hội học
11	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		5	QTKD
III	**Khoa học Tự nhiên - Công nghệ**		**5**							
12	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		2	MMT & ƯD
13	118001	Môi trường và con người	2	18	24	0	90		2	Sinh học
IV	**Ngoại ngữ**		**10**							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	14	2	NN KC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	15	3	NN KC
V	**Giáo dục thể chất**		**4**							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1	LL&PP GDTC
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1/5 HP)									Bóng - ĐK

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng - ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	Bóng - ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	Bóng - ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	Bóng - ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	Bóng - ĐK
VI	**Giáo dục quốc phòng (tiết)**		**165**							TT GDQP
B	**KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP**		**91**							
I	**Kiến thức cơ sở**		**10**							
17	181080	Tâm lí học	4	36	48		180	1	2	Tâm lí học
18	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	17	3	Giáo dục học
19	198000	Quản lý HCNN và QLGD	2	18	24		90	18	7	Giáo dục học
II	**Kiến thức ngành**		**81**							
20	122071	Lý luận văn học 1	3	27	36	0	135		1	Ngữ văn
21	122072	Lý luận văn học 2	3	27	36	0	135	20	3	Ngữ văn
22	129029	Dẫn luận Ngôn ngữ học và Ngữ âm học tiếng Việt *	2	18	18	6	90		3	Ngữ văn
23	123095	Từ vựng – Ngữ nghĩa và Ngữ pháp học tiếng Việt*	4	36	36	12	180	22	4	Ngữ văn
24	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
24a	123130	Phong cách học tiếng Việt và Ngữ dụng học*	4	36	36	12	180	23	6	Ngữ văn

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
24b	123058	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	4	36	36	12	180	23	6	Ngữ văn
25	121041	Hán nôm cơ sở	2	18	18	6	90		3	Ngữ văn
26	121056	Văn học dân gian VN	3	27	27	9	135		1	Ngữ văn
27	122073	Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và Văn bản Hán văn Trung đại VN	4	36	48	0	180	25	6	Ngữ văn
28	121033	Văn học VN từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	3	27	27	9	135	26	4	Ngữ văn
29	121043	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX	3	27	27	9	135	28	5	Ngữ văn
30	121071	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	3	27	27	9	135	29	6	Ngữ văn
31	121006	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	4	36	48	0	180	30	7	Ngữ văn
32	122074	Văn học Phương Đông	3	27	27	9	135	20	4	Ngữ văn
33	122075	Văn học phương Tây	4	36	36	12	135	20	5	Ngữ văn
34	122045	Văn học Nga	2	18	18	6	90	20	6	Ngữ văn
35	122077	Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS	3	27	27	9	135	18	4	Ngữ văn
36	123041	Phát triển năng lực dạy học đọc văn bản	3	27	27	9	135	35	6	Ngữ văn
37	*Chọn 1 trong 2 học phần*									

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
37a	122078	Phát triển năng lực dạy học viết văn bản	3	27	27	9	135	36	6	Ngữ văn
37b	122090	Phương pháp dạy học viết văn bản ở trường trung học	3	27	27	9	135	36	6	Ngữ văn
38	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
38a	122061	Phát triển năng lực DH nói - nghe trong môn Ngữ văn	4	36	24	24	180	37	7	Ngữ văn
38b	124033	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp môn Ngữ văn THPT, THCS	4	36	24	24	180	37	7	Ngữ văn
38c	123082	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn	4	36	24	24	180	37	7	Ngữ văn
39	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
39a	123062	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT, THCS	2	18	18	6	90	38	7	Ngữ văn
39b	121064	Ứng dụng CNTT và TT trong dạy học Ngữ văn	2	6	18	18	90	38	7	Ngữ văn
40	122062	Xây dựng kế hoạch dạy học và Tổ chức dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS	4	36	24	24	180	39	7	Ngữ văn
III	**Kiến thức bổ trợ**		**4**							
41	*Chọn 1 trong 2 học phần*									
41a	125125	Phương pháp NCKH	2	18	18	6	90		3	Ngữ văn

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
41b	123109	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	2	18	18	6	90		3	Ngữ văn
IV	**Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế**		**13**							
	Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp		**7**							
42	121200	Kiến tập sư phạm	2			60	90	18	5	Ngữ văn
43	121001	Thực tập sư phạm	5			150	225	42	8	Ngữ văn
44	123035	Khóa luận tốt nghiệp	6			180	270	43	8	Ngữ văn
	Học phần thay thế KLTN		***6***							
45	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
45a	121055	Truyện ngắn VN hiện đại	3	27	27	9	135	31	8	Ngữ văn
45b	122080	Truyện ngắn cực hạn Hoa Kì	3	27	27	9	135	34	8	Ngữ văn
45c	122066	Hoạt động giao tiếp trong tác phẩm văn học	3	27	27	9	135	24	8	Ngữ văn
46	*Chọn 1 trong 3 học phần*									
46a	122068	Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn THPT, THCS	3	27	27	9	135	35	8	Ngữ văn
46b	124032	Phát triển chương trình nhà trường môn Ngữ văn THPT, THCS	3	27	27	9	135	35	8	Ngữ văn
46c	123092	Dạy học Ngữ văn địa phương ở nhà trường phổ thông	3	27	27	9	135	35	8	Ngữ văn
Tổng số tín chỉ			**130**							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại học phần		Số tiết thực hiện			
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành	Tự học
Học kỳ I:									
1	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	x		18	18	6	90
2	123050	Tiếng Việt thực hành	2		x	18	18	6	90
3	123185	Thực hành văn bản tiếng Việt	2		x	18	18	6	90
4	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2		x	18	24	0	90
5	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2		x	18	18	6	90
6	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24	180
7	121056	Văn học dân gian VN	3	x		27	27	9	135
8	122071	Lí luận văn học 1	3	x		27	36	0	135
Tổng số:			**16/20**	**4**	**4**	**180**	**183**	**57**	**900**
Học kỳ II:									
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	0	135
2	181080	Tâm lí học	4	x		36	48	0	180
3	118001	Môi trường và con người	2	x		18	24	0	90
4	125016	Thống kê xã hội	2		x	18	24	0	90
5	123240	Xã hội học đại cương	2		x	18	18	6	90
6	173080	Công nghệ số	3	x		20	0	50	135
7	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18	180
Tổng số:			**17/19**	**5**	**2**	**169**	**158**	**74**	**900**
Học kỳ III:									
1	196060	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	x		21	18	0	90
2	133033	Tiếng Anh 3	3	x		36	24	24	180
3	182005	Giáo dục học	4	x		36	48	0	180
4	122072	Lí luận văn học 2	3	x		27	36	0	135
5	121041	Hán nôm cơ sở	2	x		18	18	6	90
6	129029	Dẫn luận Ngôn ngữ học và Ngữ âm học tiếng Việt	2	x		18	18	6	90
7	125125	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		x	18	18	6	90
8	123109	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	2		x	18	18	6	90
Tổng số:			**18/20**	**6**	**2**	**192**	**198**	**48**	**945**
Học kỳ IV:									

1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	0	90
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12	90
3	123068	Từ vựng – Ngữ nghĩa và Ngữ pháp học tiếng Việt	4	x		36	36	12	180
4	121077	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	3	x		27	27	9	135
5	122074	Văn học Phương Đông	3	x		27	36	0	135
6	122077	Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS	3	x		27	27	9	135
Tổng số:			**17/19**	**6**	**0**	**156**	**156**	**42**	**765**
Học kỳ V:									
1	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	x		21	18	0	90
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	0	90
3	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10	135
4	121043	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX	3	x		27	27	9	135
5	122075	Văn học phương Tây	4	x		36	36	12	180
6	123041	Phát triển năng lực dạy học đọc văn bản	3	x		27	27	9	135
7	121200	Kiến tập sư phạm	2	x		0	0	60	90
Tổng số:			**19/19**	**6**	**0**	**159**	**152**	**100**	**855**
Học kỳ VI:									
1	121071	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	3	x		27	27	9	135
2	123130	Phong cách học tiếng Việt và Ngữ dụng học	4		x	36	36	12	180
3	123058	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	4		x	36	36	12	180
4	122045	Văn học Nga	2	x		18	18	6	90
5	122073	Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và Văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam	4	x		36	48	0	180
6	122078	Phát triển năng lực	3		x	27	27	9	135

		dạy học viết văn bản							
7	123041	Phương pháp dạy học viết văn bản ở trường trung học	3		x	27	27	9	135
Tổng số:			**16/23**	**3**	**4**	**207**	**219**	**57**	**1.035**
Học kỳ VII:									
1	198000	Quản lý HCNN và Quản lý GD	2	x		18	24	0	90
2	121063	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	4	x		36	24	24	180
3	122061	Phát triển năng lực dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn	4		x	36	24	24	180
4	124033	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp môn Ngữ văn THPT, THCS	4		x	36	24	24	180
5	123082	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn	4		x	36	24	24	180
6	123062	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT, THCS	2		x	18	18	6	90
7	121064	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn	2		x	18	18	6	90
8	122062	Xây dựng kế hoạch dạy học và Tổ chức dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS	4	x		36	24	24	180
Tổng số:			**16/26**	**3**	**5**	**234**	**180**	**132**	**1.170**
Học kỳ VIII:									
1	121001	Thực tập sư phạm	5	x		0	0	150	225
2	121055	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	3		x	27	27	9	135
3	122067	Truyện ngắn cực hạn Hoa Kì	3		x	27	27	9	135
4	122066	Hoạt động giao tiếp trong tác phẩm văn học	3		x	27	27	9	135
5	122068	Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn THPT, THCS	3		x	27	27	9	135

6	124032	Phát triển chương trình nhà trường môn Ngữ văn THPT, THCS	3		x	27	27	9	135
7	123092	Dạy học Ngữ văn địa phương ở nhà trường phổ thông	3		x	27	27	9	135
Tổng số:			**11/23**	**1**	**7**	**162**	**162**	**204**	**1.035**
TỔNG CỘNG			**130**						

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên: Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với *Điều 10. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

Số TT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	0	4	4
3	Tiến sỹ	2	6	8
4	Thạc sỹ	1	3	4
5	Đại học	0	0	0

5.2. Phòng học: Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan: *Liệt kê các phòng thí nghiệm/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình (nếu có)*.

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1		

5.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan: *Liệt kê các địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan để thực hiện chương trình*.

5.4.1. Địa điểm thực tế chuyên môn

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Các tỉnh miền Trung Việt Nam (Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng)
2	Các tỉnh miền Bắc Việt Nam (Ninh Binh, Hà Nội, Quảng Ninh)

5.4.1. Địa điểm Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Trường liên cấp THCS, THPT Hồng Đức
2	Các trường Trung học phổ thông trong tỉnh Thanh Hóa

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1:Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	**32**	**26**	**0**	**0**	**0**	**135**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 *(đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)*	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 *(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)*	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 *(Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn)*	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 *(đánh giá khả năng tự nghiên cứu)*	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 *(đánh giá bài kiểm tra viết)*	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 *(đánh giá bài thi trắc nghiệm)*	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD…).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

**** Tài liệu tham khảo:***

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONNOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3*:* Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiên túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ỏ Việt Nam hiện nay.

4. **Nội dung học phần.**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	**21**	**18**	**0**	**0**	**0**	**0**

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 *(đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)*	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 *(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)*	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 *(đánh giá bài kiểm tra)*	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				50%

3	Viết	Rubric 4 *(đánh giá bài thi viết)*	CLO1 CLO2	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006**.**

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 19606532
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Học phần trình bày sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1*:* Khái quát và luận giải được những nội dung cơ bảntrong lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học và sự vận dụng lý luận này của Đảng ta quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO2: Nhận thức, đánh giáđúng đắn các hiện tượng nảy sinh trong quá trình

xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phản biện hiệu quả những luận điệu xuyên tạc về bản chất của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới và Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và khái quát được sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa họcđể hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước; có được bản lĩnh chính trị vững vàng; xác lập được niềm tin vào sự thành công của công cuộcchủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9

Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hôi	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	**21**	**18**	**0**	**0**	**0**	**90**

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại,thảo luận nhóm, xử lý tình huống,trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 *(đánh giá bài kiểm tra)*	CLO1 CLO2	**30%**
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 *(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)*	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 *(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)*	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				**20%**
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 *(đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ)*	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				**50%**
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) Bộ giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự

Thật, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

1). *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ History of the Communist Party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL, 0 TH)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng – Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam; Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Sinh viên khái quát được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1945 -1975; làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

- CO2: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát được những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng, nội dung đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

- CLO3: Phân tích, suy luận, tìm ra được logic của vấn đề, mối liên hệ giữa hoàn cảnh lịch sử với nội dung đường lối của Đảng và quá trình tổ chức thực hiện

đường lối, đánh giá được kết quả, ý nghĩa và hạn chế qua từng giai đoạn lãnh đạo của Đảng từ đó rút ra được nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

- CLO3: Vận dụng được các nội dung của đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào trong các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội của bản thân.

- CLO5: Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.

- CLO6: Vận dụng kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các môn khoa học chuyên ngành; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO7: Có nguyên tắc đạo đức cá nhân.

- CLO8: Tham gia đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	**21**	**18**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CĐR (%)
I. Kiểm tra thường xuyên (3)	15%	Điểm danh	Điểm danh	Rubric R1		0	
	15%	Phát biểu, thảo luận trên lớp	Phát biểu, thảo luận trên lớp	Rubric R2,4	CLO1 CLO2 CLO3	10	
II. Kiểm tra giữa kỳ (1)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	Tự luận /Trắc nghiệm trên giấy	- Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	40%
III. Thi cuối kỳ (1)	50%	Thi kết thúc học phần	- Bài tập lớn/ Trắc nghiệm trên hệ thống	Rubric 5/ Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	60%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2) Văn kiện Đảng toàn tập, từ tập I đến tập XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia.

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: LSĐ-TTHCM
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam và sự vận động, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Làm rõ được cơ sở thực tiễn, lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phân biệt được kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và Nhà nước; vận dụng được các nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.
- CO2: Người học có thể thực hiện được tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người một cách tự giác thông qua những hành động, việc làm cụ thể trong học tập và trong cuộc sống.
- CO3: Có nguyên tắc đạo đức cá nhân và tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
- CLO2: Xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng, từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể
- CLO3: Phân tích được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng và Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người
- CLO4: Có khả năng đưa ra các đánh giá, nhận định của bản thân về một số vấn đề thực tiễn trên cơ sở nội dung kiến thức đã học.

- CLO4: Chứng minh được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay

- CLO6: Có kỹ năng phân tích, liên hệ với thực tiễn xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

- CLO7: Bác bỏ, phê phán những quan điểm sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO8: Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CĐR (%)
I. Kiểm tra thường xuyên (3)	15%	Điểm danh	- Điểm danh	Rubricchuyên cầu (R1)		0	
	15%	Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Phát biểu, thảo luận trên lớp	Rubric thảo luận, thuyết trình nhóm (R2,4)	CLO1 CLO2 CLO3	10	
II. Kiểm tra giữa kỳ (1)		Bài kiểm tra 1 tiết	Trắc nghiệm trên giấy	Theo đáp án và thang chấm	CLO 1 CLO2 CLO3	10	40%
III. Thi cuối kỳ (1)	50%	Thi kết thúc học phần	- Bài tập lớn/ Trắc nghiệm trên hệ thống	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết (R5)/ Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	60%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,*Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL: 0TH*)
- Mã học phần:197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, về kiến thức pháp lý cơ bản một số ngành luật gồm*:* Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học khái quát được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, những nội dung cơ bản, tổng quát, những nhận định, so sánh một số ngành luật trong hệt hống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng được những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

- CO3: Học phần giúp người học có thể tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác trên thực tiễn sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học trình bày, phân tích, chứng minh được các vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật; xác định được các hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra trên thực tế trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO2: Ngườihọctiếp cận được quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành được áp dụng trong cuộc sống xã hội; Vận dụng được kiến thức của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân, hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Xác lập được phẩm chất đạo đức, ý thức pháp luật, rèn luyện, tôn trọng, sống, học tập, và làm việc theo Hiến pháp và Luật; - Có cái nhìn khách quan về toàn bộ các quy định của pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng đổi mới đất nước hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước	2	1		0		10
Chương 2: Một số vấn đề chung về pháp luật	4	3		4		20
Chương 3: Luật Hiến pháp	2	1		0		10
Chương 4: Luật Hành chính	2	2		0		10
Chương 5: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	1		0		10
Chương 6: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	2		4		10
Chương 7: Luật Hình sự	2	1		2		10
Chương 8: Luật Lao động	2	1		2		10
Tổng	**18**	**12**		**12**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; phát vấn; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm)*	Rubric viết Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Thangđiểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Q1: Lê Văn Minh (chủ biên), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động, 2016.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

2) Q1: Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

3) Q2: Thái Vĩnh Thắng, Vũ HồngAnh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

6.7. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ Basic of Vietnamese culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 18TL: 6TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa Việt Nam từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa – xã hội.
- CO2: Người học rèn được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc.
- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng về văn hóa; vận hành đề án đề tài liên quan đến văn hóa, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người hiểu biết về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng từ đó chủ động hoàn thiện bản thân trong môi trường xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Phân biệt, khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về văn hóa từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Phân tích được những hiểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Sử dụng ngôn ngữ và ứng xử giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.
- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống dưới góc nhìn đa chiều, linh hoạt và toàn diện.
- CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu, và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	0	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	0	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	1	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	1	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Thực hành	0	0	0	6	0	0
Nội dung 8 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 9 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 13 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 14 Tổng kết	1	2	0	0	0	3
Tổng	**18**	**18**	**0**	**6**	**0**	**136**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	
III. Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá VN*, NXB. GD

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá VN,* NXB. GD

3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương,* NXB.VH TT HN

6.8a. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI/HISTORY OF WORLD CIVILIZATION

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24 TL, BT)
- Mã học phần 124095
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được các điều kiện ra đời của các nền văn minh: tự nhiên, xã hội, cư dân… giải thích các yếu tố tự nhiên, xã hội chi phối đến sự hình thành và giá trị của các nền văn minh; Nêu được các thành tựu của các nền văn minh cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại của nhân loại
- CO2: SV hình thành và phát triển các kĩ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá các giá trị văn minh nhân loại;lý giải sự kế thừa văn minh nhân loại đối với sự phát triển văn minh hiện đại và đương đại
- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của môn Lịch sử văn minh thế giới, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại trong nền văn minh đương đại

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các nền văn minh trong lịch sử nhân loại
- CLO2: Lí giải được các yếu tố chi phối đến sự ra đời, các giá trị của nền văn minh các quốc gia, khu vực qua ừng thời kì lịch sử
- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy chuyên đề trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử văn minh thế giới, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề khái niệm-Văn minh Bắc Phi và Tây Á 1.1. Một số vấn đề khái niệm 1.2. Văn minh Ai Cập cổ đại 1.3. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại	3	3				15
Chương 2: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại 2.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Ấn Độ cổ trung đại 2.2. Thành tựu văn minh	3	3				15
Chương 3. Văn minh Trung Quốc cổ trung đại 3.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Trung Quốc cổ trung đại 3.2. Những thành tựu chủ yếu	3	3				15
Chương 4. Văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại 4.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Hy La cổ đại 4.2. Các thành tựu chủ yếu	3	3	2			15
Chương 5. Tây Âu trung đại 5.1. Điều kiện ra đời Tây Âu trung đại 5.2. Thành tựu văn minh Tây Âu thế kỉ V-VIV 5.3. Văn hóa Phục hung	3	3	2			15
Chương 6: Văn minh công nghiệp và văn minh thế kỉ XX 6.1. Điều kiện ra đời văn minh công nghiệp 6.2. Văn học, nghệ thuật cận đại 6.3. Văn minh thế kỉ XX	3	3	2			15
Tổng	18	18	6			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp da dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)**			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (1998), *Lịch sử văn minh thế giới,* Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

2) Almanach, *Những nền văn minh thế giới* (2015), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3) Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

6.8b. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG THANH HÓA/

6.9a. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH/Vietnamese in use

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần: 123205
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm; từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm và về các kĩ năng sử dụng tiếng Việt trên các phương diện từ tạo lập và tiếp nhận văn bản đến đặt câu, dùng từ, chính tả trong văn bản.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các đơn vị tiếng Việt từ văn bản, câu, từ và chính tả và thực tiễn sử dụng tiếng Việt, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt tiếng Việt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về văn bản vào việc thực hành tạo lập và phân tích các văn bản; có kỹ năng phân tích và tạo lập văn bản; kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng chính tả.

- CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản	5	4	0	2	0	20
Rèn luyện kĩ năng tiếp nhận văn bản	5	4	0	1	0	20
Rèn luyện kĩ năng đặt câu trong văn bản	4	4	0	2	0	20
Rèn luyện kĩ năng dùng từ trong văn bản	2	4	0	1	0	15
Rèn luyện kĩ năng chính tả tiếng Việt	2	2	0		0	15
Tổng	**18**	**18**	**0**	**6**	**0**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu…

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	20%
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO1, CLO2	

II	**Kiểm tra giữa kỳ**			30%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

[2]. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

6.9b. THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG VIỆT/ Practice Vietnamese text

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Trên cơ sở giới thiệu các vấn đề chung nhất về tiếng Việt, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản tiếng Việt. Đó là: khái niệm và đặc trưng của văn bản, câu trong văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt. Từ đó, người học có

khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết để tạo lập và phân tích văn bản theo các phương diện cụ thể.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức vững chắc về tiếng Việt và văn bản tiếng Việt như: khái niệm và đặc trưng của văn bản, câu trong văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về văn bản tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các văn bản tiếng Việt thuộc các phong cách chức năng, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về văn bản tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý thuyết vào việc thực hành tạo lập và phân tích văn bản thuộc các phong cách chức năng tiếng Việt.

- CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về văn bản tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy-học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Mở đầu về văn bản	3	2	0	1	0	15
Văn bản, đặc trưng và phân loại văn bản	5	4	0	1	0	20
Câu trong văn bản	3	4	0	1	0	15

Đoạn văn	4	4	0	2	0	20
Những vấn đề về nội dung và hình thức của văn bản	3	4	0	1	0	20
Tổng	**18**	**18**	**0**	**6**	**0**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu…

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	**Phương pháp kiểm tra, đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**CĐR liên quan**	**Trọng số**
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	20%
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO1, CLO2	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	30%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).
- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.
- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Phan Mậu Cảnh, (2008) *Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt*, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

[2].Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.10a. THỐNG KÊ XÃ HỘI/Social Statistics

- Số tín chỉ học tập: 02 (18LT; 24TL, BT)
- Mã học phần: 125016
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết, thống kê các phương pháp, công cụ và quá trình thống kê về các vấn đề xã hội; qua đó giúp người học biết sử dụng và lựa chọn các phương pháp trong thống kê xã hội (điều tra, thu thập số liệu; xử lí số liệu; phân tích) áp dụng trong các công việc cụ thể và phân tích, giải thích kết quả điều tra một cách rõ ràng, chính xác.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Trình bày được nội dung các thuật ngữ cơ bản của thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và giải thích cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; có thể giải thích được những nội dung thống kê trong một số lĩnh vực xã hội chủ yếu như mức sống, dân số, lao động, giáo dục, y tế.

- CO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội (bảng hỏi) đơn giản, tính toán được một số mức độ thường dùng trong thống kê, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian; có thể xây dựng và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành GDP, năng suất lao 2 động, tiền lương. Trong một số lĩnh vực thống kê xã hội, sinh viên có thể phân tích được biến động dân số, phân tích nghèo đói và bất bình đẳng và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê xã hội phổ biến.

- CO3: Có ý thức trong việc áp dụng các lý thuyết thống kê trong công việc, nhất là trong nghiên cứu khoa học, điều hành doanh nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và trình bày được các nội dung cơ bản của công tác thống kê các vấn đề xã hội; áp dụng cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; phân tích và giải thích được sự thay đổi của các thông số kinh tế xã hội theo thời gian và không gian.

- CLO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội học, tiến hành các bước điều tra xã hội, xử lý các số liệu sơ cấp; tính toán các mức độ thường dùng trong thống kê, phân tích các giải thích sự biến động của các hiện tượng kinh tế xã hội qua các số liệu thu thập được.

- CLO3: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực

tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về thống kê xã hội (LT:2, TL:2) 1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung môn học 2. Khái quát các giai đoạn phát triển khoa học thống kê 3. Đặc điểm của khoa học thống kê hiện đại 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5. Những quy định của Nhà nước về thống kế	2	2				15
Chương 2. Khái niệm cơ bản về thống kê (LT:4, BT:6) 1. Một số vấn đề lý thuyết thống kê 2. Dữ liệu, số liệu 3. Những đơn vị thống kê 4. Lập bảng biểu và biểu diễn dữ liệu thống kê 5. Những số liệu thống kê	4	3	2			20
Chương 3. Quá trình nghiên cứu thống kê (LT:4, TL:2, BT:4) 1.Khái niệm về quá trình nghiê cứu thống kê 2. Xác định đối tượng và xây dựng hệ thống khái niệm, chỉ tiêu thống kê 3. Điều tra thống kê 4. Xử lý thống kê 5. Dự báo thống kê	4	3	2			19
Chương 4. Thống kê dân số, lao động (LT:4, TL:2, BT:3) 1. Thống kê dân số 2. Thống kê nguồn lao động	4	3	2			18

3. Thống kê lực lượng lao động 4. Thống kê laao động trong doanh nghiệp						
Chương 5. Thống kê một số vấn đề xã hội (LT:4, TL:2, BT:3) 1. Thống kê về chất lượng cuộc sống 2. Thống kê bảo hiểm xã hội 3. Thống kê bảo trợ xã hội và cứu trợ xã hội	4	3	2			18
	18	**14**	**10**			**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2, 3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2, 3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3	
6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1,2, 3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Bài tập, trắc nghiêm	Đề thivàđápán	CLO1,2, 3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đápán	CLO1,2,3	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra GK.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trìnhbắt buộc:***

1) PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết thống kê, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

**** Tài liệutham khảo:***

1) Nguyễn Ngọc Cương, *Thống kê Xã hội học,* NXBGD 2002.

2) PGS.TS Bùi Xuân Phong (2002), Thống kê và ứng dụng. Nxb Thống kê

6.10b. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG/Introduction to Sociology

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 123240
- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội…, phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

CO2: Hình thành và phát triển các kĩ năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được: đối tượng, chức năng, cơ cấu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học

- CLO2: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học, quan điểm của một số nhà xã hội học tiêu biểu

- CLO3: Sinh viên giải thích được các khái niệm: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội và phân tích, đánh giá được các vấn đề xã hội ở các phạm trù này diễn ra trong đời sống

- CLO4: Sinh viên nhận diện và phân tích được các không gian văn hoá, quá trình xã hội hoá, sự biến đổi của xã hội từ đó giải thích được các phạm trù xã hội trong cuộc sống.

- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, thiết kế được chương trình nghiên cứu xã hội học

- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề xã hộitừ hướng tiếp cận xã hội học

4. Nội dung học phần

Nội Dung	**Hình thức tổ chức dạy học học phần**							**Tổng**
	Lý thuyết	Xêmina	Làm việc nhóm	Khác (điền giã, thực tế…)	Tự học, tự NC	Tư vấn của GV	KT-ĐG	
Nội dung 1: Xã hội học là một khoa học	2				8	x		10
Nội dung 2: Lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học	2	2			8	x	1 bài	12
Nội dung 3: Hành động xã hội và tương tác xã hội	2	2			10	x		14
Nội dung 4: Tổ chức xã hội và Thiết chế xã hội	2	2			10	x	1 bài	14
Nội dung 5 Cơ cấu xã hội	4	4			10	x		14
Nội dung 6 Văn hóa		2			10	x	1 bài	14
Nội dung 7 Xã hội hóa	2	2			10	x		14

Nội dung 8 Biến đổi xã hội	2	2			10	x	1 bài	14
Nội dung 9 Thực hành nghiên cứu xã hội học	2	2		6	14	x		26
Tổng	**18**	**18**		**6**	**90**		4 bài	132

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	**Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề xã hội từ cách tiếp cận xã hội học** - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề xã hội - Mục đích: giúp sinh viên xác định và đánh giá được các vấn đề xã hội trong cuộc sống. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2	30%
2	**Phân tích hành động học tập của sinh viên để hiểu về hành động xã hội (1 phạm trù quan trọng trong nghiên cứu XHH)** - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung hành động xã hội, tương tác xã hội. - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	**Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến những biến đổi ở trong xã hội** - Bài tập cá nhân - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung biến đổi xã hội - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Phân tích một vấn đề xã hội tồn tại trong giới trẻ hiện nay	Rubric 5	CLO1, CLO2,	20%

	- Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm		CLO5	
III	**Thi cuối kỳ**			
	- Hình thức: + *Phần lý thuyết:* thi trắc nghiệm + *Phần vận dụng :* đánh giá, phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn xã hội học. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

1) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), *Xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

1) Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy (2004), *Xã hội học*, NXB Thống kê

2) Nguyễn Sinh Huy (1999), *Xã hội học đại cương,* ĐHQG, Hà Nội

6.11. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 26TL: 10TH*)
- Mã học phần:154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp vàđổi mới sáng tạotừ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyếtvề khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não… vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.

- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20

Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
Tổng	**27**	**26**		**10***		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5,6	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
III. Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi*	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	

	nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)			
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ,* NXB Phụ nữ.

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

1) Lê Hoằng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*. (Tài liệu lưu hành nội bộ)

2) Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phượng (dich); NXB Thời đại.

3) Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân.

6.12. CÔNG NGHỆ SỐ/Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20 TL, 0 TL, 50 TH)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bao gồm:

- Học vấn số hoá phổ thông nhằm giúp sinh viên hoà nhập với xã hội hiện đại, sử dụng được các thiết bị số và phầnmềm cơ bản thông dụng một cách có đạo đức,

văn hoá và tuân thủ pháp luật.

- Giúp sinh viên củng cố và nâng cao năng lực về công nghệ thông tin đã được hình thành, phát triển ở giai đoạn giáo dục phổ thông, đồng thời cung cấp cho sinh viên tri thức mang tính ứng dụng công nghệ số trong ngành nghề của mình sau khi tốt nghiệp.

- Trang bị chosinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính; củng cố và phát triển hơn nữa cho sinh viên tư duy giải quyết vấn đề, khả năng đưa ra ý tưởng và chuyển giao nhiệm vụ cho máy tính thực hiện.

- Trang bị chosinh viênkhả năng ứng dụng tin học, tạo ra sản phẩm số phục vụ cộng đồng và nâng cao hiệu quả công việc; có khả năng lựa chọn, sử dụng, kết nối các thiết bị số, dịch vụ mạng và truyền thông, phần mềm và các tài nguyên số khác.

- Giúp sinh viên có khả năng hòa nhập và thích ứng được với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học; tìm kiếm và trao đổi thông tin theo cách phù hợp, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, ứng xử văn hoá và có trách nhiệm; có hiểu biết thêm một số ngành nghề thuộc lĩnh vực tin học, chủ động và tự tin trong việc ứng dụng công nghệ số vào nghề nghiệp tương lai của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Tin học và xử lý thông tin 1.2. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng	3	0	0	2		12

1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số						
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Phân loại mạng máy tính 2.3. Internet và Internet of Things 2.4. Tìm kiếm và trao đổi thông tintrên mạng 2.5. Sử dụng dịch vụ web, tự bảo vệ khi tham gia mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số (3, 0, 0) 3.1. Nghĩa vụ tuân thủ pháp lý trong môi trường số 3.2. Ứng xử văn hoá và an toàn trên mạng 3.3. Gìn giữ tính nhân văn trong thế giới ảo	3	0	0	0		9
Chương 4. Hệ thống thông tin số (5, 0, 0) 4.1. Các khái niệm 4.2. Quy trình chuyển đổi số hệ thống thông tin quản lý 4.3. Một số hệ thống thông tin số	5	0	0	0		15
Chương 5: Ứng dụng Công nghệ số (4, 0, 35) 5.1. Kỹ thuật soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Phần mềm bảng tính 5.4. Phân tíchdữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ tổ chức hội nghị/đào tạo trực tuyến (Google Meet) 6.3. Công cụ khảo sát/kiểm tra/đánh giá trực tuyến (Google Form)	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	**Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số** - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	**Kỹ thuật trình chiếu** - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	**Thực hành bảng tính** - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	**Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,…)** - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%

III	**Thi cuối kỳ**			
	- Hình thức: + *Phần lý thuyết:* thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + *Phần thực hành*: thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 30 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

1) Lê Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản,* Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

**** Tài liệu tham khảo:***

1) Minh Quý, 2013, *Microsoft Office 2007*, NXB Hồng Đức.

6.13. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã số học phần: 125105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn lao động trong lao động sản xuất vàcuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong lao động sản xuất và trong cuộc sống

- CO2: Người học có khả năng phân tích, dự báo, nhận diện được các vấn đề về môi trường cũng như kỹ năng xử lý các vấn đề đó

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, giải quyết được các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO2: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO3: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lí thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- CLO5: Xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Chương 1.Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1.Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và	2	3				15

cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin						
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái họctrong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người. 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.	3	4				15
Chương 3.Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số	4	6				15

3.1.1.Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tang dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN Một số loại TNTN						
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi	3	4				15

trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác						
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axít 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tâng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3.Nội dung cuae PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam	3	4				15
Chương6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinhvà an toànlao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở;	3	3				15

6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.						
Tổng	**18**	**24**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợplinh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:***

1) Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

**** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2) *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.14. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36,24,24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ tiền A2.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại đượckiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, áp dụng các kỹ thuật nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi nói, lựa chọn các kỹ thuật viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích bài đọc tiếng Anhtrình độ tiền A2 theo khung NLNNVN.Người học áp dụng định dạng bài thi nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2 để thực hành.

- CO2: Vận dụng, tổng hợp kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình; áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm; vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc; có kỹ năng quản lý thời gian, hoạt động của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2.

- CLO2: Sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ tiền A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ tiền A2; có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction 1.2. Orientation 1.3. Diagnostic test 1.4. - IPA: phonemic chart + vowels + consonants + monothongs +diphthongs	2	1,5	1,5		1	8
Nội dung 2: Unit 1A – My name's Hannah, not Anna 2.1. Grammar: verb *to be*, subject pronoun, possessive adjectives 2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space 2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 – 20; Greetings 2.4. Speaking: making small talks, Days of the week; tel Number; Greetings 2.5. Writing: describing a stage of life	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 3: Unit 1B; Unit 1C 3.1. Grammar: verb *be*? and -, comparatives 3.2. Listening: grammar focus on verb *be* and comparatives, possessive adjectives 3.3. Reading: grammar focus on	3	1,5	1,5		0	8

verb *be* and comparatives, possessive adjectives 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about people description 3.5. Writing: describing people						
Nội dung 4: Unit 2A 4.1. Grammar: a/an, plurals; this/that, these/those 4.2. Listening: grammar focus on plurals 4.3. Reading: grammar focus on plurals 4.4. Speaking: things 4.5. Writing: describing things	2	1,5	1,5		1	8
Nội dung 5: Unit 2B; Unit 2C 5.1. Grammar: adjectives, imperatives, let's 5.2. Listening: colors, adjectives, modifiers, feelings 5.3. Reading: colors, adjectives, modifiers, feelings 5.4. Speaking: describing your unforgettable experience	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 6: Unit 3A 6.1. Grammar: present simple 6.2. Listening: third person -s 6.3. Reading: present simple 6.4. Speaking: describing favorite things, people 6.5. Writing: describing favorite things, people	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C 7.1. Grammar: word order in questions, sentence stress 7.2. Listening: word order in questions, sentence stress, jobs 7.3. Reading: job, love online 7.4. Speaking: describing job, love online	2	1,5	1,5		1	8

7.5. Writing: describing job, Love online						
Nội dung 8: Unit 4A, Unit 4B, Unit 4C 8.1. Grammar: Whose…?, possessives, prepositions, 8.2. Listening: possessions, prepositions of places and time, everyday activities 8.3. Reading: possessions, prepositions of places and time, everyday activities 8.4. Speaking: sayings about everyday activities 8.5. Writing: everyday activities	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 9: Unit 5A, Unit 5B, Unit 5C 9.1. Grammar: can, can't, present continuous 9.2. Listening: sentence stress, buying a newspaper, weather and seasons 9.3. Reading: buying a newspaper, weather and seasons 9.4. Speaking: weather and seasons 9.5. Writing: weather and seasons	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C 10.1. Grammar: object pronouns, 10.2. Listening: phone language, the dates, numbers 10.3. Reading: phone language, the dates, numbers 10.4. Speaking: discussing views on: phone language, the dates, numbers 10.5. Writing: describing places	3	1,0	1,0		1	8

Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C 11.1. Grammar: past simple 11.2. Listening: sentence stress, time expressions 11.3. Reading: a memorable night 11.4. Speaking: discussing a memorable night 11.5. Writing: a memorable night	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C 12.1. Grammar: nouns, comparatives 12.2. Listening & Reading: nouns, comparatives 12.3. Speaking: comparing landscapes, 12.4. Writing: describing a meal	2	2	2		0	8
Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C 13.1. Grammar: superlative adjectives 13.2. Listening & Reading: holiday, places 13.3. Speaking: holiday, places	2	2	2		0	8
Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C 14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses 14.2. Listening & Reading: films, personal information, episode 14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview 14.4. Instruction for final test	2	1,0	1,0		2	8

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐRliên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric kiểm tra nói	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Thi trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm...
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Giáo trình bắt buộc:

1) Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson,*2012, English File–Elementary 3rd edition*, Oxford University Press.

2) Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A,* Nhà xuất bản Thanh Hoá.

**** Tài liệu tham khảo:***

1) Raymond Murphy (2013), *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng.130 bài tập thực hành.*NXB Thời đại

2) Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press

6.15. TIẾNG ANH 2/ENGLISH 2

- Số tín chỉ: 3 (27 LT,18 TL,18 TH)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ cuối A2.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, áp dụng các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích kỹ thuật Đọc hiểu để làm bài Đọc tiếng Anh trình độ cuối A2 theo khung NLNNVN. Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ cuối A2 để thực hành.

- CO2: Vận dụng, lựa chọn, tổng hợp lại kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.

- CLO2: có khả năngsao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ cuối A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độcuối A2; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Grammar 1.1. Present perfect vs. past simple	3,0	1,0	1,0		0	7,0

tense 1.2. Present perfect continuous 1.3. Present perfect continuous or present perfect simple 1.4. Past perfect 1.5. Past perfect continuous 1.6. Future perfect and future perfect continuous						
Nội dung 2: Grammar 2.1. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to 2.2. Conditional sentences type 1 and 2 2.3. Conditional sentences type 3 2.4. Subjunctive 2.5. Passive	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 3: Grammar 3.1. Reported speech 3.2. -ing and the infinitive 3.3. Be/get used to **something** (I'm used to…) 3.4. Prefer and would rather, Had better do something**;** It's time someone did something 3.5. Defining relative clauses 3.6. Non-defining relative clauses	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B, Progress test 1 4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer**,** Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions, 4.2. Listening: Spelling and numbers 4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend 4.4. Reading: "Who know you better- your mother or your best friend?"	2,0	1,0	1,0		1	7,0

4.5. Writing: Describe a person						
Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B 5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous 5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays 5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday 5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo 5.5. Writing: Describe a favourite photo	3,0	1,0	1,0		0	7,0
Nội dung 6: Unit 2C, 3A, Midterm test 6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions) 6.2. Listening: Listen to three travellers' plans and dreams 6.3. Speaking: using picture to retell a story 6.4. Reading: Read the story of *Hannah and Jamie* and readabout *Top airports in the world*	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C 7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause 7.2. Listening: the dates, guessing words 7.3. Reading: the dates, the ways to create new words 7.4. Speaking: make arrangement, defining words 7.5. Writing: write an informal email	2,0	1,0	1,0		1	7.0
Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B 8.1. Grammar: present perfect or past simple 8.2. Listening: teenage carers, shopping	2,0	1,5	1,5		0	7,0

8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview 8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping 8.5. Writing: teenagers' habits						
Nội dung 9: Unit 4C; Revise $ check, Progress test 2 9.1. Grammar: something, anything, nothing 9.2. Listening: Sven's weekend 9.3. Reading: spending weekend in the UK 9.4. Speaking: making weekend more interesting 9.5. Writing: your weekend	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 10: Unit 5A, 5B 10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as…as, superlatives (+ ever + present perfect) 10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly 10.3. Speaking: Talk about changes in life 10.4. Reading: Read the article *We're living faster, but are we living better?*and*All capital cities are unfriendly – or are they?* 10.5. Writing: Write a description of the place	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 11: Unit 5C, 6A 11.1. Grammar: quantifiers, too, not enough, Will/won't (predictions) 11.2. Listening: Listen to a radio programme 11.3. Speaking: Do the questionnaire about diet and lifestyle 11.4. Reading: Read the article *Everything bad is good for you* and *A pessimist plays a pessimist*	2,0	1,5	1,5		0	7,0

Nội dung 12: Unit 6B, 6C 12.1. Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises), Reviewing of verb forms: present, past, future 12.2. Listening: Listen to a news programme, listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams. 12.3. Speaking: Talk about decisions, offers, promises, Roleplay interpreting partners' dreams 12.4. Reading: Read and match dreams with interpretations	3,0	1,0	1,0		0	7,0
Nội dung 13: Revise & Check 5& 13.1. Revise & Check 13.2. Progress test 3	0	1	1		1	7,0

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra - đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric kiểm tra nói	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm...
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

**** Giáo trình bắt buộc:***

1) Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, *2013.English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)

2) Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 2).* Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

**** Tài liệu tham khảo:***

1) Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1).

2) Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2).

3) Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3).

6.16. TIẾNG ANH 3/ENGLISH 3

- Số tín chỉ: 3 (27 LT,18 BT,18 TH)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ B1.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích bài Đọc tiếng Anh trình độ B1 (Bậc 3 theo khung NLNNVN). Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 để thực hành.
- CO2: Lựa chọn, sắp xếp, phân loại và vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học

vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học lập kế hoạch quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.

- CLO2: có khả năngsao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ B1, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Bài 7A & Bài 1.2 1.1. Course Introduction 1.2. Course Orientation 1.3. Unit 7 & Unit 1.2; 1.3.1. Grammar: Infinitive with "to" 1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend's parents 1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship 1.3.4. Speaking: describing people 1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 2: Bài 7B & Bài 1.1 2.1. Grammar: use of gerund 2.2. Listening: an interview on a singing course 2.3. Reading: Happiness is… 2.4. Speaking: giving opinion 2.5. Writing: 10 sentences about	2,0	1,5	1,5		0	7,0

likes/dislikes						
Nội dung 3: Bài 7C & Bài 8.1 3.1. Grammar: have to, must 3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language. 3.3. Vocabulary: modifiers 3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English 3.5. Writing: A formal email	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 4: Bài 8A & Bài 5.1 4.1. Grammar: Should 4.2. Listening: Listen to a radio program 4.3. Reading: Too macho to talk 4.4. Speaking: compare with a partner how to give advice 4.5. Writing: write a response to one of the problems and giving advice	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 5: Bài 8B & Bài 9.2 5.1. Topics: Environment 5.2. Grammar: If + present, will + infinitive (first conditional) 5.3. Listening: 3 things that could go wrong when you are on holiday. 5.4. Reading: It always happen 5.5. Speaking: confusing verbs	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 6: Bài 9A & Bài 10.1 6.1. Grammar: If + past, would + infinitive (second conditional) 6.2. Listening: Understand a conversation 6.3. Reading: Would you know what to do 6.4. Speaking: About situation with "would do" 6.5. Pronunciation: word stress	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 7: Bài 9C & Bài 7.2 7.1. Topics: Leisure 7.2. Grammar: present perfect or	2,0	1,0	1,0		1	7.0

past simple 7.3. Listening: famous singers 7.4. Vocabulary: biographies 7.5. Speaking: Talk about a member of you family 7.6. Writing: A biography						
Nội dung 8: Bài 10B & Bài 3.1 8.1. Grammar: used to 8.2. Listening: reports of famous people 8.3. Reading: Could do better 8.4. Speaking: You at primary school 8.5. Writing: writing a haiku	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 9: Bài 10C & Bài 10.2 9.1. Topics: Music and festival 9.2. Grammar: might 9.3. Listening: music and festival 9.4. Reading: Is too much choice making us happy? 9.5. Speaking: Interview a partner with a questionnaire 9.6. Writing: a paragraph about festival	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 10: Bài 11A & Bài 7.1 10.1. Grammar: expressing movement 10.2. Listening: sport commentaries 10.3. Reading: Bad losers 10.4. Speaking: Your role as a sport player 10.5. Writing: An opinion essay	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 11: Bài 11B & Bài 4.1 11.1. Topics: Morning person 11.2. Grammar: word order or phrasal verbs 11.3. Reading: Early bird! 11.4. Speaking: Your wake-up 11.5. Writing: write a letter	2,0	1,5	1,5		0	7,0

Nội dung 12: Bài 12A & Bài 12.1 12.1. Grammar: past perfect 12.2. Listening: news story 12.3. Reading: News around the world 12.4. Speaking: Practice telling news 12.5. Writing: a story	3,0	1,0	1,0		0	7,0
Nội dung 13: Bài 12B & Bài 12.2 12.1. Grammar: reported speech 12.2. Listening: conversation 12.3. Reading: Here's a secret 12.4. Speaking: Practice telling a gossip 12.5. Writing: a gossip of a famous person	2,0	0	0		1	7,0

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm...
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

**** Giáo trình bắt buộc:***

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, *2011.English File–Pre-intermediate 3rd edition.* Oxford University Press.

2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET.* Richmond Publishing.

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press.

2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press.

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02 (3, 27)
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.

Nguồn ngốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu

Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.

Năng lực đạt được:

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa

Tài liệu tham khảo:

Học liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[2]. Uỷ ban TDTT (2015), *Luật Điền kinh*, NXB TDTT.

Học liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Đại Dương (2000), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[4]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Sư phạm.

Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

Số tín chỉ: 02 (30, 0)

Mã học phần: 191031

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

***Nội dung học phần**:*

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)

Năng lực đạt được:

Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đấp bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

2. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Quang *(2001)*, *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền* NXB TDTT, Hà Nội.

4. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyền bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn Bóng đá

Số tín chỉ: 02 (30, 0)

Mã học phần: 191033

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.

Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.

Năng lực đạt được:

Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu

Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản

Hiểu được một số điểm của luật

Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1.PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2017

Học liệu tham khảo

2. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014 Nxb TDTT*.

3. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân7 người, năm 2001 Nxb TDTT*.

4. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011 Nxb TDTT*.

c. Học phần tự chọn môn Bóng rổ.

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191034

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phũng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;

Năng lực đạt được:

Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Học liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, TDTT.

[3]. Uỷ ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

[4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

d. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191032

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thể cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

Năng lực đạt được:

Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khoẻ, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic

2. Mục tiêu học phần:

Tài liệu tham khảo:

Học liệu bắt buộc:

[1]. Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic,* NXB TDTT

Học liệu tham khảo:

[2]. Vũ Thanh Mai (2011), *Giáo trình Khiêu vũ thể thao*, NXB TDTT

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TDTT

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191035

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đinh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được:

Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự "*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ*)" tập 1, NXB TDTT, 2008.

Học liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinan – Việt võ đạo (VVN-VVĐ)*

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Nhu khí công quyền 2 - Vovinam, NXB TDTT.

VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết

I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam

- Số đơn vị học trình: 3
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lich sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năng lực đạt được:

+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liện hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sắn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo chính

Học liệu chính

[1]. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc,* Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh

- Số đơn vị học trình: 2
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Năng lực đạt được:

+ Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liện hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sắn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1,* Nxb. Giáo dục.

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012)*, Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự,* Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017 và 2020), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*.

[2]. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

III. Học phần 3: Quân sự chung

- Số đơn vị học trình: 02
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

***Nội dung học phần*:** Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.

Năng lực đạt được:

Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.

Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Thuần thục cách sử dụng bản đồ.

Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. BGD&ĐT (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2,* NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1]. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

[2]. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam,* NXB Quân đội nhân dân.

[3]. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

IV. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số đơn vị học trình: 4
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỹ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.

Năng lực đạt được:

Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.

Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.

Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.

Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. BGD&ĐT (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Tổng Tham Mưu - Cục Quân huấn (2012), *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh,* NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

6.17. TÂM LÝ HỌC/PSYCHOLOGY

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 48 TL; 0 TH)
- Mã HP: 181080
- Số tín chỉ: 04
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần tâm lý học cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo…

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Phân tích được đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.

- CO2: Phân tích được đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự hình thành khái niệm, sự phát triển trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học - phát triển trí tuệ; cấu trúc tâm lý và các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.

- CO3: Phân tích được đặc điểm của nghề dạy học, các thành phần cơ bản trong năng lực của người thầy giáo, các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

- CO4: Có khả năng vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân; trong tổ chức, điều khiển các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh.

- CO5: Vận dụng kiến thức và phương pháp học tập Tâm lý học để giải quyết các tình huống thực tế trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống.

- CO6: Có khả năng ứng xử trong các tình huống sư phạm để thích ứng với môi trường giáo dục và dạy học; trong hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, với học sinh và cộng đồng

- CO7: Nhận thức được được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức tâm lý học đối với đời sống, đặc biệt hoạt động nghề nghiệp sau này; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học phân tích được một cách khái quát về tâm lý con người nói chung và tâm lý học sinh ở các lứa tuổi THCS, THPT; đặc điểm, cấu trúc nhân cách người thầy giáo.

- CLO2: Đánh giá được cơ sở khoa học của việc vận dụng được kiến thức cơ bản của Tâm lý học vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS, THPT.

- CLO3: Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch và tổ chưc thực hiện kế hoạch dạy học, phát triển trí tuệ, kĩ năng, kĩ xảo, đạo đức, nhân cách cho học sinh.

- CLO4: Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào giảng dạy, giáo dục và ứng xử sư phạm ở trường THCS, THPT; hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng để thích ứng tốt với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.

- CLO5: Có khả năngnhận diện, định hướng, thích nghi với môi trường, các vấn đề nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp ở trường THCS và THPT; tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống; Người học có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và có khả năng thích ứng tích cực với sự đổi mới trong công tác giáo dục.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC **1. Đối tượng, nhiêm vụ của tâm lý học** 1.1.Tâm lý học là gì ? 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học **2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý** 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC 2.2. Chức năng của tâm lý 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý **3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý** 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý	3	3				13
Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC **1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người** 1.1. Di truyền và tâm lý 1.2. Não và tâm lý **2. Cơ sở xã hội của tâm lý người** 2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý 2.2. Hoạt động và tâm lý 2.2.1. Khái niệm hoạt động 2.2.2. Đặc điểm của hoạt động 2.2.3. Cấu trúc của hoạt động 2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành TL 2.3. Giao tiếp và tâm lý 2.3.1. Khái niệm giao tiếp 2.3.2. Các loại giao tiếp 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành TL	3	3				14

3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể 3.1. Sự hình thành và phát triển TL về phương diện cá thể 3.1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức 3.2.1.1. Ý thức là gì? 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức 3.2.2. Các cấp độ của ý thức 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân **4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức** 4.1. Khái niệm chú ý 4.2. Các thuộc tính của chú ý 4.3. Các loại chú ý						
Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC **1. Nhận thức cảm tính** 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác **2. Nhận thức lý tính** 2.1. Tư duy 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy 2.1.3. Các thao tác của tư duy 2.1.4. Các loại tư duy 2.2. Tưởng tượng 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng **3. Trí nhớ**	6	6				27

3.1. Khái niệm chung về trí nhớ 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 3.2.1. Quá trình ghi nhớ 3.2.2. Quá trình giữ gìn 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 3.2.4. Sự quên và cách chống quên 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ **4. Ngôn ngữ và nhận thức** 4.1. Khái niệm ngôn ngữ 4.2. Chức năng của ngôn ngữ 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức						
Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH **1. Khái niệm chung về nhân cách** 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc điểm của nhân cách **2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách** 2.1. Xu hướng 2.1.1. Khái niệm xu hướng 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng 2.2. Năng lực 2.2.1. Năng lực là gì? 2.2.2. Các mức độ của năng lực 2.2.3. Phân loại năng lực 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX 2.3. Tính cách 2.3.1. Tính cách là gì? 2.3.2. Cấu trúc của tính cách 2.4. Khí chất 2.4.1. Khí chất là gì? 2.4.2. Các kiểu khí chất 2.5.Tình cảm, ý chí 2.5.1. Tình cảm 2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm	6	9				32

2.5.1.3. Vai trò của tình cảm 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm 2.5.2. Ý chí 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chí của ý chí 2.5.2.2. Hành động ý chí 2.5.2.3. Hành động tự động hóa **3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.** 3.1. Giáo dục và nhân cách 3.2. Hoạt động và nhân cách 3.3. Giao tiếp và nhân cách 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách						
Chương 5: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI - SƯ PHẠM **1. Khái quát về TLHLT và TLHSP** 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP 1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và TLH sư phạm **2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em** 2.1. Quan niệm về trẻ em 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển TL trẻ em 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý 2.3. Qui luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em **3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em** 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em	3	3				13
Chương 6: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (THIẾU NIÊN) **1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS** **2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS** 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể	3	3				13

2.2. Sự thay đổi điều kiện sống **3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ** 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS **4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS** 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi **5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS.** 5.1. Sự hình thành tự ý thức 5.2. Sự phát triển tình cảm **6. Một số vấn đề tư vấn TLH đường cho học sinh THCS**						
Chương 7: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG **1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT** 1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT 1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể 1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển **2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ** 2.1. Đặc điểm hoạt động học tập 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ **3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu** 3.1 Sự phát triển của ý thức 3.2. Sự hình thành thế giới quan 3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm **4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp** **5. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT**	3	3				14
Chương 8: TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC **1. Hoạt động dạy** **2. Hoạt động học** 2.1. Khái niệm hoạt động học 2.2. Đặc điểm hoạt động học 2.3. Hình thành hoạt động học	3	6				18

2.3.1. Hình thành động cơ học tập 2.3.2. Hình thành mục đích học tập 2.3.3. Hình thành các hành động học **3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học** 3.1. Khái niệm về khái niệm 3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm 3.3. Sự hình thành khái niệm 3.3.1. Một số nguyên tắc chung 3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm **4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo** 4.1. Sự hình thành kỹ năng 4.2. Sự hình thành kỹ xảo **5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ** 5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ 5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ 5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ **6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ** 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và PP của hoạt động dạy học						
Chương 9: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC **1. Đạo đức và hành vi đạo đức** 1.1. Khái niệm đạo đức 1.2. Hành vi đạo đức 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức **2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức** 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức 2.3. ý chí và thói quen đạo đức **3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh** 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh	3	3				13

3.3.Giáo dục đạo đức trong gia đình 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi HS						
Chương 10: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO **1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo** 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp **2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo** 2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo 2.2. Năng lực của người thầy giáo 2.2.1. Năng lực dạy học 2.2.2. Năng lực giáo dục 2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm **3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo** 3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm 3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm 3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì? 3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm **4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo**	3	9				23

5. Phương pháp dạy học

Phương pháo thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (05)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài	CLO1,2,3	10%	

		tập nhóm			
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III	**Thi cuối kì (01)**				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

1. Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Thế giới.
2. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo :***

1. Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương (2021), *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh (1997), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục.

6.18. GIÁO DỤC HỌC/PEDAGOGICS

- Số tín chỉ: 04 (36 LT, 48 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 182005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm

vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, lý luận dạy học, lý luận giáo dục ở bậc phổ thông; hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên phổ thông và nội dung, nhiệm vụ, phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; sử dụng nguyên tăc dạy học, nguyên tắc giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp,giải quyết các tình huống trong thực tiễn giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1:Sinh viên hiểu rõ các khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của Giáo dục học; phân tích được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông.

- CLO2: Sinh viên nắm vững hệ thống lý luận cơ bản về quá trình dạy học, quá trình giáo dục và vận dụng vào quá trình dạy học, giáo dục ở nhà trường phổ thông.

- CLO3: Sinh viên hiểu rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo và đặc điểm lao động sư phạm, những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên phổ thông; nắm vững chức năng, nhiệm vụ, của người giáo viên chủ nhiệm lớp và nội dung, phương pháp công tác chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông, từ đó biết vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp.

- CLO4: Sinh viên phân tích, so sánh bản chất của hoạt động giáo dục; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách học sinh; Phân biệt mục đích, mục tiêu giáo dục, bước đầu xác định mục tiêu học tập của cá nhân phù hợp với mục đích giáo dục của xã hội.

- CLO5: Sinh viên có kỹ năng phát hiện, giải quyết những vấn đề trong thực tiễn dạy học và giáo dục; vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- CLO6: Sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần thiết để giải quyết những vấn đề trong công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

- CLO7: Sinh viên vận dụng kiến thức môn học vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống, học tập và rèn nghề.

- CLO8: Sinh viên hình thành và rèn luyện kỹ năng tự học, tự đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học.

- CLO9: Tăng cường khả năng thích ứng với những thay đổi của chương trình môn học; Sinh viên xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Phần I. Những vấn đề chung của Giáo dục học **Chương I: Giáo dục học là một khoa học** 1.Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người 2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 3. Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học 4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác	3	3				13,5
Chương II: Giáo dục và sự phát triển nhân cách 1.Sự phát triển nhân cách của con người 2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách	2	3				10,5
Chương III: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục 1.Mục đích giáo dục 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nguyên lý giáo dục 4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường 5. Nội dung giáo dục (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018)	5	5				22,5

Phần II: Lý luận dy học và giáo dục **Chương I: Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học** 1. Quá trình dạy học 2. Nguyên tắc và nội dung dạy học 3.Phương pháp giáo dục 4. Các hình thức tổ chức dạy học 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	10	12				48
Chương II: Những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục 1. Quá trình giáo dục 2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục 3. Phương pháp giáo dục	10	12				48
Phần III: Người giáo viên trong nhà trường phổ thông 1.Vị trí, chức năng của người giáo viên trung học 2. Đặc điểm của lao động sư phạm của người giáo viên trung học 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên trung học 4. Những yêu cầu đối với người giáo viên trung học 5. Người giáo viên và vấn đề nâng cao trình độ 6. Công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên ở trường phổ thông	6	13				37,5

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận;hoạt động nhóm;thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**(05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO7,8,9	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-6	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-6	

II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,4,5	20%
III	**Thi cuối kì**			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2006, Giáo trình Giáo dục học,Tập 1,2, NXB ĐHSP.

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT - BGDĐT ban hành *Điều lệ trường THCS, trường THPT.*

6.19. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 198000
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, Giáo dục học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo;

Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lýtrong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (Luật công chức, viên chức; Luật Giáo dục; Điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp…

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1:Sinh viên hiểu rõ bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước.

- CLO2: Sinh viên hiểu rõ khái niệm công chức, viên chức, nội dung của Luật cán bộ công chức, Luật viên chức.

- CLO3: Sinh viên nắm vững quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 29/ NQTW ngày 14/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 88/2014/QH nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông.

- CLO4: Sinh viên hiểu và nắm vững nội dung cơ bản của Luật giáo dục 2019 và Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học.

- CLO5: Sinh viên phân tích được cơ cấu khung của cơ quan quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ cấu tổ chức Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- CLO6: Sinh viên phân tích được cơ cấu khung của cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT, phân cấp, phân quyền chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT.

- CLO7: Sinh viên vận dụng được pháp luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào giải quyết các vấn đề trong học tập và trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- CLO8: Sinh viênvận dụng kiến thức về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống, học tập và rèn nghề.

- CLO9: Sinh viêncó khả năng làm việc nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO10: Sinh viên tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, đặc biệt là trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập;có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lí hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức 5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020	6	7				28,5
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông	6	9				31,5
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15

Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bố cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường	3	4				15

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận;hoạt động nhóm;thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8,9,10	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-7	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,5,6	20%
III	**Thi cuối kì**			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

****Tài liệu tham khảo:***

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục*

và đào tạo.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT.

6.20. LÝ LUẬN VĂN HỌC 1/*Literary theory 1*

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 122071
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Gồm những kiến thức tổng quát, cơ bản chung nhất về lý luận văn học (Văn học là một hình thái ý thức xã hội thẩm mỹ; Mối quan hệ giữa văn học với hiện thực; Ý thức xã hội trong văn học; Văn học, gương mặt văn hóa dân tộc; Văn học, nghệ thuật ngôn từ; Chức năng của văn học; Nhà văn, chủ thể sáng tác văn học; Tư duy nghệ thuật của nhà văn; Quá trình sáng tác; Bạn đọc, chủ thể tiếp nhận văn học; Quá trình tiếp nhận; Phê bình văn học, một loại tiếp nhận đặc biệt; Phương thức tồn tại của văn học, văn bản và tác phẩm; Ngôn từ trong văn bản văn học; Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật; Nhân vật văn học; Kết cấu tác phẩm văn học).

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng, các phạm trù, khái niệm của môn học: Văn học là một hình thái ý thức xã hội thẩm mỹ; Mối quan hệ giữa văn học với hiện thực; Ý thức xã hội trong văn học; Văn học, gương mặt văn hóa dân tộc; Văn học, nghệ thuật ngôn từ; Chức năng của văn học; Nhà văn, chủ thể sáng tác văn học; Tư duy nghệ thuật của nhà văn; Quá trình sáng tác; Bạn đọc, chủ thể tiếp nhận văn học; Quá trình tiếp nhận; Phê bình văn học, một loại tiếp nhận đặc biệt; Phương thức tồn tại của văn học, văn bản và tác phẩm; Ngôn từ trong văn bản văn học; Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật; Nhân vật văn học; Kết cấu tác phẩm văn học.

CO2: Có kỹ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học; kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình và thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các phần kiến thức Lý luận văn học có trong chương trình phổ thông.

CO3: Người học có thái độ đúng mực với những kiến thức mà học phần cung cấp. Trong quá trình học tập, người học phải thể hiện thái độ cầu thị, mong muốn tiếp thu được những kiến thức của học phần. Người học có thái độ tôn trọng đối với những quan điểm khoa học khác nhau về *Văn học; Nhà văn; Bạn đọc*, *Tác phẩm và thể loại văn học*. Đồng thời có thái độ đúng mực với những đóng góp của các thời đại, phương pháp sáng tác, trào lưu văn học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực lý luận văn học, đặc biệt là kiến thức về phạm trù, khái niệm đã được trang bị trong quá trình học tập. Lý giải được các hiện tượng văn học trong chương trình phổ thông cũng như trong thực tế văn học. Tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn..

- CLO2: Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề lý luận văn học, rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích, phê bình các tác phẩm văn học; có kỹ năng thiết kế các văn bản mang đặc trưng lý luận văn học để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống văn học và giảng dạy; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- CLO3: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về lý luận văn học, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng nội dung.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Nhập môn về Lý luận văn học	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0
Nội dung 2. Văn học là một hình thái ý thức xã hội thẩm mỹ	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	15,0
Nội dung 3. Mối quan hệ giữa văn học với hiện thực	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 4. Ý thức xã hội trong văn học; Văn học, gương mặt văn hóa dân tộc	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 5. Văn học, nghệ thuật ngôn từ	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	15,0
Nội dung 6: Chức năng của văn học	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 7. Nhà văn, chủ thể sáng tác văn học; Tư duy nghệ thuật của nhà văn; Quá trình sáng tác	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 8. Bạn đọc, chủ thể tiếp nhận văn học; Quá trình tiếp nhận	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 9. Phê bình văn học, một loại tiếp nhận đặc biệt	1,0	1,0	0,0	0,0	0,0	10,0

Nội dung 10: Phương thức tồn tại của văn học, văn bản và tác phẩm	2,0	2,0	1,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 11: Ngôn từ trong văn bản văn học	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 12: Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 13: Nhân vật văn học	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0
Nội dung 14: Kết cấu tác phẩm văn học	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,6	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1,2,5,6	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thực hành	Rubric 1,2,5,6	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Viết	Rubric 3,6	CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2,7	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

7.1. Học liệu bắt buộc:

1. Phương Lựu (Chủ biên) Nguyễn Trọng Nghĩa, La Khắc Hoà, Lê Lưu Anh, *Lý luận văn học*, Tập 1, *Văn học, nhà văn, bạn đọc*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2017.

2. Phương Lựu (Chủ biên), La Khắc Hoà, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học,* Tập 2: *Tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb. Đại học Sư phạm, H, 2017.

7.2. Học liệu tham khảo:

1. Trần Đình Sử, *Giáo trình lý luận văn học*: Tập 1, *Bản chất và đặc trưng văn học*/Trần Đình Sử, Phan Huy Dũng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh, H. Đại học Sư phạm, 2011.

2. Pôxpelôp (Chủ biên), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb. Giáo dục, H, 1998.

6.21. LÝ LUẬN VĂN HỌC 2/*Literary theory 2*

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 122072
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Gồm những kiến thức tổng quát, cơ bản chung nhất về lý luận văn học (Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học; Các thể loại tác phẩm văn học; Thơ ca, truyện và tiểu thuyết; Văn học kịch, kí văn học, tác phẩm chính luận; Một số thể loại văn học trung đại; phạm trù tiến trình văn học, thời đại, trào lưu, phương pháp sáng tác, phong cách văn học; phương pháp sáng tác trong văn học cận đại phương Tây; một số vấn đề về phương pháp sáng tác trong văn học cổ phương Đông; chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XX; chủ nghĩa hiện đại).

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng, các phạm trù, khái niệm của môn học: Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học; Các thể loại tác phẩm văn học; Thơ ca, truyện và tiểu thuyết; Văn học kịch, kí văn học, tác phẩm chính luận; Một số thể loại văn học trung đại; phạm trù tiến trình văn học, thời đại, trào lưu, phương pháp sáng tác, phong cách văn học; phương pháp sáng tác trong văn học cận đại phương Tây; một số vấn đề về phương pháp sáng tác trong văn học cổ phương Đông; chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XX; chủ nghĩa hiện đại.

CO2: Có kỹ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học; kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình và thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các phần kiến thức Lý luận văn học có trong chương trình phổ thông.

CO3: Người học có thái độ đúng mực với những kiến thức mà học phần cung cấp. Trong quá trình học tập, người học phải thể hiện thái độ cầu thị, mong muốn tiếp thu được những kiến thức của học phần. Người học có thái độ tôn trọng đối với những quan điểm khoa học khác nhau về *Tác phẩm và thể loại văn học*, *Tiến trình văn học*. Đồng thời có thái độ đúng mực với những đóng góp của các thời đại, phương pháp sáng tác, trào lưu văn học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học kiến thức

nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực lý luận văn học, đặc biệt là kiến thức về phạm trù, khái niệm đã được trang bị trong quá trình học tập. Lý giải được các hiện tượng văn học trong chương trình phổ thông cũng như trong thực tế văn học. Tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn..

- CLO2: Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề lý luận văn học, rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích, phê bình các tác phẩm văn học; có kỹ năng thiết kế các văn bản mang đặc trưng lý luận văn học để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống văn học và giảng dạy; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- CLO3: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về lý luận văn học, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng nội dung.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học	3,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0
Nội dung 2: Thể loại tác phẩm văn học	2,0	3,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 3. Thơ ca	1,0	1,0	0,0	1,0	0,0	15,0
Nội dung 4. Truyện và tiểu thuyết	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 5: Văn học kịch, Ký văn học	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 6. Thể loại chính luận	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 7. Một số thể loại văn học TĐ	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 8. Tiến trình văn học	3,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 9: Thời đại, trào lưu, phương pháp sáng tác và phong cách văn học	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0
Nội dung 10: Phương pháp sáng tác trong văn học cận đại phương Tây	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0
Nội dung 11: Một số vấn đề phương pháp sáng tác trong văn học cổ phương Đông	2,0	2,0	0,0	1,0	0,0	10,0

Nội dung 12: Chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XX	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0
Nội dung 13: Chủ nghĩa hiện đại	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0	10,0
Tổng	**27**	**27**	**00**	**09**	**00**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,6	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1,2,5,6	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thực hành	Rubric 1,2,5,6	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Viết	Rubric 3,6	CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2,7	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

7.1. Giáo trình chính:

1. Phương Lựu (Chủ biên), La Khắc Hoà, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học, tập 2: Tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2017.

2. Phương Lựu (chủ biên) (2009), *Lý luận văn học*, tập 3, *Tiến trình văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7.2. Sách tham khảo:

3. Pôxpelôp (chủ biên) (1985), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. R. Wellek - A. Warren (2009), *Lý luận văn học*, (Nguyễn Mạnh Cường dịch), Nxb Văn học, Hà Nội.

6.22. HP DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC VÀ NGỮ ÂM HỌC TIẾNG ViỆT/ Intoduction to Linguistlcs & Vietnamese phonestics

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần: 129029
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Các HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, khái quát về bản chất, chức năng của ngôn ngữ, những vấn đề cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; những kiến thức căn bản về ngữ âm tiếng Việt như: Âm tiết, đặc điểm, cấu trúc của âm tiết tiếng Việt; Các tiểu hệ thống âm vị tiếng Việt (hệ thống âm đầu, hệ thống âm đệm, hệ thống âm chính, hệ thống âm cuối và hệ thống thanh điệu) cùng các giải pháp âm vị học cho những vấn đề hữu quan.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt; giải thích và phân tích được bản chất, chức năng của ngôn ngữ, những vấn những vấn đề cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; âm tiết, âm đầu, âm chính, âm cuối, thanh điệu đảm bảo nội dung dạy học chính xác, phù hợp với thực tiễn đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục PTCS, PTTH.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và sử dụng ngôn từ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp; có kĩ năng cơ bản về sưu tầm và nghiễn cứu Ngôn ngữ và Ngữ âm tiếng Việt.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo trong nghề dạy học Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức vững chắc về ngôn ngữ nói chung và ngữ âm học tiếng Việt nói riêng, bao gồm: bản chất, chức năng của ngôn ngữ, những vấn đề cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; âm tiết, âm đầu, âm chính, âm cuối, thanh điệu.

- CLO2: Vận dụng hiệu quả hệ thống kiến thức về ngôn ngữ và Ngữ âm tiếng Việt để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ trong giao tiếp, giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và

tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong giảng dạy ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt ở trường phổ thông theo định hướng phát triển người học.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá nghề dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Ngôn ngữ và ngôn ngữ học	3	2	0	0	0	15
2. Một số vấn đề về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp	3	3	0	2	0	10
3. Âm tiết tiếng Việt 3.1. Khái niệm 3.2. Đặc điểm 3.3. Cấu trúc	2	3	0	1	0	15
4. Hệ thống âm đầu 4.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng 4.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết	2	2	0	1	0	10
5. Hệ thống âm đệm 5.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng 5.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết	2	2	0	0	0	10
6. Hệ thống âm chính 6.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng 6.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết	2	2	0	1	0	10
7. Hệ thống âm cuối 7.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng 7.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết	2	2	0	0	0	10
8. Thanh điệu	2	2	0	1	0	10

8.1. Vị trí, đặc điểm, chức năng 8.2. Số lượng và sự thể hiện trên chữ viết						
Tổng	**18**	**18**	**0**	**6**	**0**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2	**20%**
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết	Rubric 5/Rubric 6	CLO2, CLO3	**30%**
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5/Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO4	**50%**
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, (2008) *Dẫn luận ngôn ngữ học,* Nxb Giáo dục.

[2]. Đoàn Thiện Thuật (2003), *Ngữ âm học tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

[2]. Bùi Minh Toán, Đặng Thị Lanh (2001), *Tiếng Việt: Đại cương - Ngữ âm* (Giáo trình CĐSP), Nxb ĐHSP Hà Nội.

6.23. TỪ VỰNG – NGỮ NGHĨA HỌC VÀ NGỮ PHÁP HỌC TIẾNG VIỆT/ Vietnamese lexicology – linguistic semantics and Vietnamese Grammar

- Số tín chỉ: 04 (26LT, 36TL, 12TH)
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học và Ngữ âm học tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức hệ thống, căn bản về từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt và những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt. Đó là kiến thức về từ vựng và từ vựng học, các đơn vị từ vựng tiếng Việt: từ và ngữ cố định; nghĩa của từ và ngữ cố đinh; sự chuyển nghĩa của từ và từ nhiều nghĩa; trường nghĩa và các quan hệ về nghĩa giữa các từ như: đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm trong tiếng Việt; các lớp từ vựng tiếng Việt và giảng dạy từ ngữ trong trường phổ thông. Đó là kiến thức về từ loại tiếng Việt như: khái niệm, tiêu chuẩn phân định và hệ thống từ loại tiếng Việt; kiến thức về cụm từ tiếng Việt như: cấu tạo, chức năng, ý nghĩa của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; kiến thức về câu tiếng Việt: cấu tạo của câu, chức năng của câu và cấu trúc thực hiện chức năng, một số hiện tượng đáng chú ý về câu trong hoạt động giao tiếp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức cơ bản về từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt; giải thích và phân tích được các đơn vị từ vựng tiếng Việt và những đơn vị, những hiện tượng ngữ pháp tiếng Việt: từ và ngữ cố định; nghĩa của từ và ngữ cố đinh; sự chuyển nghĩa của từ và từ nhiều nghĩa; trường nghĩa và các quan hệ về nghĩa giữa các từ như: đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm trong tiếng Việt...; tiêu chí phân loại và hệ thống từ loại tiếng Việt; cấu trúc và chức năng của các cụm từ; chức năng của câu tiếng Việt và cấu trúc thực hiện chức năng, các kiểu câu tiếng Việt... đảm bảo nội dung dạy học chính xác, phù hợp với thực tiễn đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục PTCS, PTTH.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và sử dụng ngôn ngữ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về

từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo trong nghề dạy học Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức vững chắc về từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt bao gồm: đơn vị từ vựng tiếng Việt: từ và ngữ cố định; nghĩa của từ và ngữ cố đinh; sự chuyển nghĩa của từ và từ nhiều nghĩa; trường nghĩa và các quan hệ về nghĩa giữa các từ như: đồng nghĩa trái nghĩa, đồng âm trong tiếng Việt; các lớp từ vựng tiếng Việt và giảng dạy từ ngữ trong trường phổ thông; từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu tiếng Việt theo các quan điểm nghiên cứu khác nhau trong Việt ngữ học, đặc biệt là các hiện tượng về câu trong hoạt động hành chức và giảng dạy từ loại, cụm từ, câu trong trường phổ thông.

- CLO2: Vận dụng hiệu quả hệ thống kiến thức về từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ trong giao tiếp, giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và tiếng Việt chuẩn mực hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong giảng dạy từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt ở trường phổ thông theo định hướng phát triển người học.

- CLO4: Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề về từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt và ngữ pháp tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá nghề dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Từ vựng và các đơn vị từ vựng 1.1. Khái quát về từ vựng học	8	5	0	2	0	20

1.2. Từ tiếng Việt 1.3. Ngữ cố định						
2. Nghĩa của từ 2.1. Khái quát về ngữ nghĩa học 2.2. Nghĩa của từ	3	5	0	2	0	20
3. Trường từ vựng – ngữ nghĩa và quan hệ về nghĩa giữa các từ trong trường từ vựng – ngữ nghĩa 3.1. Trường từ vựng và các trường từ vựng 3.2. Các quan hệ về nghĩa	3	4	0	1	0	25
4. Các lớp từ vựng 4.1. Các lớp từ vựng phân chia theo phạm vi sử dụng 4.2. Các lớp từ vựng xét về chức năng	2	2	0	1	0	15
5. Một số vấn đề về dạy từ ngữ trong nhà trường 5.1. Dạy từ ngữ trong nhà trường 5.2. Giảng nghĩa từ 3. Phân tích từ ngữ trong giảng văn	2	2	0	0	0	10
6.Từ loại tiếng Việt 6.1. Khái niệm từ loại 6.2. Tiêu chí phân định từ loại tiếng Việt 6.3. Hệ thống từ loại tiếng Việt	4	3	0	2	0	20
7. Cụm từ tiếng Việt 7.1. Khái quát về cụm từ 7.2. Cấu tạo của các loại cụm từ tự do	4	3	0	1	0	20
8. Câu đơn – Một số vấn đề khái quát 8.1. Khái niệm câu 8.2. Các phương diện nghiên cứu câu 8.3. Các chức năng của câu	2	2	0	0	0	10
9. Cấu trúc cú pháp và nghĩa			0		0	

biểu hiện của câu 9.1. Khung câu và các yếu tố trong câu 9.2. Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu 9.3. Các kiểu câu cơ bản của tiếng Việt (xét theo cấu trúc cú pháp – nghĩa biểu hiện)	2	2		2		10
10. Câu với tư cách lời trao đổi 10.1. Câu với chức năng liên nhân 10.2. Cấu trúc thức của câu tiếng Việt 10.3. Về cách sử dụng các kiểu câu với tư cách lời trao đổi	2	3	0	0	0	10
11. Câu với tư cách thông điệp 11.1. Câu với chức năng văn bản 11.2. Cấu trúc đề - thuyết của câu 11.3. Cấu trúc tin của câu	2	3	0	0		10
12. Câu ghép 12.1. Phạm vi xác định câu ghép tiếng Việt 12.2. Các kiểu câu ghép tiếng Việt	2	2	0	1	0	10
Tổng	**36**	**36**	**0**	**12**	**0**	**180**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric 4	CLO1, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/ Thực hành/Viết	Rubric3/Rubric5	CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			30%

	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

[2]. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt,* Nxb Giáo dục, HN

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Đỗ Hữu Châu (2006), *Giáo trình từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐHSPHN.

[2]. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt – Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*, Nxb KHXH, HN.

6.4a. PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT VÀ NGỮ DỤNG HỌC/ Vietnamese Stylistics and Lingguistic Pramatics

- Số tín chỉ: 04 (36LT, 36TL, 12TH)
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Từ vựng – ngữ nghĩa học và Ngữ pháp học tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức hệ thống và cơ bản về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học: phong cách học, màu sắc tu từ, phong cách chức năng của hoạt động lời nói trong tiếng Việt, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, khái quát về ngữ dụng học, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học; chiếu vật và chỉ xuất; hành vi ngôn ngữ; lý thuyết lập luận; lý thuyết hội thoại; ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức cơ bản về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng hoc; giải thích và phân tích được các vấn đề như: màu sắc tu từ, phong cách chức năng của hoạt động lời nói trong tiếng Việt, phong

cách ngôn ngữ nghệ thuật, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học, chiếu vật và chỉ xuất; hành vi ngôn ngữ; lý thuyết lập luận; lý thuyết hội thoại; ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh…đảm bảo nội dung dạy học chính xác, phù hợp với thực tiễn đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục PTCS, PTTH.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và sử dụng ngôn từ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo trong nghề dạy học Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức vững chắc về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học, bao gồm: những khái niệm cơ bản của phong cách học, phong cách chức năng của hoạt động lời nói trong tiếng Việt, ngôn ngữ nghệ thuật, phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, một số vấn đề về nghiên cứu và giảng dạy phong cách học, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học, chiếu vật và chỉ xuất; hành vi ngôn ngữ; lý thuyết lập luận; lý thuyết hội thoại; ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh…

- CLO2: Vận dụng hiệu qủa hệ thống kiến thức về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ trong giao tiếp, tác phẩm văn học và giảng dạy Ngữ văn cũng như thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học; có kỹ năng truyền đạt, sử dụng ngôn ngữ và tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong giảng dạy ngôn ngữ và phong cách học tiếng Việt ở trường phổ thông theo định hướng phát triển người học.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá nghề dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Mở đầu về phong cách học 1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của phong cách học 1.2. Phong cách chức năng của hoạt động lời nói và PCCN của ngôn ngữ 1.3. Màu sắc tu từ 1.4. Phương tiện và biện pháp tu từ	3	2	0	0	0	12
2. Các phong cách chức năng của hoạt động lời nói trong tiếng Việt 2.1. Phong cách khoa học 2.2. Phong cách chính luận 2.3. Phong cách hành chính 2.4. Phong cách báo 2.5. Phong cách sinh hoạt hàng ngày	3	4	0	2	0	18
3. Ngôn ngữ nghệ thuật 3.1. Khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật 3.2. Tính hình tượng của ngôn ngữ nghệ thuật 3.3. Tính cá thể hóa của ngôn ngữ nghệ thuật. 3.4. Tính cấu trúc và tính cụ thê của ngôn ngữ nghệ thuật 3.5. Sự khác nhau giữa ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ phi nghệ thuật	4	4	0	2	0	18
4. Các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ tiếng Việt 4.1. Các phương tiện và biện pháp tu từ từ ngữ 4.2. Các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ nghĩa 4.3. Các phương tiện và biện pháp	6	6	0	2	0	34

tu từ cú pháp 4.4. Các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm						
5. Một số vấn đề về nghiên cứu và giảng dạy phong cách học 5.1. Phong cách học với vấn đề giảng dạy ngữ văn 5.2. Phương pháp phân tích tu từ học	2	2	0	0	0	8
6. Khái quát về ngữ dụng học 6.1. Những vấn đề tiền dụng học 6.2. Giản lược về vị trí của Dụng học và Ngữ dụng học trong ngôn ngữ học thế kỷ 20. 6.3. Những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học 6.4. Định nghĩa Ngữ dụng học	2	2	0	0	0	15
7. Chiếu vật và chỉ xuất 7.1. Khái quát về chiếu vật 7.2. Phương thức chiếu vật 7.3. Chỉ xuất	3	3	0	1	0	15
8. Hành động ngôn ngữ 8.1. Định nghĩa 8.2. Phát ngôn ngữ vi, biểu thức ngữ vi và động từ ngữ vi 8.3. Hai thành phần ngữ nghĩa của phát ngôn 8.4. Điều kiện sử dụng các hành vi ở lời	3	3	0	1	0	15
9. Lý thuyết lập luận 9.1. Lập luận là gì? 9.2. Bản chất ngữ dụng của lập luận 9.3. Đặc tính của lập luận 9.4. Tác tử lập luận và kết tử	3	3	0	1	0	15
10. Lý thuyết hội thoại 10.1.Vận động hội thoại 10.2. Các yếu tố kèm lời và phi lời 10.3. Các qui tắc hội thoại 10.4. Thương lượng hội thoại	4	4	0	2	0	15

10.5. Cấu trúc hội thoại						
11. Ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh 11.1. Grice và ý nghĩa không tự nhiên 11.2. Phân loại tổng quát ý nghĩa hàm ẩn 11.3. Tiền giả định và hàm ngôn 11.4. Cơ chế tạo ra các ý nghĩa hàm ẩn không tự nhiên 11.5. Phân loại hàm ngôn 11.6. Phân loại tiền giả định	3	3	0	1	0	15
Tổng	**36**	**36**	**0**	**12**	**0**	**180**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2	**20%**
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric 4	CLO1, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành/Viết	Rubric3/Rubric5	CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết	Rubric 5/Rubric 6	CLO2, CLO3	**30%**
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5/Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO4	**50%**
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng;

không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Đinh Trọng Lạc (chủ biên) – Nguyễn Thái Hoà (2022), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2] Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, *Tập 2, Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, HN

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Đinh Trọng Lạc (1999), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

[2]. Đinh Trọng Lạc (1999), *300 bài tập phong cách học tiếng Việt,* Nxb Giáo dục.

[3]. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ,* Nxb ĐHQG, HN.

6.24b. NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM/ Language of Minorities in Vietnam

- Số tín chỉ: 04 (36LT, 36TL, 12TH)
- Mã học phần: 123058
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Từ vựng – ngữ nghĩa học và Ngữ pháp học tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Đó là: Những vấn đề chung khi nghiên cứu các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam; địa lý – xã hội ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam – xét theo quan hệ họ hàng; ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức cơ bản về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: một số vấn đề chung khi nghiên cứu các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam; địa lý – xã hội ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam – xét theo quan hệ họ hàng; ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ.... đảm bảo nội dung dạy học chính xác, phù hợp với thực tiễn đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục PTCS, PTTH.
- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả, nhận diện ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam một cách chính xác, khoa học, sáng tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học; sử dụng ngôn từ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp.
- CO3: Chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng tri thức về ngôn ngữ

các dân tộc thiểu số ở Việt Nam vào việc phát hiện, giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo trong nghề dạy học Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức vững chắc về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, bao gồm: một số vấn đề chung khi nghiên cứu các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Địa lý – xã hội ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam – xét theo quan hệ họ hàng; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ.

- CLO2: Vận dụng hiệu quả hệ thống kiến thức ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó luận giải các vấn đề cụ thể của ngữ pháp tiếng Việt trong giao tiếp, giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; làm việc nhóm và thực hiện một số thao tác trong giảng dạy ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam ở trường phổ thông theo định hướng phát triển người học.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu nghiên cứu và khám phá nghề dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1.Một vài vấn đề chung khi nghiên cứu các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam 1.1.Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và là một địa bàn thu nhỏ của bức tranh ngôn ngữ - văn hóa khu vực Đông Nam Á 1.2. Về những khả năng thay	9	9	0	3	0	30

đổi hiện trạng bức tranh ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam trong lịch sử 1.3. Những biến đổi lịch sử tiêu biểu của một vài ngôn ngữ/ nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam 1.4. Ngôn ngữ như là một vấn đề của văn hóa tộc người						
2. Địa lý – xã hội ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam 2.1. Danh sách ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay 2.2. Về vai trò xã hội của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	9	9	0	3	0	35
3.Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam – xét theo quan hệ họ hàng 3.1. Dẫn luận chung 3.2. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xếp theo quan hệ họ hàng 3.3. Giới thiệu tóm tắt một vài ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	9	9	0	3	0	35
4. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ 4.1. Vấn đề chữ viết của các ngôn ngữ các dân tộc thiểu số 4.2. Vấn đề giáo dục song ngữ trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	9	9	0	3	0	35
Tổng	**36**	**36**	**0**	**12**	**0**	**180**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, LCO2	**20%**
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric 4	CLO1, CLO3, CLO4	
3	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	
4	Bài tập cá nhân/ thực hành	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết	Rubric 5/Rubric 6	CLO2, CLO3	**30%**
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5/Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO4	**50%**
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1] Trần Trí Dõi (1999), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở VN*, Nxb ĐHQG, HN

**** Tài liệu tham khảo:***

[2]. Trần Trí Dõi (2016), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, HN

[3]. Nguyễn Hữu Hoành (Chủ biên) - Nguyễn Văn Lợi – Tạ Văn Thông (2013), *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*, Nxb Từ điển bách khoa, HN.

6.25. HÁN NÔM CƠ SỞ/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 8 TL, 16 BTTH)
- Mã học phần: 121041
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khái quát về những vấn đề chung về chữ Hán như: Nguồn gốc, quá trình phát triển, kết cấu, cách viết chữ, cách phiên âm, dịch nghĩa, ngữ pháp qua một văn bản Hán văn cụ thể. Những vấn đề cơ bản về chữ Nôm, bao gồm: Lịch sử, cấu tạo và cách đọc chữ Nôm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu và ghi nhớ các kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm như: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát trển; kết cấu, hình thể; các nét cơ bản, các nét biến thể, cách viết chữ Hán, bộ thủ; những kiến thức về tự từ và câu trong Hán văn cổ. Người học biết vận dụng kiến thức đã học trong việc lý giải, phân tích, nhận định các vấn đề liên quan đến đặc điểm, cấu tạo của chữ Hán, chữ Nôm.

- CO2: Người học thực hiện đúng và có hiệu quả trong việc viết, phiên âm, dịch nghĩa được một văn bản Hán cụ thể. Phân tích được cấu tạo và vận dụng những kiến thức đã học để đọc hiểu, tra cứu chữ Hán, chữ Nôm. Người học có thể vận dung kiến thức đã học để bước đầu thiết kế, xây dựng và thực hiện bài giảng phần Văn học Trung đại trong chương trình giáo dục phổ thông.

- CO3: Người học có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm, có khả năng đặt câu hỏi, phản biện hoặc thuyết trình các vấn đề liên quan đến môn học. Người học có kỹ năng tổ chức, triển khai thực hiện một vấn đề liên quan đến môn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học ghi nhớ và hiểu được các kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm, qua đó vận dụng các kiến thức đã học trong việc phân tích cấu tạo của chữ Hán, chữ Nôm. Người học biết vận dụng kiến thức đã học trong việc lý giải, phân tích, nhận định các vấn đề liên quan đến đặc điểm, cấu tạo của chữ Hán, chữ Nôm.

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức đã học trong hoạt động phiên âm, dịch nghĩa và hiểu được ý nghĩa của một văn bản Hán văn đơn giản. Người học áp dụng được kiến thức học phần trong việc soạn bài, tổ dạy học các nội dung liên quan đến phần văn học chữ Hán, chữ Nôm trong chương trình giáo dục phổ thông. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hợp tác nhằm mục tiêu đạt được kết quả tốt nhất cho công việc chung. Hình thành kiến thức nền tảng cho học phần Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc và văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam.

- CLO3: Người học chủ động vận dụng những kiến thức đã được học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu thêm về chữ Hán chữ Nôm, văn bản Hán, văn bản Nôm. Có thể tổ chức, triển khai thực hiện thảo luận, thuyết trình các vấn đề liên quan đến kiến thức học phần.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Phần 1. Đại cương về chữ Hán (9,12)						
Bài 1. Văn tự Hán – nguồn gốc, hình thể 1.1. Văn tự Hán – nguồn gốc 1.2. Văn tự Hán – hình thể qua từng thời kỳ phát triển	2	1	0	0	0	5
Bài 2. Chữ Hán – quy tắc bút thuận 1. Nét cơ bản 2. Nét biến thể 3. Quy tắc bút thuận 4. Ngoại lệ 5. Tính cân đối của chữ	3	1	4	0	0	20
Bài 3. 214 bộ thủ chữ Hán 1. Bộ thủ là gì? 2. Vai trò của Bộ thủ trong việc học chữ Hán 3. Một số bộ thủ thường dùng	2	1	4			15
Bài 4. Chữ Hán – kết cấu 1. Tượng hình 2. Chỉ sự 3. Hội ý 4. Giả tá 5. Hình thanh 6. Chuyển chú	2	1	1	0	0	5
Bài 5. Tự, từ và câu trong Hán văn cổ 1. Từ tự đến từ 2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ 3. Từ từ đến câu	1	1	1	0	0	5

Bài 6. Tiếp cận văn bản Hán qua một số tác phẩm tiêu biểu: - Nam quốc sơn hà - Thiên Trường vãn vọng - Thuật hoài - Tẩu lộ	4	1	4	0	0	20
Phần 2. Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm (4,2,2)						
Bài 7. Chữ Nôm – nguồn gốc và quá trình phát triển 1. Chữ Nôm – khái niệm 2. Chữ Nôm, nguồn gốc và quá trình hình thành	2	1	2	0	0	10
Bài 8. Cấu tạo và quá trình phát triển của chữ Nôm 1. Những chữ vay mượn 2. Những chữ sáng tạo	2	1	2	0	0	10
Tổng	**18**	**8**	**16**	**0**	**0**	**90**

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại,thảo luận nhóm, xử lý tình huống,trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1 *Kiểm tra, đánh giá sự chuyên cần*	Rubric 1	CLO1 CLO2	**30%**
	Bài kiểm tra 2 *Kiểm tra, đánh giá bài tập cá nhân*	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3 *Đánh giá bài kiểm tra, bài thảo, thuyết trình luận nhóm*	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ *Kiểm tra, đánh giá bài tập cá nhân*	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	**20%**
III. Thi kết thúc học phần				**50%**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
3	Viết - Bài thi tự luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

[1]. Đặng Đức Siêu, *Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm* T1, Nxb. ĐH. Giáo dục, 1995.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Lê Đình Khẩn, *Chữ Hán, những vấn đề cơ bản*, Nxb. ĐH Quốc Gia. TPHCM, 2000

[3]. Nguyễn Ngọc San, *Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2003.

6.26. VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM/Vietnam Folk Literature

- Số tín chỉ: 3 (27; 27; 9)
- Mã HP: 121056
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khoa nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam, bao gồm: Khái niệm và đặc trưng cơ bản của văn học dân gian, những lý thuyết nghiên cứu, tiến trình lịch sử văn học dân gian Việt Nam, hệ thống phân chia thể loại văn học dân gian Việt Nam, đặc trưng của các thể loại, các tác phẩm tiêu biểu của mỗi thể loại và các vấn đề cần chú ý trong việc nghiên cứu các thể loại này ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu văn học dân gian, kỹ năng thuyết trình về các vấn đề khoa học văn học dân gian, kỹ năng nghiên cứu điền dã văn học dân gian, kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu văn học dân gian.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nhận biết, khái quát hóa kiến thức dẫn luận về văn học dân gian: các khái niệm cơ bản của khoa học nghiên cứu Văn học dân gian và folklore; vận dụng các phương pháp, các thao tác khoa học để tiếp cận đối tượng văn học dân gian. Đồng thời, hệ thống hóa kiến thức về khoa học phân loại, phân kì văn học

dân gian người; phân tích, lí giải, bình luận về các thể loại thuộc các loại hình tự sự, trữ tình và sân khấu dân gian của Việt Nam.

- CO2: Người học phải mô tả folklore, khả năng tổng thuật lịch sử nghiên cứu văn học dân gian, khả năng nhận diện, phân tích, xử tác phẩm văn học dân gian trên các phương diện nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật diễn xướng, văn hóa dân gian.

- CO3: Người học xử lý được tài liệu, viết mô tả về tài liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, nghiên cứu điền dã văn học dân gian tại các địa bàn cụ thể; Phân tích, luận giải, vận dụng các vấn đề lí thuyết nghiên cứu văn học dân gian vào thực hành (bài tập nhóm, bài tập cá nhân, tiểu luận, đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp).

- CO4: Người học tiếp thu, trân trọng những sáng tạo truyền miệng của nhân dân để khẳng định bản sắc văn hóa của một quốc gia độc lập, đa tộc người trong tiến trình hội nhập văn hóa thế giới, biết ứng dụng giá trị truyền thống của văn học dân gian cho việc xây dựng một nền văn hóa hiện đại; Tranh luận có văn hóa, biết lắng nghe ý kiến của tập thể, kiên trì trong nghiên cứu khoa học và ý thức quan sát, học hỏi để vận dụng các thao tác thực hành sư phạm cho nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức người giáo viên.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Người học phải hệ thống hóa kiến thức dẫn luận về văn học dân gian, khái niệm cơ bản của khoa học nghiên cứu Văn học dân gian và folklore, các đặc trưng cơ bản, phân loại, phân kì văn học dân gian, các phương pháp, các thao tác khoa học để tiếp cận đối tượng văn học dân gian.

CLO2: Người học hệ thống hóa, luận giải các thể loại thuộc các loại hình tự sự, trữ tình và sân khấu dân gian của Việt Nam; vận dụng kiến thức để đánh giá tác phẩm văn học dân gian theo tinh thần Folklore và tinh thần thời đại.

CLO3: Người học vận dụng được các kiến thức đã học, hình thành được các kỹ năng cần thiết cho việc nghiên cứu điền dã văn học dân gian và tiến hành nghiên cứu thực tế một vấn đề/ hiện tượng văn hóa dân gian tại một địa điểm cụ thể; đánh giá được các hiện tượng văn học dân gian tại địa phương, trong nước và trên thế giới.

CLO4: Người học có khả năng nhận biết, mô tả folklore, khả năng tổng thuật lịch sử nghiên cứu văn học dân gian, khả năng nhận diện, phân tích, xử lý tác phẩm văn học dân gian trên các phương diện nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật diễn xướng, văn hóa dân gian.

CLO5: Có kỹ năng thu thập, phân tích tài liệu, tra cứu và viết mô tả về tài liệu, trình bày kết quả nghiên cứu; hợp tác, tụ chủ trong làm việc nhóm; chịu trách nhiệm về kết quả công việc, tự học hỏi để phục vụ cho công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Phần 1: Khái quát chung về Văn học dân gian						
Dẫn luận về văn học dân gian	2	0	0	0	0	6
Những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian	2	2	0	0	0	11
Phân loại văn học dân gian, tiến trình văn học dân gian Việt Nam	2	2	0	0	0	9
Phần II. Các thể loại tiêu biểu của văn học dân gian Việt Nam						
Thần thoại	2	2	0	0	0	9
Truyền thuyết	3	3	0	1	0	12
Truyện cổ tích	2	3	0	2	0	12
Truyện cười	1	1	0	1	0	6
Truyện ngụ ngôn	1	1	0	1	0	6
Tục ngữ	2	2	0	1	0	6
Câu đố, Vè	0	2	0	0	0	16
Ca dao, dân ca	3	3	0	1	0	12
Sân khấu dân gian: Chèo sân đình, Tuồng	2	2	0	2	0	10
Sử thi các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	2	0	1	0	11
Truyện thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	1	0	0	0	10
Ôn tập	1	0	0	0	0	0
Tổng	**27**	**26**	**0**	**10**	**0**	**136**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm, dạy-học tương tác: đóng kịch nhập vai...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	30%
2	Chuyên cần Bài thảo luận nhóm Bài tập cá nhân	Rubric chuyên cần Rubric thảo luận nhóm, cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3 CLO 4, CLO5	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Bài thi viết	Rubric Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	20%
Thi cuối kì				
1	Bài thi viết	Rubric Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5	50%
	Tiểu luận/ Bài tập lớn	Rubric Bài tập lớn		
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;

- Người học cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Người học nghỉ học phải xin phép giảng viên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đinh Gia Khánh (chủ biên) Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2010), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ (2001), *Văn học dân gian Việt nam,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Bích Hà (2018), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam,* Nxb ĐHSP Hà Nội.

6.27. VĂN BẢN HÁN VĂN CỔ TRUNG QUỐC VÀ VĂN BẢN HÁN VĂN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM/CHINESE OLD TEXT AND VIETNAMES TEXT

- Số tín chỉ: 03 (LT: 27; TH, TL: 36)
- Mã học phần: 122073
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: *Hán Nôm cơ sở* hoặc *Hán Nôm đại cương*

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu và giảng dạy một số tác phẩm văn học kinh điển Nho giáo Trung Quốc và các tác phẩm văn học chữ Hán Trung đại Việt Nam. Qua đó cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích, đánh giá, cảm thụ nội dung, soạn và giảng dạy một tác phẩm văn học được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về từ Hán Việt và một số thể loại tác phẩm văn học Trung đại.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nhớ được những kiến thức hệ thống, khoa học, chuyên sâu về văn học chữ Hán Việt Nam trong thời kỳ Trung đại và Cận đại, trong đó chú trọng ở mặt tri thức về thể loại, tư tưởng và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Hiểu được các kiến thức về: đặc điểm, cấu tạo, loại từ, kiểu từ Hán Việt; hiểu và biết phân tích, lý giải đúng đắn từ ngữ Hán Việt cũng như ứng dụng từ Hán Việt trong hoạt động dạy học, trong sáng tác và đời sống xã hội

- C02: Người học vận dụng thành thạo các kiến thức đã được học để thực hiện chú giải văn bản từ nguyên tác chữ Hán, chữ Nôm. Áp dụng các kiến thức đã được học trong dạy học các tác phẩm văn học Việt Nam bằng chữ Hán. Áp dụng thành thạo hoạt động xây dựng, thu thập, phân biệt, phân loại hệ thống từ Hán Việt. Có kỹ năng triển khai, phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động dạy học và sáng tác.

- CO3: Hình thành quan điểm đúng đắn về ngành nghề mà mình đã chọn. Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của nghề. Giữ gìn và phát huy các giá trị về mặt văn hóa, ngôn ngữ và ngữ nghĩa của từ Hán Việt.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học hiểu được và nắm vững các kiến thức về: Đặc điểm, cấu tạo, loại từ, kiểu từ Hán Việt; hiểu và biết phân tích, lý giải đúng đắn từ ngữ Hán Việt cũng như ứng dụng từ Hán Việt trong hoạt động dạy học, trong sáng tác và đời sống xã hội. Người học vận dụng thành thạo được các kiến thức đã học để tiếp nhận, chú giải và

phân tích nội dung tác phẩm văn học trung đại từ nguyên tác chữ Hán,

- CL02: Người học vận dụng kiến thức đã được học ở học phần vào việc soạn bài và tổ chức dạy học các tác phẩm văn học Việt Nam được viết bằng chữ Hán trong chương trình dạy học ở THCS, THPT. Có kỹ năng phân biệt, giải thích và ứng dụng từ Hán Việt trong hoạt động dạy học và sáng tác.

- CLO3: Người học có thái độ nghiêm túc, khoa học, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu, thảo luận, phản biện và thuyết trình các nội dung liên quan đến môn học. Phát huy các giá trị về mặt văn hóa, ngôn ngữ và ngữ nghĩa của từ Hán Việt.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Tự học
	Giờ lên lớp		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận Bài tập			
Phần 1. Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc Bài 1. Luận ngữ	4	3	1	0	15
Bài 2. Kinh lễ	3	3	1	0	10
Bài 3. Đại học	2	2	1	0	10
Phần 2. Văn bản Hán văn Trung đại Việt Nam Bài 1. Chữ, từ và câu trong văn bản Hán cổ	1	1	0	0	10
Bài 2. Thơ chữ Hán đời Lý	2	2	1	0	10
Bài 3. Thơ chữ Hán đời Trần	2	2	0	0	10
Bài 4. Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi	2	2	1	0	10
Bài 5. Thơ chữ Hán nguyễn Du	2	2	0	0	10
Bài 6. Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh	3	2	1	0	10
Chương 2: Biền văn chữ Hán Việt Nam Bài 7. Thiên đô chiếu	3	2	1	0	10
Bài 8. Dụ chư tì tướng hịch văn	3	3	1	0	15
Bài 9. Bình Ngô đại cáo	3	3	1	0	15
Tổng	**27**	**27**	**9**	**0**	**135**

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các hình thức, phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận, thực hành, tình huống trực quan.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
1. Kiểm tra thường xuyên (Rubric 1)				
1	Bài kiểm tra 1 *Kiểm tra, đánh giá sự chuyên cần*	Rubric 1	CLO1,2 CLO3	30%
2	Bài kiểm tra 2 *Kiểm tra, đánh giá bài tập cá nhân*	Rubric 1	CLO1,2,3	
3	Bài kiểm tra 3 *Đánh giá, kiểm tra bài tập nhóm*	Rubric 1	CLO3 CLO4	
4	Bài kiểm tra 4 *Đánh giá thuyết trình nhóm, cá nhân*	Rubric 1	CLO3 CLO4	
2. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 2 Đánh giá, kiểm tra bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Bài thi tự luận	Rubric 3 Rubric BTL	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định		CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp. Phải nghiên cứu trước ĐCCT, giáo trình, tài liệu tham khảo và chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải đầy đủ điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham dự thi khi có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Đặng Đức Siêu (Chủ biên), Nguyễn Ngọc San (2007), *Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm*, Nxb. ĐH Sư Phạm, HN.

[2]. Đặng Đức Siêu (1995), *Ngữ văn Hán Nôm*, tập 2, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[3]. Trần Văn Chánh (2004), *Ngữ pháp Hán cổ và hiện đại*, Nxb Trẻ.

6.28. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN HẾT THẾ KỶ XVII/ Vietnamese literature from the 10th to the 17th Century

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã số học phần: 121033
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian, Văn bản Hán văn Việt Nam

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần bao gồm: Khái quát đặc điểm văn học trung đại Việt Nam về quá trình hình thành phát triển, về đặc điểm thi pháp; tiến trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII qua các giai đoạn với những khuynh hướng, đặc điểm, tính chất đặc thù (Từ thế kỷ X – XIV, XV, XVI - XVII); những tác gia, tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn; những thể loại tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản của môn học về cơ sở hình thành và điều kiện phát triển của nền văn học chữ viết dân tộc trong tiến trình mười thế kỷ, từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; khái quát hoá quá trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII qua các giai đoạn: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, thế kỷ XV, từ thế kỷ XVI đến hết thế kỷ XVII với những đặc điểm, tinh chất, diện mạo riêng; đánh giá được sự tiếp nối, kế thừa, vừa có những đặc điểm đặc thù ở từng giai đoạn văn học; nhận diện và phân tích được những tác gia, tác phẩm tiêu biểu trong chương trình Ngữ văn phổ thông.

- CO2: Có kỹ năng đọc hiểu, tổng hợp, phân tích, giảng dạy các tác giả, tác phẩm văn học trong tiến trình từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII ở nhà trường Phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về văn hóa, văn học trung đại Việt Nam.

- CO3: Hình thành được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn khi phân tích, hệ thống hoá, đánh giá các hiện tượng văn học trong tiến trình văn học Việt Nam thời trung đại nói riêng, trong nền văn học dân tộc nói chung. Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về văn học trung đại vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: Về những điều kiện lịch sử, văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sự vận động của văn học trung đại; khuynh hướng văn học tiêu biểu, đặc điểm về hệ thống thể loại.	PLO5, 10,11
CLO2	Vận dụng hiệu quả hệ thống kiến thức về văn học	PLO6, 10,

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT
	trung đại từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII để nghiên cứu các vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy; phân tích các tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong chương trình từng khuynh hướng văn học.	11
CLO3	Hệ thống hoá, khái quát hoá được kiến thức tổng quát về văn học trung đại Việt Nam; lựa chọn và khai thác được các tác phẩm văn học trung đại nói chung và trong nhà trường phổ thông nói riêng.	PlO6,10
Kỹ năng		
CLO4	Có kĩ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về văn học Việt Nam trung đại; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích các tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản văn học Việt Nam trung đại để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	PLO8, 10,11
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản văn học Việt Nam trung đại, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	PLO5,6,8,10
CLO6	Người học có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.	PLO11, 12

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
KHÁI QUÁT VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM	4	3		1		15
VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ	6	5		2		15

KỶ X – XIV						
VĂN HỌC THẾ KỶ XV	2	2		1		15
NGUYỄN TRÃI	4	4		1		20
LÊ THÁNH TÔNG	3	3		1		15
VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XVI - XVII	2	2		1		15
NGUYỄN BỈNH KHIÊM	3	4		1		20
NGUYỄN DỮ	3	4		1		20
TỔNG	**27**	**27**		**9**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 15 phút (4 bài); Bài luận viết ở nhà (2 bài)	Rubric đề và đáp án	CLO1, 2	30%
			CLO3, 5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	
III. Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Lã Nhâm Thìn (chủ biên), Giáo trình Văn học Trung đại Việt Nam, tập 1, Nxb Giáo dục, 2011.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Đinh Gia Khánh, Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII, Nxb Giáo dục, 2002

[3] Trần Đình Sử, Mấy vấn đề thi pháp văn học Trung đại Việt Nam, Nxb Giáo dục, 1999.

6.29. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XVIII ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX/ Vietnamese Literature from the 18th to the 19th Century

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã số học phần: 121043
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các nội dung: Tiến trình vận động và phát triển của văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX; những đặc điểm về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá các giai đoạn từ thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX và nửa sau thế kỷ XIX; những khuynh hướng văn học; những tác gia, tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn; quá trình hình thành và phát triển của hệ thống thể loại văn học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững và trình bày được kiến thức cơ bản về quá trình vận động của văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX qua các giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX, nửa sau thế kỷ XIX; chỉ rõ những đặc điểm, tinh chất, diện mạo riêng của từng giai đoạn; nhận diện và phân tích được những tác gia, tác phẩm tiêu biểu; Đánh giá sự vận động của hệ thống thể loại qua các giai đoạn văn học, đặc biệt là sự xuất hiện và phát triển của hệ thống thể loại văn học nội sinh gắn liền với những thành tựu nghệ thuật xuất sắc.

- CO2: Có kỹ năng đọc hiểu, tổng hợp, phân tích, giảng dạy các tác giả, tác phẩm văn học trong tiến trình từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX ở nhà trường Phổ thông; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về văn hóa, văn học trung đại Việt Nam.

- CO3: Hình thành được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn khi phân tích, hệ thống hoá, đánh giá các hiện tượng văn học trong tiến trình văn học Việt Nam thời trung đại nói riêng, trong nền văn học dân tộc nói chung. Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về văn học trung đại vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: Về những điều kiện lịch sử, văn hóa - xã hội; khuynh hướng văn học tiêu biểu; đặc điểm về hệ thống thể loại và tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX.	PLO5, 10,11
CLO2	Vận dụng hiệu quả hệ thống kiến thức về văn học trung đại từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX để nghiên cứu các vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy; phân tích các tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong chương trình theo đặc trưng thể loại.	PLO6, 10, 11
CLO3	Hệ thống hoá, khái quát hoá được kiến thức tổng quát về các tác giả văn học tiêu biểu từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX; lựa chọn và khai thác được các tác phẩm văn học trung đại nói chung và trong nhà trường phổ thông nói riêng.	PlO6,10
Kỹ năng		
CLO4	Có kĩ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về văn học Việt Nam trung đại; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích các tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản văn học Việt Nam trung đại để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	PLO8, 10,11
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản văn học Việt Nam trung đại, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	PLO5,6,8,10
CLO6	Người học có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.	PLO11, 12

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX	2	2				10
Tiểu thuyết chương hồi và Hoàng Lê nhất thống chí	3	3		1		15
Thể ký và Thượng kinh ký sự, Vũ trung tùy bút	3	3		1		15
Thể ngâm khúc và Chinh phụ ngâm khúc, Cung oán ngâm khúc	3	3		1		15
Truyện thơ Nôm và Truyện Kiều	3	3		1		15
Thơ Nôm Đường luật và Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan	3	3		1		15
Cao Bá Quát và Nguyễn Công Trứ	2	2		1		10
Khái quát văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	2	2		1		10
Tác giả Nguyễn Đình Chiểu	3	3		1		15
Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương	3	3		1		15
TỔNG	**27**	**27**		**9**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu…

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 15 phút (4 bài); Bài luận viết ở nhà (2 bài)	Rubric đề và đáp án	CLO1, 2	30%
			CLO3, 5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	
III. Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] PGS.TS. Lã Nhâm Thìn – PGS.TS Vũ Thanh (đồng chủ biên), Giáo trình văn học trung đại Việt Nam (tập 2), Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2015, tái bản lần thứ nhất 2016.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Lộc, Văn học Việt Nam (nửa sau thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

[3] Trần Nho Thìn, Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX, Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

6.30. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1945/Vietnamese Literature from the early twentith centuty to 1945

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 12107101
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: *Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX*

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 2 phần kiến thức:

- *Phần 1. Tổng quan về văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945*, bao gồm các vấn đề: Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa dẫn tới quá trình hiện đại hóa văn học như một đòi hỏi mang tính tất yếu; các bước của quá trình hiện đại hóa văn học; những đặc điểm cơ bản, những thành tựu nổi bật sau 45 năm tiến hành công cuộc hiện đại hóa.

- *Phần 2. Nghiên cứu sâu các tác gia tiêu biểu từ đầu thế kỷ XX đến 1945* gồm: Tản Đà, Xuân Diệu, Thạch Lam, Hồ Biểu Chánh, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững để trình bày, phân tích, giải thích được những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hóa dẫn tới quá trình hiện đại hóa văn học, các chặng vận động của nền văn học theo hướng hiện đại, những đặc điểm cơ bản và thành tựu nổi bật của văn học thời kỳ này; Trình bày, phân tích, so sánh, luận giải được các vấn đề cơ bản như tiểu sử, con người, quan điểm nghệ thuật, sự nghiệp sáng tác, tư tưởng - nghệ thuật và những đóng góp vào quá trình hiện đại hóa văn học của các tác gia tiêu biểu thời kỳ này.

- CO2: Rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn học sử Việt Nam thời kỳ hiện đại hóa (thời kỳ chuyển giao hệ hình từ trung đại sang hiện đại), kỹ năng nghiên cứu - phê bình tác phẩm, tác giả/tác gia văn học.

- CO3: Hình thành được trong người học quan điểm/thái độ khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề văn học hiện đại, thái độ quan tâm/yêu thích các tác phẩm, tác giả/tác gia văn học Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức cơ bản, hệ thống, khoa học về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945

- CLO2: Có năng lực dạy học văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945, nhất là tác phẩm thuộc các thể loại: thơ (thơ mới), truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, nghị luận... trong chương trình phổ thông.

- CLO3: Có thái độ khoa học, say mê trong dạy học các tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Nội dung 1. *Khái quát VHVN từ đầu TK XX đến 1945*	5	3	1	1		30
Nội dung 2. *Tản Đà*	2	2	1.5	1		10

Nội dung 3. *Xuân Diệu*	2	2	1.5	1		10
Nội dung 4. *Thạch Lam*	2	2	1	1		10
Nội dung 5. *Nguyễn Tuân*	2	2	1	1		10
Nội dung 6. *Hồ Biểu Chánh*	3	2	1	1		11
Nội dung 7. *Ngô Tất Tố*	2	2	1	1		11
Nội dung 8. *Vũ Trọng Phụng*	3	2	1	1		11
Nội dung 9. *Nam Cao*	2	2	1.5	1		11
Nội dung 10. *Phan Bội Châu*	2	2	1	1		11
Nội dung 11. *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh*	2	2	1.5	1		10
Cộng	**27**	**23**	**13**		**5**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, nghiên cứu tình huống, tiểu luận, bài tập lớn...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, tự luận...

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận, bài tập cá nhân, bài viết...	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Tự luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Tự luận	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

1. Trần Đăng Suyền (chủ biên), Nguyễn Văn Long (đồng chủ biên), Lê Quang Hưng, Trịnh Thu Tiết, *Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại*, Tập I (Từ đầu thế kỷ XX đến 1945), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

1. Phan Cự Đệ - Trần Đình Hượu, *Văn học Việt Nam 1900-1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

2. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt Nam hiện đại: khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018.

6.31. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY/Vietnamese literature from 1945 to now

- Số tín chỉ: 04 (36; 36; 24)
- Mã học phần: **121006**
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Sau học phần Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945

1. Mô tả học phần: Học phần cung cấp kiến thức khái quát về: Những điều kiện lịch sử - văn hóa xã hội tác động đến sự vận động, phát triển của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 và từ 1975 đến nay; Những đặc điểm cơ bản, các chặng đường phát triển (từ 1945 đến 1975 và từ 1975 đến nay); Các chặng vận động, các khuynh hướng cơ bản của thể loại thơ, truyện kí (từ 1945 đến 1975 và từ 1975 đến nay); Các tác giả tiêu biểu cho mỗi thể loại (Thơ: Tố Hữu, Chế Lan Viên, các nhà thơ trong phong trào thơ trẻ kháng chiến chống Mỹ, Vi Thùy Linh, Nguyễn Quang Thiều...; Văn xuôi: Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp...)

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: Tổng quan về điều kiện lịch sử - xã hội, văn hóa - tư tưởng; Những đặc điểm cơ bản; Các chặng vận động của văn học Việt Nam từ 1945 đến nay; các khuynh hướng cơ bản của hai thể loại thơ, truyện kí ở mỗi chặng đường phát triển, từ 1945 đến nay; Đánh giá được những đổi mới của nghệ thuật trần thuật trong văn xuôi giai đoạn sau 1975; Hiểu biết về các tác giả tiêu biểu và có năng lực phân tích các tác phẩm văn học Việt Nam từ 1945 đến nay, đặc biệt là các tác phẩm có trong chương trình Ngữ văn ở phổ thông; Phân tích được các vấn đề lí thuyết nghiên cứu văn học song song với thực hành (trên lớp, ở nhà, làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp).

- CO2: Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các tác phẩm dạy có trong chương trình phổ thông theo hướng tiếp cận giảng dạy văn học từ đặc trưng thể loại.

- CO3: Tự chủ, có sáng kiến trong nghiên cứu và giảng dạy VHVN hiện đại; biết tích lũy kiến thức, khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực VHVN và LLVH cơ bản; rèn luyện phẩm chất đạo đức người giáo viên, có tinh thần yêu nước, nhân ái.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP	**Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần**	**Chuẩn đầu ra CTĐT**
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: Về những điều kiện lịch sử, văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sự vận động của văn học; đặc điểm cơ bản, những chặng đường vận động, phát triển của văn học.	PLO5, 10,11
CLO2	Phân tích được chặng vận động và các khuynh hướng của các thể loại Thơ, Truyện kí; phân tích được các tác phẩm văn học Việt Nam từ 1945 đến nay trong chương trình theo đặc trưng thể loại.	PLO6, 10, 11
CLO3	Hệ thống hoá, khái quát hoá được kiến thức tổng quát về VHVN hiện đại; lựa chọn và khai thác được các TP VHVN hiện đại nói chung và trong nhà trường phổ thông nói riêng.	PlO6,10
Kỹ năng		
CLO4	Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề về VHVN hiện đại; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích các tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản VHVN hiện đại để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	PLO8, 10,11
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản VHVN hiện đại, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	PLO5,6,8,10

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT
CLO6	Người học có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.	PLO11, 12

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Những điều kiện lịch sử - văn hóa - xã hội tác động đến sự vận động của văn học	4	2				15
2. Những đặc điểm cơ bản của văn học	6	5	7			22
3.Các chặng đường vận động, phát triển của văn học	5	3	3			20
4. Khái quát thể loại thơ	4	3	3			30
5. Khái quát thể loại truyện - kí	5	3	3			30
6. Một số tác giả tiêu biểu	7	6	6			25
7. Giới thiệu những cây bút nỗ lực cách tân văn học sau 1975	5	2	2			40

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm tự học...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, tự luận,....).

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 15 phút (4 bài); Bài luận viết ở nhà (2 bài)	Rubric đề và đáp án	CLO1, 2	30%
			CLO3, 5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	20%
III. Thi cuối kì				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945*, NXB Đại học Sư phạm, 2017.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), Nguyễn Văn Long (đồng chủ biên), *Lịch sử Văn học Việt Nam*, tập3, NXBĐHSP, 2004.

[3] Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (đồng chủ biên), *Văn học Việt Nam sau 1975, những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy,* Nxb Giáo dục, H, 2006.

6.32. VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG/ Oriental Literature

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 122074
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: LLVH 1

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái lược tiến trình phát triển của văn học các nước phương Đông và tập trung tìm hiểu, khám phá những giá trị văn học có ý nghĩa tiêu biểu, điển hình của văn học Trung Quốc: từ thơ ca Tiên Tần, thơ Đường, tiểu

thuyết Minh Thanh, đến truyện ngắn Lỗ Tấn; của Văn học Ấn Độ qua Ramayana và Mahabharata; về tác giả Tagore và của Văn học Nhật Bản: tìm hiểu các hiện tượng văn học nổi bật như Masuo Basho, thơ Haiku, Kawabata...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số nền văn học khác cùng thời đại. Phân tích được các tác phẩm văn học phương Đông trong chương trình.

- CO2: Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các tác phẩm dạy có trong chương trình phổ thông.

- CO3: Người học có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ, trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số nền văn học khác cùng thời đại.

- CLO2: Nhận thức và đánh giá được giá trị của nền văn học các nước phương Đông cùng những ảnh hưởng và đóng góp to lớn cho văn học thế giới; phân tích được các tác phẩm văn học phương Đông trong chương trình.

- CLO3: Phân tích được các vấn đề lí thuyết nghiên cứu văn học song song với thực hành (trên lớp, ở nhà, làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp).

- CLO4: Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, thuyết trình và thực hành nghề nghiệp. Có kĩ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu trước mắt và lâu dài; vận dụng linh hoạt hướng tiếp cận giảng dạy văn học từ đặc trưng thể loại.

- CLO5: SV biết thiết kế một số giờ giảng dạy VHNN ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học trong điều kiện cụ thể của nhà trường; biết tích lũy kiến thức, khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực VHNN và LLVH cơ bản.

- CLO6: Người học có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Khái quát về lịch sử văn học Trung Quốc	2	0	0	0	0	15
Nội dung 2: Thơ ca Tiên Tần: Kinh thi	2	2	1	0	0	10
Nội dung 3: Thơ Đường	2	2	1	1	0	5
Nội dung 4: Tiểu thuyết Minh - Thanh	2	2	1	0	0	10
Nội dung 5: Văn học hiện đại Trung Quốc	3	2	2	1	0	10
Nội dung 6: Lược sử văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến 1950	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7: Sử thi Ấn Độ (Ramayana và Mahabharata)	2	2	1	0	0	10
Nội dung 7: Sử thi Ấn Độ (tiếp)	2	2	0	1	0	10
Nội dung 8: Rabindranath Tagore (1861 - 1941)	3	2	2	1	0	10
Nội dung 9: Lược sử văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1968	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10: Masuô Bashô (1644 - 1694) và thơ Haiku	2	2	1	1	0	10
Nội dung 11: Yasunari Kawabata (1899 - 1972)	2	2	1	0	0	10
Nội dung 12: Ôn tập.	2	0	0	0	0	0

5. Phương pháp dạy - học

Các hình thức dạy học sử dụng trong học phần: *thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành*.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá (4)	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,6	2,4,5,6	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2,5,6	3,4,5	
3	Viết	Rubric 3,6	4,5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết tự luận	Rubric 2	1,2,3,4,5,6	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2,7	1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Nhật Chiêu, *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, NXB GD, HN, 2003.

[2]. Dư Quan Anh, Tiền Chung Thư, Phạm Ninh (chủ biên), (Nhiều người dịch), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, (tập 1, 2, tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb GD, HN 97-98.

[3]. Lưu Đức Trung, *Văn học Ấn Độ*, NXB GD, HN, 2000.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1]. Trần Xuân Đề (2002), *Lịch sử văn học Trung Quốc* (Về những tác gia và tác phẩm tiêu biểu), Nxb GD, Tp Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Thị Bích Hải (2009), *Đến với tác phẩm văn chương phương Đông*, Nxb GD Việt Nam, HN.

[3]. Đào Xuân Quý (2001), *Tuyển tập Thơ Tagore*, Nxb Văn hóa Thông tin, HN.

6.33. VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY/ Western Literature

- Số tín chỉ:04 (36; 48; 0)
- Mã học phần: 122075
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận văn học 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức khái quát về đặc điểm, tiến trình của văn học phương Tây trên các phương diện trào lưu, thể loại, những đóng góp về nội dung và nghệ thuật. Học phần tập trung đi sâu tìm hiểu một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu ở từng giai đoạn: thần thoại Hi Lạp, anh hùng ca của Homère (văn học cổ đại Hi Lạp); tiểu thuyết của Miguel de Cervantes, kịch của Wiliam Shakespeare (văn học Phục hưng); hài kịch của Molière (văn học Pháp thế kỉ XVII); Daniel Defoe, Goethe (thế kỷ XVIII); O. Balzac, V. Hugo (thế kỷ XIX); F. Kafka, E. Hemingway (thế kỷ XX).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số nền văn học khác cùng thời đại; nêu được xu hướng cơ bản nhất của những trào lưu, khuynh hướng trong văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XX có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.

- CO2: Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học; kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình và thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các tác phẩm VHPT có trong chương trình phổ thông theo đặc trưng thể loại.

- CO3: Tự chủ, có sáng kiến trong nghiên cứu và giảng dạy VHNN; biết tích lũy kiến thức, khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực VHNN và LLVH cơ bản; rèn luyện phẩm chất đạo đức người giáo viên, có tinh thần yêu nước, nhân ái.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học; những trào lưu, khuynh hướng trong văn học phương Tây (VHPT) từ cổ đại đến thế kỉ XX có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.

- CLO2: Phân tích được các đặc điểm nội dung và thi pháp của các thể loại VHPT; phân tích được các tác phẩm văn học phương Tây trong chương trình theo đặc trưng thể loại.

- CLO3: Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề về VHPT; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích các tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản VHPT để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- CLO4: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản VHPT, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có

năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Văn học cổ đại Hi Lạp	5	4	0	2	0	20
Chương 2. Văn học Phục hưng	4	5	0	0	0	20
Chương 3. Văn học Pháp thế kỉ XVII	3	4	0	0	0	20
Chương 4. Văn học thế kỉ XVIII	5	4	0	2	0	20
Chương 5. Văn học thế kỉ XIX	4	4	0	2	0	20
Chương 6. Văn học thế kỉ XX	5	5	0	2	0	20

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,6	1,2,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2,5,6	1,3,4	
3	Thực hành	Rubric 1, 2,5,6	1,2,3	
4	Viết	Rubric 3,6	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 2	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2,7	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết

môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, Lương Duy Trung, Nguyễn Đức Nam, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Văn Chính, Phùng Văn Tửu (2008), *Văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Cẩn, Nguyễn Linh Chi, *Giáo trình văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục, H., 2011.

[3]. Phùng Văn Tửu, *Văn học Âu Mỹ*, NXB ĐHSP, H., 2006.

6.34. VĂN HỌC NGA/ Russian Literature

- Số tín chỉ:02 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 122045
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận văn học 2, Văn học phương Tây

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về diện mạo nền văn học Nga trong quá trình vận động, phát triển (từ thế kỉ XIX đến thế kỉ XX) với những đỉnh cao văn học tiêu biểu cho khuynh hướng sáng tác ở từng giai đoạn: truyện ngắn và thơ của Pushkin, tiểu thuyết sử thi của L.Tolstoy, tiểu thuyết phức điệu của Dostoievsky, truyện ngắn của Shekhov (thế kỉ XIX) và truyện ngắn của Gorky, tiểu thuyết của Sholokhov (thế ki XX).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số nền văn học khác cùng thời đại; nêu được xu hướng cơ bản nhất của những trào lưu, khuynh hướng trong văn học Nga từ thế kỉ XIX đến thế kỉ XX có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.

- CO2: Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học; kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình và thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các tác phẩm VH Nga có trong chương trình phổ thông theo đặc trưng thể loại.

- CO3: Tự chủ, có sáng kiến trong nghiên cứu và giảng dạy VHNN; biết tích lũy kiến thức, khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực VHNN và LLVH cơ bản; rèn luyện phẩm chất đạo đức người giáo viên, có tinh thần yêu nước, nhân ái.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học; những trào lưu, khuynh hướng trong văn học (VH) Nga từ TK XIX đến thế kỉ XX có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.

- CLO2: Phân tích được các đặc điểm nội dung và thi pháp của các thể loại VH Nga; phân tích được các tác phẩm văn học Nga trong chương trình theo đặc trưng thể loại.

- CLO3: Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề về VH Nga; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích các tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản VH Nga để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- CLO4: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản VH Nga, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Nội dung 1. Khái quát văn học Nga thế kỉ XIX và Aleksandr Sergeyevich Pushkin (1799-1837)	4	2	0	1	0	20
Nội dung 2. Fedor Mikhailovich Dostoievsky (1821-1881)	3	4	0	0	0	20
Nội dung 3. Lev Nhikolaievich Tolstoy (1828 – 1910)	2	4	0	0	0	20
Nội dung 4. Anton Pavlovich Chekhov (1860-1904)	2	3	0	2	0	20
Nội dung 5. Khái quát văn học Nga thế kỉ XX và Maksim Gorky (1868-1936)	4	2	0	2	0	20
Nội dung 6. Mikhail Sholokhov (1905 - 1984)	3	2	0	2	0	20

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá (3)	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,6	1,2,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2,5,6	1,3,4	
3	Viết	Rubric 3,6	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết tự luận	Rubric 2	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2,7	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi hoặc làm tiểu luận (BTL) khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm tiểu luận.

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Đỗ Hải Phong (Chủ biên), *Giáo trình văn học Nga*, Nxb ĐHSP, Hà Nội 2011.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính, Nguyễn Hải Hà, Hoàng Ngọc Hiến..., *Lịch sử văn học Nga*, Nxb GD, Hà Nội 2009.

[3]. Hà Thị Hoà, *Văn học Nga trong nhà trường*, Nxb GD, Hà Nội 2009.

6.35. LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN THPT, THCS/ Theories and Methods of Teaching Philology in High school and Middle School

- Mã học phần: 122077
- Số tín chỉ: 3 (27,27,9,135)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trang bị cho người học kiến thức và kĩ năng cơ bản về phương pháp dạy học Ngữ văn, môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT. Nội dung chính của học phần gồm: đặc trưng bản chất, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, cơ chế, nguyên tắc, phương pháp, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá năng lực Ngữ văn. Những nội dung lí thuyết này làm tiền đề cho các hoạt động thực hành.

Năng lực đạt được: Người học có kĩ năng phân tích được các vấn đề lí thuyết chung về môn phương pháp dạy học ngữ văn, môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT; có kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học một số chủ đề Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực; có năng lực giao tiếp, hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong quá trình xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Ngữ văn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức hệ thống chuyên sâu về những vấn đề lí luận cốt lõi của môn Phương pháp dạy học ngữ văn, môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT.
- CO2: Có năng lực phân tích các vấn đề lí thuyết chung về môn phương pháp dạy học ngữ văn, môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT; năng lực xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Ngữ văn.
- CO3: Có năng lực giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong quá trình xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực người học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Làm rõ được các vấn đề lí luận cốt lõi về môn Phương pháp dạy học ngữ văn, môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT.
- CLO2: Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn THPT, THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- CLO3: Làm chủ trong giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề lí luận chung về môn Phương pháp dạy học ngữ văn (4,4,0,20)

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Phương pháp dạy học Ngữ văn

1.2. Mục tiêu của môn Phương pháp dạy học Ngữ văn

1.3. Nhiệm vụ của môn Phương pháp dạy học Ngữ văn

1.4. Nội dung nghiên cứu của môn Phương pháp dạy học Ngữ văn

1.5. Phương pháp nghiên cứu của khoa học phương pháp dạy học Ngữ văn

Chương 2: Đặc trưng, bản chất của môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT (4,4,0,20)

2.1. Tính công cụ

2.2. Tính môn học

2.3. Tính nghệ thuật

2.4. Tính nhân văn

Chương 3: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT (6,6,0,30)

3.1. Mục tiêu của dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT

3.2. Nhiệm vụ của dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT

3.3. Nội dung dạy học môn Ngữ văn ở trường THCS, THPT

Chương 4: Cơ chế, nguyên tắc cơ bản trong dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT (2,2,0,10)

5.1. Cơ chế dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT

5.2. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT

Chương 5: Phương pháp, phương tiện dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT (8,8,9,40)

6.1. Các phương pháp chung trong dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT

6.2. Các phương tiện sử dụng trong dạy học Ngữ văn ở trường THCS, THPT

Chương 6: Đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh THCS, THPT (3,3,0,15)

7.1. Khái quát chung về đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh THCS, THPT

7.2. Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh THCS, THPT

5. Hình thức dạy học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn	✓	✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓
Nghiên cứu tình huống	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án...)

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (số TC + 1)				
1	Thuyết trình	Rubric 4	CLO1	30%
2	Thực hành bài tập	Rubric 3	CLO2	
3	Thảo luận	Rubric 2	CLO3	
Kiểm tra giữa kì (20%)				20%
4	Viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%
5	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3	
Thang điểm				**10**

[Các rubric đánh giá học phần xem ở Phụ lục của Đề cương chi tiết học phần]

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2019), *Lí luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên) (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Phan Trọng Luận (2013), *Giáo trình Phương pháp dạy học văn tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.36. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC ĐỌC VĂN BẢN/ Developing Teaching Reading Texts Competence

- Mã học phần: 123041
- Số tín chỉ: 3 (27,27,9,135)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học kiến thức và kĩ năng cơ bản về Văn bản và hoạt động đọc văn bản; Phương pháp dạy học đọc văn bản; Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc các loại văn bản trong Chương trình sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT; Đánh giá năng lực đọc văn bản của học sinh THCS, THPT.

Năng lực đạt được: Người học làm rõ được một số vấn đề lí luận cốt lõi về hoạt động đọc trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT; nhận biết được đặc điểm của các loại văn bản; có kĩ năng đọc các loại văn bản; có khả năng sử dụng các phương pháp dạy học đọc văn bản theo quy trình và đặc điểm của loại văn bản; có kĩ năng xây dựng kế hoạch bài dạy học đọc văn bản và tổ chức thực hiện giờ dạy đọc văn bản trong môn Ngữ văn THCS, THPT theo định hướng phát triển năng lực người học; có kĩ năng xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực đọc văn bản của học sinh THCS, THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức hệ thống chuyên sâu về những vấn đề lí luận cốt lõi trong dạy học đọc văn bản ở trường THCS, THPT.

- CO2: Có năng lực phân tích được mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của hoạt động đọc văn bản trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT; phân tích được đặc điểm của các loại văn bản, diễn giải được quy trình dạy học đọc văn bản; phân tích được yêu cầu của bài dạy đọc văn bản để lựa chọn, sử dụng được các

phương pháp dạy học phù hợp với chủ đề, đặc trưng của văn bản; xác định trọng tâm của bài dạy đọc văn bản để xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với trình độ, tâm lí lứa tuổi học sinh và vùng miền; tổ chức được giờ dạy đọc văn bản theo chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT; xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực đọc văn bản của học sinh THCS, THPT.

- CO3: Có năng lực giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học đọc văn bản theo định hướng phát triển năng lực người học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Làm rõ được các vấn đề lí luận cốt lõi về năng lực dạy học đọc văn bản.

- CLO2: Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức được giờ dạy học đọc văn bản theo định hướng phát triển năng lực người học.

- CLO3: Làm chủ trong giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học đọc văn bản theo định hướng phát triển năng lực người học.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Văn bản và hoạt động đọc văn bản trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT, THCS (8,8,0,10)

1.1. Khái quát chung về văn bản và hoạt động đọc văn bản

1.2. Khái quát chung về hoạt động đọc văn bản trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT

Chương 2: Phương pháp dạy học đọc văn bản (8,8,1,35)

2.1. Mục đích, yêu cầu dạy đọc văn bản trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT

2.2. Mô hình bài dạy học đọc văn bản

2.3. Hệ thống hoạt động trong dạy học đọc văn bản

2.4. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học đọc văn bản

Chương 3: Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc các loại văn bản trong Chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT, THCS (7,7,7, 80)

3.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc văn bản thơ

3.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc văn bản truyện

3.3. Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc văn bản kịch

3.4. Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc văn bản nghị luận

3.5. Xây dựng kế hoạch bài dạy và Tổ chức dạy học đọc văn bản thông tin

Chương 4: Đánh giá năng lực đọc văn bản của học sinh THCS, THPT (4, 4,1,10)

4.1. Khái quát chung về đánh giá năng lực đọc văn bản

4.2. Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực đọc văn bản của học sinh THCS, THPT

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn	✓	✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓
Nghiên cứu tình huống	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án...)

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (số TC + 1)				
1	Thuyết trình	Rubric 4	CLO1	30%
2	Thực hành bài tập	Rubric 3	CLO2	
3	Thảo luận	Rubric 2	CLO3	
Kiểm tra giữa kì (20%)				20%
4	Viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%
5	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3	
Thang điểm				**10**

[Các rubric đánh giá học phần xem ở Phụ lục của Đề cương chi tiết học phần]

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. PGS.TS Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), TS. Dương Thị Hồng Hiếu (2017), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, Nxb Đại học Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Huyền, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Hoàng Thị Mai (Chủ biên) (2009), Kiều Thọ Long, *Phương pháp dạy học văn bản nghị luận ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông,* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.37a. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC VIẾT VĂN BẢN/Developing of the ability to teaching wrting texts

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18,135)
- Mã học phần: 122078
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp DH môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần trang bị cho SV kiến thức thực tế vững chắc về chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS; kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về các thành tố của năng lực dạy học viết và các phương pháp dạy học, biện pháp, hình thức tổ chức phát triển năng lực dạy học viết các kiểu/loại văn bản, bài văn trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS. Trên cơ sở vận dụng thực hành, SV có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng kế hoạch bài dạy viết và thực hiện các kế hoạch bài dạy viết ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV có kiến thức thực tế vững chắc về chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS; có kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về các thành tố của năng lực dạy học viết và các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức phát triển năng lực dạy học viết các kiểu/loại văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS;

- CO2: SV có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng được kế hoạch bài dạy viết và thực hiện các kế hoạch bài dạy viết ở THPT, THCS đảm bảo yêu cầu đặc trưng kiểu/loại văn bản theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- **CO3:** SV có kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có kĩ năng làm việc hợp tác hoặc làm việc độc lập; tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức trong điều kiện dạy học viết thay đổi đảm bảo phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, SV cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- CLO1: Hiểu biết vững chắc về chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn ở THPT, THCS; hiểu toàn diện, chuyên sâu, phản biện, phân tích, tổng hợp được các thành tố của năng lực dạy học viết và các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức phát triển năng lực dạy học viết các kiểu/loại văn bản, bài văn trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS.

- CLO2: SV nhận thức được các thành tố của năng lực dạy học viết ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy viết trên cơ sở tổ chức được các hoạt động học tập cho HS phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- CLO3: Có kĩ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có kĩ năng làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập; tự chủ và trách nhiệm trong việc sử dụng các phương pháp, thiết bị dạy học viết; hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức trong điều kiện dạy học viết thay đổi đảm bảo phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Các thành tố của năng lực dạy học viết văn bản trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS

[LT11, TH2,TL-BT2,20TH]

1.1. Năng lực, năng lực dạy học và các thành tố của năng lực dạy học

1.2. Dạy học viết, năng lực dạy học viết và các thành tố của năng lực dạy học viết theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

1.3. Văn bản, bài văn, bố cục, kết cấu văn bản và phương thức biểu đạt

1.4. Dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS (nguyên tắc, quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động học, kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực HS [đánh giá hoạt động học và kết quả thực hiện nhiệm vụ học của HS] trong dạy học viết các văn bản, bài văn theo chương trình, sách giáo khoa 2018).

Thực hành:

1/ Em hãy tưởng tượng mình là thầy, cô giáo giới thiệu với đồng nghiệp/học sinh về chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT và THCS dạy học kĩ năng viết các kiểu văn bản, bài văn.

2/ Sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT/THCS tổ chức các hoạt động học nào

cho HS trong dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn? Hãy chia sẻ trước lớp về một số nhận xét, đánh giá của em.

Chương 2: Các phương pháp dạy học viết văn bản, bài văn ở THPT & THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

[LT12,TH2,TL-BT3,TH30)

2.1. Phương pháp truyền đạt trực tiếp các khái niệm lí thuyết về yêu cầu và cách viết bài văn/văn bản

2.2. Phương pháp phân tích ngữ liệu mẫu/bài viết tham khảo

2.3. Phương pháp dạy học viết bài văn theo tiếp cận sản phẩm

2.4. Phương pháp dạy học viết bài văn theo quy trình/tiến trình

2.5. Phương pháp dạy học viết bài văn theo mô hình dự án học tập

2.6. Phương pháp dạy học viết bài văn theo kĩ thuật 4 ô vuông

2.7. Phương pháp dạy học viết bài văn theo kĩ thuật 5 W 1 H

2.8. Phương pháp dạy học viết bài văn theo kĩ thuật phiếu học tập

Thực hành:

1/ Sử dụng phương pháp phân tích ngữ liệu mẫu trong dạy viết bài văn ”Phân tích, đánh giá chủ đề và các yếu tố nghệ thuật đặc sắc của một tác phẩm văn học ở lớp 10”. Anh/chị hãy xác định tiến trình các bước thực hiện bài dạy và chuỗi hoạt động học của HS.

2/ Sử dụng phương pháp dạy viết theo quy trình, anh/chị hãy xác định tiến trình thực hiện bài dạy và các hoạt động học của HS trong bài dạy thực hành viết đề văn: ”Từ suy ngẫm của nhà thơ Anh Ngọc trong dòng thơ *Ai cũng đi qua cơn giông của riêng mình.* Anh chị hãy rút ra bài học về lẽ sống cho bản thân”. Viết bài văn nghị luận về một tổ chức cho HS viết một bài văn phân tích, đánh giá về chủ đề và nhân vật trong một tác phẩm văn học tự chọn theo phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực.

Chương 3: Xây dựng kế hoạch bài dạy viết và tổ chức các hoạt động học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

[LT3,TH4,TL-BT5,TH40)

3.1. Kế hoạch bài dạy viết và giáo án lên lớp của GV

3.2. Yêu cầu và cách thức xây dựng kế hoạch dạy viết bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

3.3. Thực hành xây dựng kế hoạch bài dạy viết các văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

3.4. Tổ chức chuỗi hoạt động học trong bài dạy viết theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

- Ứng dụng 1: Xây dựng kế hoạch dạy học viết bài văn *Phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong một tác phẩm văn học ở lớp 10*

- Ứng dụng 2: Xây dựng kế hoạch DH viết bài văn *Thông tin tổng hợp ở lớp 11*

3.4. Tổ chức đánh giá và tự đánh giá kế hoạch bài dạy viết ở THPT, THCS theo *Tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại giờ dạy GV Trung học quy định tại Hướng dẫn số 572/HD-SGDĐT Thanh Hóa năm 2017 và Công văn số 5555/CV-BGDĐT-GDTrH năm 2014.*

Chương 4: Thực hành dạy học viết các văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

[LT2,TH10,TL-BT8,TH45)]

4.1. Rèn các kĩ năng nghiệp vụ sư phạm cốt lõi để trở thành người giáo viên giỏi trong tương lai

4.2. Xem video bài dạy viết theo chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS và thảo luận, rút kinh nghiệm từ video dạy mẫu.

4.3. Thực hành dạy học viết 1 số bài văn ở cấp THPT và THCS

4.4. Tổ chức thảo luận, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hành dạy viết của SV theo *Tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại giờ dạy GV Trung học quy định tại Hướng dẫn số 572/HD-SGDĐT Thanh Hóa năm 2017 và Công văn số 5555/CV-BGDĐT-GDTrH năm 2014.*

4.5. Hướng dẫn thực hành tập giảng mở rộng.

5. Hình thức dạy học:

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	✓	✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn		✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓
Bài tập dự án	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần:

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên (số TC+1)				
1	Vấn đáp/thuyết trình/ thảo luận	Rubric1,2,3	CLO1	30%
			CLO2	
2	Vấn đáp/viết/thuyết trình/thảo luận/bài tập dự án.	Rubric1,2,3,4,5	CLO1	
			CLO2	
3	Vấn đáp/viết/thuyết trình/ thảo luận/bài tập dự án.	Rubric 1,2,3,4,5,	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	

Đánh giá giữa kì (20%)					20%
1	viết	Rubric 5	CLO2		
Thi cuối kì (50%)					50%
1	Viết	Rubric5	CLO1,2,3		

7. Yêu cầu đối với người học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Giáo trình chính

1. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn,* Nxb Đại học sư phạm, 2018

2. Mai Thị Kiều Phượng (2009), Giáo trình Phương pháp dạy và học kĩ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Đỗ Thị Thu Hương (chủ biên), Đỗ Thị Hiên, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Trần Thị Hạnh Phương, Lê Thị Thùy Vinh (2022), *Văn bản: Đọc hiểu và tạo lập*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

3. Giselle O.Martin-Kniep (2013), *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.37b. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VIẾT VĂN BẢN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC/Developing of the ability to teaching wrting texts

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18,135)
- Mã học phần: 122078
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp DH môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần trang bị cho NH kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về các thành tố của quá trình dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS (gồm nguyên tắc, quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động học và kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ học của HS). Trên cơ sở vận dụng thực hành, NH có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp; có năng lực xây dựng kế hoạch bài dạy viết, sử dụng các phương pháp dạy học viết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong dạy học viết các kiểu văn bản/bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Mục tiêu học phần

- **CO1:** SV có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện, sâu rộng về các thành tố của quá trình dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn trong chương trình GDPT, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS.

- **CO2:** SV nhận thức được các thành tố của quá trình dạy học viết ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp; xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy viết trên cơ sở tổ chức được các hoạt động học tập cho HS phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- **CO3:** SV có kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện các hoạt động dạy học viết thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, người học cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- **CLO1:** Hiểu vững chắc về chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS; hiểu toàn diện và chuyên sâu về các thành tố của quá trình dạy học viết các kiểu văn bản/ bài văn trong chương trình GDPT, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- **CLO2:** Nhận thức được các thành tố của quá trình dạy học viết ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp; xây dựng và thực hiện được kế hoạch bài dạy viết ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; kiểm soát được mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học viết và và sản phẩm cần đạt của mỗi hoạt động học tập.

- **CLO3:** Có kĩ năng giao tiếp, ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có kĩ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện các hoạt động dạy học viết thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng

dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Khái quát chung về các thành tố của quá trình dạy học viết văn bản ở trường Trung học

[LT8, TH1, TL-BT2,20TH]

1.1. Văn bản, bài văn, bố cục, kết cấu văn bản và phương thức biểu đạt

1.2. Viết và dạy viết cho HS trong nhà trường Trung học

1.3. Nguyên tắc, quan điểm, mục tiêu dạy viết trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS

1.4. Nhiệm vụ, yêu cầu cần đạt về dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn ở THPT, THCS

1.5. Nội dung dạy học viết các kiểu văn bản, bài văn theo chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS

1.6. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá dạy học viết trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông

Chương 2: Các phương pháp dạy học viết văn bản, bài văn ở THPT & THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

[LT10, TH2, TL-BT2, TH20)

2.1. Phương pháp truyền đạt trực tiếp các khái niệm lí thuyết về yêu cầu và cách viết bài văn/văn bản

2.2. Phương pháp phân tích ngữ liệu mẫu/bài viết tham khảo

2.3. Phương pháp dạy học viết bài văn theo tiếp cận sản phẩm

2.4. Phương pháp dạy học viết bài văn theo quy trình/tiến trình

2.5. Phương pháp dạy học viết bài văn theo mô hình dự án học tập

2.6. Phương pháp dạy học viết bài văn theo kĩ thuật 4 ô vuông

2.7. Phương pháp dạy học viết bài văn theo kĩ thuật 5 W 1 H

2.8. Phương pháp dạy học viết bài văn theo kĩ thuật phiếu học tập

Chương 3: Đánh giá kết quả viết văn bản, bài văn của học sinh THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

[LT4, TH2, TL-BT2, TH20]

3.1. Đánh giá trong dạy học và những vấn đề liên quan

3.2. Căn cứ đánh giá kết quả viết các kiểu văn bản, bài văn của HS THPT, THCS

3.3. Quy trình đánh giá kết quả học viết văn bản, bài văn của HS

3.4. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả viết các kiểu văn bản, bài văn của HS THPT, THCS

3.5. Xây dựng và sử dụng công cụ đánh giá kết quả viết các kiểu văn bản, bài văn của HS THPT, THCS

3.3. Đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của các công cụ đánh giá kết quả viết các kiểu văn bản, bài văn của HS THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

Chương 4: Xây dựng kế hoạch bài dạy viết và tổ chức các hoạt động học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

[LT3, TH3, TL-BT5, TH30)

3.1. Kế hoạch bài dạy viết và giáo án lên lớp của GV

3.2. Yêu cầu và cách thức xây dựng kế hoạch dạy viết bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

3.3. Thực hành xây dựng kế hoạch bài dạy viết các văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

3.4. Tổ chức chuỗi hoạt động học trong bài dạy viết theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

- Ứng dụng 1: Xây dựng kế hoạch dạy học viết bài văn *Phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong một tác phẩm văn học ở lớp 10*

- Ứng dụng 2: Xây dựng kế hoạch DH viết bài văn *Thông tin tổng hợp ở lớp 11*

3.4. Tổ chức đánh giá và tự đánh giá kế hoạch bài dạy viết ở THPT, THCS theo *Tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại giờ dạy GV Trung học quy định tại Hướng dẫn số 572/HD-SGDĐT Thanh Hóa năm 2017 và Công văn số 5555/CV-BGDĐT-GDTrH năm 2014.*

Chương 5: Thực hành dạy học viết các văn bản, bài văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS

[LT2, TH10, TL-BT7, TH45)]

4.1. Rèn các kĩ năng nghiệp vụ sư phạm cốt lõi để trở thành người giáo viên giỏi trong tương lai

4.2. Xem video bài dạy viết theo chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS và thảo luận, rút kinh nghiệm từ video dạy mẫu.

4.3. Thực hành dạy học viết 1 số bài văn ở cấp THPT và THCS

4.4. Tổ chức thảo luận, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hành dạy viết của SV theo *Tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại giờ dạy GV Trung học quy định tại Hướng dẫn số 572/HD-SGDĐT Thanh Hóa năm 2017 và Công văn số 5555/CV-BGDĐT-GDTrH năm 2014.*

4.5. Hướng dẫn thực hành tập giảng mở rộng.

5. Hình thức dạy học:

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	✓	✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn		✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓
Bài tập dự án	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần:

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án....)

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (số TC+1)				
1	Vấn đáp/thuyết trình/ thảo luận	Rubric1,2,3	CLO1	30%
			CLO2	
2	Vấn đáp/viết/thuyết trình/thảo luận/bài tập dự án.	Rubric1,2,3,4,5	CLO1	
			CLO2	
3	Vấn đáp/viết/thuyết trình/ thảo luận/bài tập dự án.	Rubric 1,2,3,4,5,	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
Đánh giá giữa kì (20%)				20%
1	viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%
1	Viết	Rubric5	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với người học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Giáo trình chính

1. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn,* Nxb Đại học sư phạm, 2018

2. Mai Thị Kiều Phượng (2009), Giáo trình Phương pháp dạy và học kĩ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Đỗ Thị Thu Hương (chủ biên), Đỗ Thị Hiên, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Trần Thị Hạnh Phương, Lê Thị Thùy Vinh (2022), Văn bản: Đọc hiểu và tạo lập, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

3. Giselle O.Martin-Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.38a. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC NÓI – NGHE TRONG MÔN NGỮ VĂN /Developing teaching speaking and listening in the subject of Literature

- Số tín chỉ: 4 (36,48,180)
- Mã học phần: 122561
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức, kĩ năng hệ thống, chuyên sâu về dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Nội dung chính của học phần gồm: Những vấn đề khái quát chung về dạy học nói – nghe trong chương trình, SGK Ngữ văn THPT, THCS; Những cơ sở khoa học và thực tiễn; các nguyên tắc, phương pháp, kĩ thuật dạy học nói – nghe; quy trình dạy học mạch nói – nghe; kiểm tra đánh giá nói – nghe trong môn Ngữ văn từ đó tạo cơ sở lý thuyết vững chắc cho việc thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy mạch nói – nghe và thực hành tổ chức dạy học mạch nói – nghe trong chương trình, SGK theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1:Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu về chương trình, sách giáo khoa; Hiểu rõ quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nội dung dạy học nói - nghet trong chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CO2: Áp dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học nói – nghe vào thực hành dạy học nói – nghe trong chương trình, SGK Ngữ văn THPT, THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- CO3: Có kĩ năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy nói - nghe đảm bảo các quy định hiện hành; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong bài dạy nói - nghe vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học.

- CO4: Có năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp khác đạt hiệu quả trong dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Diễn giải được chức năng, vai trò của chương trình và sách giáo khoa trong nhà trường phổ thông. Làm rõ được quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nội dung dạy học, phương pháp dạy học nói - nghe trong chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CLO2: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học nói - nghe vào dạy học sinh THPT, THCS thực hành nói và nghe đạt hiệu quả đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực.

- CLO3: Có kĩ năng xây dựng được kế hoạch bài dạy nói - nghe và vận hành được một số tiết dạy học nói và nghe; kĩ năng phân tích rút kinh nghiệm bài học, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong dạy học nói - nghe vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CLO4: Có năng lực thực hiện giao tiếp, làm việc nhóm có hiệu quả, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ đạt hiệu quả trong dạy học nói - nghe.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về dạy học nói – nghe và dạy học nói – nghe trong chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn	06	02	01	0		30
Chương 2: Cơ sở khoa học của dạy học nói – nghe trong môn	04	02	01	0		15

Ngữ văn						
Chương 3: Các nguyên tắc và phương pháp dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn	12	05	01	0		30
Chương 4: Quy trình dạy học bài nói - nghe trong môn Ngữ văn	04	02	0	0		20
Chương 5: Kiểm tra đánh giá nói - nghe trong môn Ngữ văn	04	02	0	02		15
Chương 6: Thực hành dạy học nói - nghe theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói – nghe trong môn Ngữ văn	06	0	0	30		70

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (05)**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,3	2,3,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2	1,2,3	
3	Thực hành	Rubric 4	1,2,3	
4	Viết	Rubric 4	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 4	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 5,6	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 05 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi hoặc làm tiểu luận

(BTL) khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm tiểu luận.

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn Trung học phổ thông,* Nxb Đại học sư phạm.

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn thị Thanh Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Thị Hồng Xuân, (2022), *Giáo trình Xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn*, Nxb Đại học Sư phạm.

6.38b. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP MÔN NGỮ VĂN THPT, THCS/ Experiential activities, career guidance in Literature for high school and junior high school Creating Teaching Philology plans and Organization of Teaching Philology in Middle and High School

- Số tín chỉ: (36, 14, 34, 180)
- Mã học phần: 124033
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức, kĩ năng hệ thống, chuyên sâu về Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp môn Ngữ văn trong nhà trường THPT và THCS. Nội dung chính của học phần bao gồm: Vị trí, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông; Các mục tiêu, nội dung, quan điểm và các yêu cầu cơ bản trong xây dựng nội dung dạy học trải nghiệm hướng nghiệp môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông; Các nguyên tắc, hình thức, quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với những tình huống, bối cảnh thực tế đáp ứng Chuẩn kiến thức nghề nghiệp giáo viên THPT, THCS; đánh giá kết quả trải nghiệm của học sinh trong nhà trường phổ thông; xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức hệ thống cơ bản, nền tảng và chuyên sâu về môn học: Những vấn đề khái quát của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp môn Ngữ văn theo chương trình GDPT 2018; hiểu rõ nguyên tắc và các hình thức, phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với từng cấp học, lớp học; nắm được quy trình tở chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Ngữ văn; biết cách đánh giá học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm; biết định

hướng nghề nghiệp cho học sinh đáp ứng các yêu cầu phát huy tối đa hiệu quả phẩm chất, năng lực của học sinh trong tương lai

- CO2: Có kĩ năng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Ngữ văn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT môn Ngữ văn. Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích, đánh giá chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hành nghề nghiệp.

- CO3: Áp dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp môn Ngữ văn THPT, THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Ngữ văn vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học.

- CO4: Có năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Ngữ văn THPT, THCS; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp đạt hiệu quả trong các hoạt động trải nghiệm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Diễn giải được chức năng, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương trình GDPT. Làm rõ được các mục tiêu, quan niệm, nội dung, các yêu cầu, nguyên tắc, quy trình, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Ngữ văn.

- CLO2: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật, lý thuyết hoạt động trải nghiệm xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm và tổ chúc các hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

- CLO3: Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hình thức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khác nhau và tổ chức thực hành vận hành được một số hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trrong dạy học Ngữ văn; có kĩ năng phân tích rút kinh nghiệm bài học, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học Ngữ văn vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CLO4: Thực hiện giao tiếp, làm việc nhóm có hiệu quả, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học Ngữ văn; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ đạt hiệu quả trong hoạt động dạy học Ngữ văn ở THPT, THCS.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở nhà trường phổ thông	12	03		0		20
Chương 2: Các nguyên tắc và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp		08	02	01		15
Chương 3: Quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh	10	03	0	0		15
Chương 4: Đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	06	02	01	02		20
Chương 5: Thực hành xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Ngữ văn	04	0	0	36		110

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (05)**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,3	2,3,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2	1,2,3	
3	Thực hành	Rubric 4	1,2,3	
4	Viết	Rubric 4	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 4	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 5,6	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 05 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi hoặc làm tiểu luận (BTL) khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm tiểu luận.

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh, Đào Trung Thành (2018), *Hướng nghiệp 4.0*, Nhà xuất bản Thanh Niên.

2. Thomas Armstrong, *Đa trí tuệ trong lớp học*, Lê Quang Long dịch (2011), Nxb Giáo dục.

6.38c. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO NGỮ VĂN/ Experiential activities, career guidance in Literature for high school and junior high school Creating Teaching Philology plans and Organization of Teaching Philology in Middle and High School

- Số tín chỉ: (36, 14, 34, 180)
- Mã học phần: 123082
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức, kĩ năng hệ thống, chuyên sâu về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong nhà trường THPT và THCS. Nội dung chính của học phần bao gồm: Vị trí, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo và trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong nhà trường phổ thông; Các mục tiêu, nội dung, quan điểm và các yêu cầu cơ bản trong xây dựng nội dung dạy học trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông; Các nguyên tắc, hình thức, quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn gắn với những tình huống, bối cảnh thực tế đáp ứng Chuẩn kiến thức nghề nghiệp giáo viên THPT, THCS; đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn của học sinh trong nhà trường phổ thông; xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động các trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức hệ thống cơ bản, nền tảng và chuyên sâu về môn học: Những vấn đề khái quát của hoạt động trải nghiệm sáng tạo và trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn theo chương trình GDPT 2018; Hiểu rõ nguyên tắc và các hình thức, phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn phù hợp với từng cấp học, lớp học; nắm được quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong nhà trường; Biết cách đánh giá học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn; biết khơi gợi năng lực xúc cảm thẩm mĩ văn học cho học sinh đáp ứng các yêu cầu phát huy tối đa hiệu quả phẩm chất, năng lực của học sinh trong tương lai

- CO2: Có kĩ năng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Ngữ văn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT môn Ngữ văn. Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích, đánh giá nội dung, chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hành nghề nghiệp.

- CO3: Áp dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở trường THPT, THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học.

- CO4: Có năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo hấp dẫn, phù hợp trong môn Ngữ văn ở bậc THPT, THCS; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp đạt hiệu quả trong các hoạt động trải nghiệm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Diễn giải được chức năng, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong chương trình GDPT. Làm rõ được các mục tiêu, quan niệm, nội dung, các yêu cầu, nguyên tắc, quy trình, các hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn thường được sử dụng trong dạy học Ngữ văn.

- CLO2: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật, lý thuyết hoạt động trải nghiệm xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- CLO3: Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hình thức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn khác nhau và tổ chức thực hành vận hành được một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong dạy học Ngữ văn; tham gia thực hành trải

nghiệm một số hoạt động trải nghiệm sáng Ngữ văn; có kĩ năng phân tích rút kinh nghiệm bài học, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong dạy học Ngữ văn vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CLO4: Thực hiện giao tiếp, làm việc nhóm có hiệu quả, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn trong dạy học Ngữ văn; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ đạt hiệu quả trong hoạt động dạy học Ngữ văn ở THPT, THCS.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo và trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở nhà trường phổ thông	12	03	0	0		20
Chương 2: Các nguyên tắc và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn	08	03	0	0		15
Chương 3: Quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh	10	03	0	0		15
Chương 4: Đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn	10	02	01	02		20
Chương 5: Thực hành xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn	04	0	0	36		110

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (05)**			

1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,3	2,3,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2	1,2,3	
3	Thực hành	Rubric 4	1,2,3	
4	Viết	Rubric 4	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 4	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 5,6	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 05 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi hoặc làm tiểu luận (BTL) khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm tiểu luận.

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh, Đào Trung Thành (2018), *Hướng nghiệp 4.0*, Nhà xuất bản Thanh Niên

2. Thomas Armstrong, *Đa trí tuệ trong lớp học*, Lê Quang Long dịch (2011), Nxb Giáo dục**.**

6.39a. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC/Testing, assessment of hight school students' learning outcomes

- Mã học phần: 123062
- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6, 90)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và PPDH Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần gồm kiến thức toàn diện, chuyên sâu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của HS THPT, THCS: các loại hình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá; công cụ kiểm tra đánh giá và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của HS. Trên cơ sở vận dụng các kiến thức lí thuyết được trang bị, SV có năng lực thực hành xây dựng, phân tích, phản

biện các công cụ đánh giá kết quả học tập 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe theo hướng phát triển các phẩm chất, năng lực cho HS.

2. Mục tiêu của học phần

- **CO1:** NH được trang bị kiến thức toàn diện, chuyên sâu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của HS THPT, THCS

- **CO2:** NH có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng các công cụ đánh giá kết quả học tập 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe theo hướng phát triển các phẩm chất, năng lực cho HS.

- **CO3:** NH có kỹ năng giao tiếp ứng xử trong môi trường sư phạm để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của HS, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ**.**

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, người học cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- CLO1: Hiểu vững chắc về đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì trong dạy học đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn ở THPT, THCS; Hiểu toàn diện, chuyên sâu về các loại hình kiểm tra đánh đánh giá; phương pháp kiểm tra đánh giá và công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- CLO2: Nhận thức được ở các cấp độ tư duy nhất là phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng và kiểm chứng tính khả thi của các công cụ đánh giá kết quả đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- CLO3: Có kĩ năng giao tiếp ứng xử phù hợp trong môi trường sư phạm để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện thay đổi kiểm tra đánh giá; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh 10 tiết (LT8, TL/BT2, TH0)

1.1. Các khái niệm cơ bản về kiểm tra đánh giá

1.1.1. Đo lường (measurement)

1.1.2. Trắc nghiệm (test)

1.1.3. Kiểm tra (testing)

1.1.4. Đánh giá (assessment)

1.2. Một số vấn đề liên quan đến đánh giá kết quả học tập của học sinh

1.2.1. Kết quả học tập (result)

1.2.2. Thành tích học tập

1.2.3. Chất lượng học tập

1.2.4. Hiệu quả học tập

1.3. Mục đích của KTĐG kết quả học tập của HS

1.3.1. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

1.3.2 Kiểm tra đánh giá vì học tập

1.3.3. Kiểm tra đánh giá như hoạt động học tập

1.4. Vai trò của KTĐG kết quả học tập của HS

1.4.1. KTĐG là một bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học

1.4.2. KTĐG là một bộ phận quan trọng của quản lí chất lượng dạy học

1.5. Các loại hình KTĐG kết quả học tập của HS (types of assessment)

1.5.1. Đánh giá định kì và đánh giá thường xuyên

1.5.2. Đánh giá khách quan và đánh giá chủ quan

1.5.3. Đánh giá cá nhân và đánh giá nhóm

1.5.4. Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng

1.6. Quy trình KTĐG theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT

1.6.1. Phân tích mục đích đánh giá, mục tiêu bài học

1.6.2. Xây dựng kết hoạch KTĐG

1.6.3. Lựa chọn, thiết kế công cụ KTĐG

1.6.4. Thực hiện KTĐG

1.6.5. Phân tích, xử lí kết quả KTĐG

1.6.6. Phản hồi kết quả KTĐG

1.6.7. Sử dụng kết quả KTĐG vào trong quá trình cải tiến chất lượng dạy học

Chương 2: Phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tậmôn Ngữ văn của học sinh 22 tiết (LT12, TL/BT6, TH4)

2.1. PP kiểm tra viết

2.1.1. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

- Câu nhiều lựa chọn
- Câu điền khuyết
- Câu đúng – sai
- Câu ghép đôi

2.1.2. Câu trắc nghiệm tự luận

2.1.3. Bài tập

2.1.4. Đề kiểm tra

2.2. PP quan sát

2.2.1. Ghi chép

2.2.2. Thang đo

2.2.3. Bảng kiểm

2.3. PP hỏi - đáp

2.2.1. Kĩ thuật nêu câu hỏi

2.2.2. Kĩ thuật lắng nghe

2.2.3. Kĩ thuật phản hồi tích cực

2.4. PP đánh giá hồ sơ học tập

2.4.1. Mục đích của một hồ sơ học tập

2.4.2. Tiêu chí để đánh giá thông qua hồ sơ học tập

2.4.3. Bồi cảnh thiết lập và duy trì hồ sơ học tập

2.4.4. Chấm điểm hồ sơ học tập

2.4.5. Công cụ đánh giá bằng bảng quan sát, câu hỏi vấn đáp, phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubrics).

2.5. PP kiểm tra đánh giá hoạt động và sản phẩm học tập

2.5.1. Xác định hoạt động và sản phẩm cần đánh giá

2.5.2. Phát triển các công cụ để đánh giá hoạt động/sản phẩm

a) Bảng kiểm

b) Thang đo

c) Rubric

Chương 3: Một số kĩ thuật đánh giá trong lớp học 10 tiết (LT4, TL/BT4, TH2)

3.1. Giới thiệu về đánh giá trong lớp học

3.1.1. Vai trò của các kĩ thuật đánh giá trong lớp học

3.1.2. Tính cần thiết của việc sử dụng các kĩ thuật đánh giá trong lớp học

3.1.3. Phản hồi các kết quả đánh giá thường xuyên trong lớp học

3.1.4. Tần suất và cách sử dụng các kĩ thuật đánh giá

3.2. Lập kế hoạch và thực hiện đánh giá lớp học

3.2.1. Xác định mục đích đánh giá

3.2.2. Xác định mục tiêu học tập (kiến thức, kĩ năng, thái độ) sẽ đánh giá

3.2.3. Triển khai đánh giá và phản hồi thông tin với người học

3.3. Kĩ thuật đánh giá lớp học mặt nhận thức

3.3.1. Bảng hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nền

3.2.2. Ma trận trí nhớ

3.2.3. Ma trận dấu hiệu đặc trưng

3.2.4. Dàn bài theo cấu trúc (cái gì, như thế nào, tại sao)

3.4. Kĩ thuật đánh giá năng lực vận dụng

3.4.1. Nhận diện vấn đề

3.4.2. Hồ sơ giải pháp

3.4.3. Thẻ áp dụng

3.4.4. Viết lại có định hướng

3.5. Kĩ thuật đánh giá phản hồi của người học

3.5.1. Bảng liệt kê mục tiêu của chủ đề được học

3.5.2. Kĩ thuật tổng hợp (nhớ lại, tóm tắt, đặt câu hỏi, bình luận, kết nối)

3.5.3. Đánh giá làm việc nhóm

3.5.4. Đánh giá nhiệm vụ được giao

5. Hình thức dạy học:

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	✓	✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn		✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần:

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án....)

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (số TC+1)				
1	Vấn đáp/thuyết trình/ thảo luận	Rubric1,2,3	CLO1	30%
			CLO2	
2	Vấn đáp/viết/thuyết trình/thảo luận/bài tập dự án.	Rubric1,2,3,4,5	CLO1	
			CLO2	
3	Vấn đáp/viết/thuyết trình/ thảo luận/bài tập dự án.	Rubric 1,2,3,4,5,	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
Đánh giá giữa kì (20%)				20%
1	viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%
1	Viết	Rubric5	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với người học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Công Khanh chủ biên (2016) *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục, Nxb Đại học sư phạm*

2. Nguyễn Thúy Hồng, *Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT, THCS, Nxb Giáo dục*

10.2. Học liệu tham khảo

1. Sái Công Hồng (2020), Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học, Nxb Đại học Quốc gia

2. Dự án Việt – Bỉ, *Dạy và học tích cực (2010), Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực. Nxb Đại học sư phạm*.

6.39b. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN/ Application of Information and communication technologies in teaching Philology

- **Mã số học phần**: 121064
- **Số tín chỉ**: 02 (6, 18,18, 90)
- **Bộ môn phụ trách giảng dạy**: Bộ môn Ngữ văn
- **Điều kiện tiên quyết**: Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn; Sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong dạy học ngữ văn (tạo và lưu trữ, chia sẻ học liệu, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá năng lực người học).

Năng lực đạt được: Người học làm rõ được một số vấn đề lí thuyết về ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn, có kĩ năng sử dụng hiệu quả những ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Ngữ văn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức hệ thống, khái quát, cơ bản, thời sự về bản chất, vai trò, các yêu cầu, nguyên tắc, cách thức ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn.

- CO2: Có năng lực xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức các hoạt động dạy học có ứng dụng thành tựu công nghệ thông tin và truyền thông.

- CO3: Có năng lực giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để ứng dụng hiệu quả các thành tựu công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Làm rõ được các vấn đề lí luận cốt lõi về ứng dụng công nghệ thông

tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn.

- CLO2: Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn có ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin và truyền thông nhằm nâng cao chất lượng dạy học vì sự tiến bộ của người học.

- CLO3: Làm chủ trong giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để vận dụng hiệu quả các thành tựu công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn (2,0,0,10)

1.1. Khái niệm CNTT&TT

1.2. Vai trò của CNTT&TT trong dạy học Ngữ văn

1.3. Xu hướng ứng dụng CNTT&TT trong dạy học Ngữ văn

Chương 2: Một số phần mềm ứng dụng trong sáng tạo, lưu trữ và chia sẻ học liệu (2,6,6,40)

2.1. Phần mềm Microsoft Powerpoint

2.1.1. Giới thiệu về phần mềm Microsoft Powerpoint

2.1.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Microsoft Powerpoint

2.2. Phần mềm Powton

2.2.1. Giới thiệu về phần mềm Powton

2.2.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Powton

2.3. Phần mềm Storymap

2.3.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm Storymap

2.3.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Storymap

2.4. Phần mềm Book Creator

2.4.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm Book Creator

2.4.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Book Creator

2.5. Phần mềm Windows Movie Maker

2.5.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm Windows Movie Maker

2.6. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Windows Movie Maker

2.7. Phần mềm IMindMap

2.7.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm IMindMap

2.7.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm ImindMap

Chương 3: Một số phần mềm ứng dụng trong tổ chức dạy học Ngữ văn (1,6,6,20)

3.1. Phần mềm Google Classroom

3.1.1. Giới thiệu về phần mềm Google Classroom

3.1.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Google Classroom

3.2. Phần mềm Schoology

3.2.1. Giới thiệu về phần mềm Schoology

3.2.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Schoology

3.3. Phần mềm Zoom

3.3.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm Zoom

3.3.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Zoom

Chương 4: Một số phần mềm ứng dụng trong kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh (1,6,6,20)

4.1. Phần mềm Kahoot

4.1.1. Giới thiệu về phần mềm Kahoot

4.1.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Kahoot

4.2. Phần mềm Quizizz

4.2.1. Giới thiệu về phần mềm Quizizz

4.2.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Quizizz

4.3. Phần mềm Clicker

4.3.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm Clicker

4.3.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Clicker

4.4. Phần mềm Google Forms

4.4.1. Giới thiệu về phần mềm Phần mềm Google Forms

4.4.2. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Google Forms

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình			
Tự học			
Thảo luận			
Thực hành			
Hướng dẫn			
Hoạt động nhóm			
Nghiên cứu tình huống	✓		

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên (số TC + 1)				
1	Thuyết trình	Rubric 4	CLO1	30%
2	Thực hành bài tập	Rubric 3	CLO2	
3	Thảo luận	Rubric 2	CLO3	
Kiểm tra giữa kì (20%)				20%
4	Viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%

5	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3	
Thang điểm				**10**

[Các rubric đánh giá học phần xem ở Phụ lục của Đề cương chi tiết học phần]

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Hồ Sĩ Đàm (Chủ biên) Đào Kiến Quốc – Hồ Đắc Phương (2007), *Giáo trình tin học cơ sở*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.2. Sách tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kĩ thuật dạy học,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Huyền, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (CB), Đỗ Thị Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn ngữ văn Trung học phổ thông,* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.40. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC NGỮ VĂN THPT, THCS/ Creating Teaching Philology plans and Organization of Teaching Philology in Middle and High School

- Số tín chỉ: (36, 14, 34, 180)
- Mã học phần: 122062
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức, kĩ năng hệ thống, chuyên sâu về xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn trong nhà

trường THPT và THCS. Nội dung chính của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về kế hoạch dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học đáp ứng chương trình GDPT 2018; những vấn đề cơ bản về chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018; các nội dung xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn trong năm học; xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề môn Ngữ văn; Xây dựng kế hoạch dạy học các mạch nội dung trong chủ đề môn Ngữ văn; kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức hệ thống cơ bản, nền tảng và chuyên sâu về môn học: Những vấn đề khái quát của chương trình GDPT môn Ngữ văn; Hiểu rõ và phân biệt được các loại kế hoạch trong môn Ngữ văn như: kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học Môn Ngữ văn, kế hoạch dạy học chủ đề trong môn Ngữ văn, kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn; vai trò, quy trình xây dựng các loại kế hoạch dạy học trong môn Ngữ văn, nắm vững khung kế hoạch dạy học và bài dạy, phân tích được đặc điểm, quy trình tổ chức dạy học môn Ngữ văn trong Chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT, THCS theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- CO2: Có kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn và tổ chức dạy học môn Ngữ văn ở trường THPT, THCS. Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích, đánh giá chương trình một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hành nghề nghiệp.

- CO3: Áp dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn THPT, THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học.

- CO4: Có năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn THPT, THCS; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp đạt hiệu quả trong dạy học Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Diễn giải được chức năng, vai trò của chương trình và sách giáo khoa trong nhà trường phổ thông. Làm rõ được quan niệm, yêu cầu, nội dung cấu trúc của các loại kế hoạch trong môn Ngữ văn, quy trình xây dựng các loại kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn ở THPT, THCS sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CLO2: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học Ngữ văn vào dạy học sinh THPT, THCS xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức

các hoạt động dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

- CLO3: Xây dựng được các kế hoạch dạy học Ngữ văn và tổ chức thực hành vận hành được một số tiết dạy học Ngữ văn; có kĩ năng phân tích rút kinh nghiệm bài học, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn vì sự tiến bộ của người học và nâng cao chất lượng dạy học chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn.

- CLO4: Thực hiện giao tiếp, làm việc nhóm có hiệu quả, đưa ra được những sáng kiến và những kết luận có tính chuyên môn về xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn; sử dụng tiếng Việt và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ đạt hiệu quả trong hoạt động dạy học Ngữ văn ở THPT, THCS.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
PHẦN I: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC NGỮ VĂN						
Chương 1: Những vấn đề chung về Kế hoạch dạy học và Xây dựng kế hoạch dạy học	04	03	0	0		15
Chương 2: Khái quát về chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018	04	03	0	0		15
Chương 3: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn trong năm học	03	0	03	02		20
Chương 4: Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề môn Ngữ văn	05	0	02	02		20
Chương 5: Xây dựng kế hoạch dạy học các mạch nội dung trong chủ đề môn Ngữ văn	12	0	04	08		35
Chương 6: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn	04	0	0	04		20
PHẦN II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGỮ VĂN						
Chương 7: Những vấn đề lý thuyết chung về tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn trong nhà trường THPT, THCS (LT04, TH0, TL - BT 0,TH15)	04	0	0	0		15
Chương 8: Thực hành tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn trong nhà	0	0	0	18		40

Trường THPT, THCS (LT0, TH18, TL - BT 0,TH40)						

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (05)**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,3	2,3,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2	1,2,3	
3	Thực hành	Rubric 4	1,2,3	
4	Viết	Rubric 4	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết tự luận	Rubric 4	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 5,6	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 05 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi hoặc làm tiểu luận (BTL) khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm tiểu luận.

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

2. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn thị Thanh Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Thị Hồng Xuân, (2022), *Giáo trình Xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn*, Nxb Đại học Sư phạm.

1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn Trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.

6.41a. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/Method of scientific research

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 125125
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm:

- Tổng quan về khoa học, nghiên cứu khoa học, trình tự logic của nghiên khoa học.
- Cách thức tổ chức thực hiện đề tài, thu thập xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học.
- Một số phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu Văn học, cách thức tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu Văn học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững để trình bày, phân tích, vận dụng, thực hành được những kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực Văn học.
- CO2: Rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu các vấn đề Văn học bằng các phương pháp khoa học.
- CO3: Hình thành được thái độ khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề Văn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức cơ bản, hệ thống, chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu khoa học.
- CLO2: Có kỹ năng vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào nghiên cứu các vấn đề Văn học.
- CLO3: Có thái độ khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề Văn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Nội dung 1. *Khoa học*	1	2	1			5
Nội dung 2. *Đại cương về nghiên cứu khoa học*	3	2	1			10
Nội dung 3. *Trình tự logic của nghiên cứu khoa học*	3	2	1	1		10
Nội dung 4. *Thu thập và xử lý*	2	2	1	1		12

thông tin						
Nội dung 5. *Trình bày luận điểm khoa học*	2	2	1	2		13
Nội dung 6. *Tổ chức thực hiện đề tài*	3	2	1	3		15
Nội dung 7. *Đánh giá nghiên cứu khoa học*	1	2	1	1		10
Nội dung 8. *Một số phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu Văn học*	3	2	1	3		15
Cộng	**18**	**23**	**8**		**5**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, nghiên cứu tình huống, tiểu luận, bài tập lớn...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, tự luận...

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (03)**			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận, bài tập cá nhân, bài viết...	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Tự luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Tự luận	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

1. Vũ Cao Đàm (2019), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Tái bản, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (02)

2. Phạm Viết Vượng (2002), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6.41b. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG/ Method of Reseaching Pedagogical scientific application

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 123109
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Khái quát chung về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, cách tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, hướng dẫn áp dụng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong điều kiện thực tế Việt Nam, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững để trình bày, phân tích, vận dụng, thực hành được những kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục sư phạm.

- CO2: Rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu các vấn đề khoa học giáo dục sư phạm Ngữ văn bằng các phương pháp khoa học.

- CO3: Hình thành được thái độ khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề thuộc khoa học sư phạm Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức cơ bản, hệ thống, chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu khoa học.

- CLO2: Có kỹ năng vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào nghiên cứu các vấn đề của khoa học sư phạm Ngữ văn, khoa học giáo dục.

- CLO3: Có thái độ khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề khoa học sư phạm Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. *Bài mở đầu*	1	2	1			5
Nội dung 2. *Khoa học và phân loại khoa học*	3	2	1			10
Nội dung 3. *Nghiên cứu khoa học*	3	2	1	1		10
Nội dung 4. *Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục*	2	2	1	1		12
Nội dung 5. *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*	2	2	1	2		13
Nội dung 6. *Logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục*	3	2	1	3		15
Nội dung 7. *Vấn đề đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục*	1	2	1	1		10
Nội dung 8. *Thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cụ thể*	3	2	1	3		15
Cộng	**18**	**23**	**8**		**5**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, nghiên cứu tình huống, tiểu luận, bài tập lớn...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, tự luận...

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (03)**			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận, bài tập cá nhân, bài viết...	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			

	Tự luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Tự luận	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

1. Phạm Viết Vượng (1999), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*. Nxb Giáo dục, HN.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (02)

2. Vũ Cao Đàm (2019), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Tái bản, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6.42. KIẾN TẬP SƯ PHẠM

6.43. THỰC TẬP SƯ PHẠM

6.44. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

6.45a. TRUYỆN NGẮN VĂN HỌC HIỆN ĐẠI/Vietnamese modern short Stories

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 121055
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Sau học phần Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần:

Chuyên đề Truyện ngắn Việt Nam hiện đại cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về những vấn đề lí thuyết của thể loại truyện ngắn; những tác động của điều kiện lịch sử xã hội tới sự vận động, phát triển của truyện ngắn Việt Nam qua các giai đoạn: từ đầu thế kỉ XX đến 1945, từ 1945 đến 1975, từ 1975 đến nay; các khuynh hướng vận động của truyện ngắn ở từng giai đoạn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: Những vấn đề lí thuyết thể loại; những tiền đề lịch sử, xã hội tác động đến sự vận động của truyện

ngắn hiện đại Việt Nam; Nhận thức và nêu được những xu hướng vận động cơ bản của truyện ngắn hiện đại Việt Nam; đánh giá được sự phát triển của thể loại truyện ngắn trong cái nhìn so sánh với những thể loại văn học khác cùng giai đoạn; Phân tích được các vấn đề lí thuyết nghiên cứu truyện ngắn cũng như có khả năng giảng dạy tốt những tác phẩm truyện ngắn có trong chương trình ngữ văn.

- CO2: Có kĩ năng tư duy lôgic, tổng hợp, phân tích văn bản nghệ thuật một cách chính xác, khách quan, khoa học cũng như kĩ năng rèn các thao tác làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và kĩ năng thực hành nghề nghiệp qua những giờ tập giảng các tác phẩm dạy có trong chương trình phổ thông theo hướng tiếp cận giảng dạy văn học từ đặc trưng thể loại.

- CO3: Tự chủ, có sáng kiến trong nghiên cứu và giảng dạy VHVN hiện đại, từ đặc trưng thể loại; biết tích lũy kiến thức, khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực VHVN và LLVH cơ bản; rèn luyện phẩm chất đạo đức người giáo viên, có tinh thần yêu nước, nhân ái.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP	**Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần**	**Chuẩn đầu ra CTĐT**
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học: Những vấn đề lí thuyết về thể loại truyện ngắn; những điều kiện lịch sử, văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sự vận động của truyện ngắn; đặc điểm cơ bản, những chặng đường vận động, phát triển của truyện ngắn qua từng giai đoạn.	PLO5, 10,11
CLO2	Phân tích được các đặc trưng cơ bản của thể loại truyện ngắn; nhận dạng được các dạng thức truyện ngắn hiện đại; phân tích được các tác phẩm truyện ngắn trong chương trình Ngữ văn ở phổ thông.	PLO6, 10, 12
CLO3	Hệ thống hoá, khái quát hoá được kiến thức tổng quát về truyện ngắn Việt Nam hiện đại; lựa chọn và khai thác được các tác phẩm truyện ngắn Việt Nam hiện đại nói chung và trong nhà trường phổ thông nói riêng.	PLO10,12
Kỹ năng		
CLO4	Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề về truyện ngắn Việt Nam hiện đại; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản truyện ngắn hiện đại để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	PLO8, 10,12

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả chi tiết chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản VHVN hiện đại, từ góc độ thể loại; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	PLO5, 8, 11
CLO6	Người học có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.	PLO11, 12

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Quan niệm về truyện ngắn; khái lược lịch sử hình thành thể loại	3	6	4			9
2. Đặc trưng cơ bản của thể loại truyện ngắn	3	4	3			10
3. Các dạng thức truyện ngắn hiện đại	4	5	2			5
4. Các chặng đường phát triển của truyện ngắn Việt Nam hiện đại; các xu hướng cơ bản và các tác giả tiêu biểu	8	5	3			25

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm tự học....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, tự luận,...

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 15 phút (2 bài); Bài luận viết ở nhà (2 bài)	Rubric đề và đáp án	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	
III. Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm(dùng chung)	Đề thi và đápán	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Đinh Trí Dũng, Bùi Việt Thắng, *Truyện ngắn hiện đại Việt Nam*, Nxb Đại học Vinh, 2018

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Bùi Việt Thắng, *Truyện ngắn những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại,* Nxb Đại học quốc gia, H, 2000.

[3]. Hỏa Diệu Thúy, *Truyện ngắn hiện đại Việt Nam 1945-1975*, Nxb Hội Nhà văn 2010

6.45b. TRUYỆN NGẮN CỰC HẠN HOA KỲ/American Minimalist Short Stories

- Số tín chỉ: 03 (27; 27; 9)
- Mã học phần: 122080
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học phương Tây

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức kiến thức cơ bản xung quanh vấn đề: Tổng quan các vấn đề lí luận mới về văn học hậu hiện đại cùng những khái niệm liên quan; những khuynh hướng truyện ngắn hậu hiện đại thế giới và đặc biêt là diện mạo truyện ngắn cực hạn Hoa Kì với các đặc điểm cơ bản, các giai đoạn sáng tác và những đại diện tiêu biểu của khuynh hướng truyện ngắn này như Raymond Carver, John Updike, Tobias Wolff, Tim O' Brien, K. J. Stevents....

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được kiến thức tổng quan về xã hội, lịch sử, văn học đồng thời có liên hệ với một số khuynh hướng truyện ngắn khác ở Hoa Kì và thế giới; nhận diện được những truyện ngắn cực hạn trên thế giới, từ đó thấy được xu hướng tối giản trong bối cảnh phát triển của khoa học, kĩ thuật và kinh tế, xã hội...

- CO2: Có kĩ năng phân tích và so sánh một tác phẩm truyện ngắn cực hạn với các hình thức truyện ngắn thuộc khuynh hướng khác; thiết kế và giảng dạy được các văn bản theo khuynh hướng sáng tác mới theo định hướng phát triển năng lực người học hoặc độc lập nghiên cứu một văn bản truyện ngắn hậu hiện đại một cách chính xác khoa học, sáng tạo.

- CO3: Tự chủ, có sáng kiến trong nghiên cứu và giảng dạy VHNN; biết tích lũy kiến thức, khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực VHNN và LLVH cơ bản; rèn luyện phẩm chất đạo đức người giáo viên, có tinh thần yêu nước, nhân ái.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức tổng quan về lịch sử, xã hội Hoa Kỳ thế kỉ XX; những khái niệm, khuynh hướng truyện ngắn hậu hiện đại thế giới và đặc biêt là diện mạo truyện ngắn cực hạn Hoa Kì có ảnh hưởng sâu, rộng trên thế giới.

- CLO2: Phân tích được các đặc điểm cơ bản, các giai đoạn sáng tác và các đặc điểm nội dung và thi pháp của những đại diện tiêu biểu cho khuynh hướng truyện ngắn cực hạn như Raymond Carver, John Updike, Tobias Wolff, Tim O' Brien, K. J. Stevents...

- CLO3: Có kĩ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề về truyện ngắn hậu hiện đại; rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo trong quá trình cảm thụ, phân tích các tác phẩm; có kỹ năng thiết kế các văn bản VHNN để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giao tiếp ứng xử trong đời sống xã hội; có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- CLO4: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học văn bản VHPT, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Một số khái niệm cơ bản của chủ nghĩa hậu hiện đại	2	2	0	0	0	15
Nội dung 2. Những khuynh hướng chính của truyện ngắn hậu hiện đại	2	3	0	0	0	15
Nội dung 3. Đặc điểm và các giai đoạn sáng tác của truyện ngắn cực hạn Hoa Kỳ	2	3	0	0	0	15
Nội dung 4. Raymond Carver (1939 – 1988)	4	4	0	0	0	15
Nội dung 5. John Updike (1932 – 2009)	2	3	0	0	0	15
Nội dung 6. Tobias Wolff (1945 -)	2	3	0	0	0	15
Nội dung 7. Tim O’ Brien (1946 -)	2	3	0	0	0	15
Nội dung 8. K. J. Stevens (1973 -)	2	3	0	0	0	15

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá (3)	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 1,6	1,2,4	30%
2	Thuyết trình/ Bài tập cá nhân	Rubric 1, 2,5,6	1,3,4	
3	Viết	Rubric 3,6	2,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết tự luận	Rubric 2	1,2,3,4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết tự luận/tiểu luận	Rubric 2,7	1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra GK.

- Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi hoặc làm tiểu luận (BTL) khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm tiểu luận.

- Người học cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Huy Bắc (Chủ biên) (2015), *Đặc trưng truyện ngắn hậu hiện đại Hoa Kỳ*, Nxb Văn học.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Quinn, Edward (2006), *A Dictionary of Literary and Thematic Terms* (Second Edition), An Imprint of Infobase Publishing, New York.

[3]. Lê Huy Bắc (2012), *Văn học hậu hiện đại, lí thuyết và tiếp nhận*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.45c. HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC/ Communication activities in literary works

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 27TL, 9TH)
- Mã học phần: 122066
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Phong cách học tiếng Việt và Ngữ dụng học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học, bao gồm: giao tiếp, sự ra đời của hoạt động giao tiếp, các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp trong tác phẩm văn học và đặc điểm của giao tiếp trong tác phẩm văn học, các hình thức giao tiếp trong tác phẩm văn học...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức cơ bản về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học; giải thích và phân tích được sự ra đời của hoạt động giao tiếp, các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp và đặc điểm của giao tiếp trong tác phẩm văn học, các hình thức giao tiếp trong tác phẩm văn học đảm bảo nội dung dạy học chính xác, phù hợp với thực tiễn đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục PTCS, PTTH.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và sử dụng ngôn từ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp; có kĩ năng cơ bản về sưu tầm và nghiễn cứu về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức vững chắc về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học bao gồm: sự ra đời của hoạt động giao tiếp, các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp trong tác phẩm văn học và đặc điểm của giao tiếp trong tác phẩm văn học, các hình thức giao tiếp trong tác phẩm văn học.

- CLO2: Vận dụng hiệu quả hệ thống kiến thức về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học để nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ, giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong giảng dạy ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt ở trường phổ thông theo định hướng phát triển người học.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về giao tiếp và giao tiếp trong tác phẩm văn học; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong

lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá nghề dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Giao tiếp và sự ra đời của hoạt động giao tiếp 1.1. Giao tiếp 1.2. Sự ra đời của hoạt động giao tiếp	6	6	0	0	0	25
2. Các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ 2.1. Các nhân tố giao tiếp 2.2. Các quá trình giao tiếp	7	7	0	3	0	30
3. Giao tiếp trong tác phẩm văn học 3.1. Quan niệm về giao tiếp trong văn chương 3.2. Vai trò của độc giả và quá trình tiếp nhận trong giao tiếp tác phẩm văn học 3.3. Đặc điểm của hoạt động giao tiếp trong tác phẩm văn học	7	7	0	3	0	40
4. Các hình thức giao tiếp trong tác phẩm văn học 4. 1. Đối thoại trực tiếp và gián tiếp 4.2. Độc thoại và độc thoại nội tâm 4.3. Thoại dẫn	7	7	0	3	0	40
Tổng	**27**	**27**	**0**	**9**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu …

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên**			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2	**20%**
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO2, CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ**			
	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	**30%**
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	**50%**
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối…) tuỳ theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình bắt buộc:***

[1]. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ,* Nxb ĐHQG, HN.

**** Tài liệu tham khảo:***

[1]. Bùi Minh Toán, (2012) *Ngôn ngữ với văn chương*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2]. Mai Thị Hảo Yến (2016), *Các hình thức thoại dẫn*, Nxb Khoa học xã hội.

6.46a. DẠY HỌC TÍCH HỢP VÀ DẠY HỌC PHÂN HÓA MÔN NGỮ VĂN THPT, THCS/Integrated teaching and differentiated teaching of Philology at High School, Secondary School

- Mã học phần: 122068
- Số tín chỉ: 3 (LT27,TH27,TL-BT9,TH135)
- Bộ môn quản lí học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và Phương pháp DH môn Ngữ văn THPT, THCS

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần trang bị cho SV kiến thức thực tế vững chắc về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học tích hợp và dạy học phân hóa trong môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS. Trên cơ sở vận dụng thực hành, SV có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn ở THPT, THCS theo quan điểm dạy học tích hợp và dạy học phân hóa.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: SV có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về đặc điểm, lợi ích đem lại từ dạy học tích hợp và dạy học phân hóa, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học tích hợp và dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn ở THPT, THCS.
- CO2: SV có kĩ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp, , xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy tích hợp, dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.
- CO3: SV có kỹ năng giao tiếp, hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong dạy học tích hợp và dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, SV cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- CLO1: Hiểu biết vững chắc về quan điểm dạy học tích hợp và dạy học phân hóa chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn ở THPT, THCS; hiểu toàn diện chuyên sâu, phản biện, phân tích, tổng hợp được đặc điểm, lợi ích đem lại từ dạy học tích hợp và dạy học phân hóa, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học tích hợp và dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn ở THPT, THCS.
- CLO2: Xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy tích hợp, dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn ở THPT, THCS theo

hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- CLO3: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử để giải quyết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường dạy học tích hợp, dạy học phân hóa thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức dạy học tích hợp và dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: **Những vấn đề chung của dạy học phân hóa và dạy học tích hợp trong môn học Ngữ văn ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở**

[LT12, TH2, TL-BT2, TH30)

1.1. Khái niệm dạy học tích hợp và dạy học phân hóa

1.2. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa là xu hướng quốc tế

1.3. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa – quan điểm biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.

1.4. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa – con đường hiệu quả để phát triển năng lực người học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng

1.5. Đặc điểm của dạy học tích hợp và dạy học phân hóa trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông, Trung học cơ sở năm 2018.

Chương 2: **Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp môn Ngữ văn Trung học phổ thông, Trung học cơ sở**

(LT13, TH2, TL-BT2, TH30)

2.1. Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp phát triển kĩ năng đọc văn bản ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở

2.2. Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp phát triển kĩ năng viết văn bản ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở

2.3. Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp phát triển kĩ năng nói – nghe ở Trung học phổ thông, Trung học cơ sở

Chương 3: **Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp và dạy học phân hóa một số bài học Ngữ văn ở THPT, THCS**

(LT2, TH4, TL-BT4, TH30)

3.1. Xây dựng kế hoạch dạy học đọc theo chủ đề trong chương trình Ngữ văn 6

3.2. Xây dựng kế hoạch dạy học viết theo chủ đề trong chương trình Ngữ văn 10

3.3. Xây dựng kế hoạch dạy học nói - nghe trong chương trình Ngữ văn 12

3.4. Xây dựng kế hoạch dạy học phân hóa môn Ngữ văn theo hình thức học dự án

3.5. Trải nghiệm dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Ngữ văn

Chương 4: **Tổ chức dạy học phân hóa môn Ngữ văn Trung học phổ thông, Trung học cơ sở** (LT2, TH8, TL-BT8, TH45)

4.1. Dạy học phân hóa theo chủ đề bài học Ngữ văn

4.2. Dạy học phân hóa theo cụm thể loại Ngữ văn

4.3. Dạy học phân hóa môn Ngữ văn theo hình thức học dự án

4.4. Dạy học phân hóa môn Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực.

5. Hình thức dạy học:

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	✓	✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn		✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓
Bài tập dự án	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần:

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án....)

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên (số TC+1)				
1	Vấn đáp/thuyết trình/ thảo luận	Rubric1,2,3	CLO1	30%
			CLO2	
2	Vấn đáp/viết/thuyết trình/thảo luận/bài tập dự án.	Rubric1,2,3,4,5	CLO1	
			CLO2	
3	Vấn đáp/viết/thuyết trình/ thảo luận/bài tập dự án.	Rubric 1,2,3,4,5,	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
Đánh giá giữa kì (20%)				20%
1	viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%
1	Viết	Rubric5	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với người học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Giáo trình chính

1. Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên) (2018), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh quyển 2*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Lê Thị Phượng (chủ biên), Hoàng Thị Tâm, Phạm Ngọc Toàn, Lường Thế Anh, Lê Văn Thắng, Lê Văn Trường (2020), *Cẩm nang hướng nghiệp cho học sinh THPT tỉnh Thanh Hóa*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Hương Lan, Vũ Thị Sơn (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

2. Lê Thị Phượng (2015), *Phương pháp dạy học chương trình Ngữ văn địa phương Thanh Hóa ở THCS,* Nxb Đại học sư phạm.

3. Thomas Amstrong (2011), *Đa trí tuệ trong lớp học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6.46b. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀTRƯỜNG /Developing of program at hight schools

- Mã học phần: 124032
- Số tín chỉ: 03 (LT27, TH18, TL-BT18,TH135)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần trang bị cho SV kiến thức vững chắc về chương trình giáo dục phổ thông quốc gia môn Ngữ văn THPT, THCS và kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về đặc điểm chương trình nhà tường, điều kiện để phát triển chương trình nhà trường, quy trình, cách thức phát triển chương trình nhà trường. Trên cơ sơ vận dụng thực hành SV có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng được một số chủ đề, nội dung chương trình nhà trường về dạy học đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn đáp ứng yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình GDPT quốc gia.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: SV có kiến thức thực tế vững chắc về chương trình GDPT quốc gia môn Ngữ văn THPT, THCS và kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về đặc điểm chương trình nhà tường, điều kiện để phát triển chương trình nhà trường, quy trình, cách thức phát triển chương trình nhà trường;

- CO2: SV nhận thức được ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng được một số chủ đề, nội dung chương trình nhà trường về dạy đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn THPT, THCS đáp ứng yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình GDPT quốc gia;

- CO3: SV có kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện các hoạt động phát triển chương trình nhà trường thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về phát triển chương trình nhà trường môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, người học cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- CLO1: Hiểu vững chắc về chương trình GDPT quốc gia môn Ngữ văn và sách giáo khoa môn Ngữ văn THPT, THCS; hiểu toàn diện và chuyên sâu về đặc điểm chương trình nhà trường, điều kiện để phát triển chương trình nhà trường, quy trình, cách thức phát triển chương trình nhà trường;

- CLO2: Nhận thức được ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng được một số chủ đề, nội dung chương trình nhà trường về dạy đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn THPT, THCS đáp ứng yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình GDPT quốc gia;

- CLO3: Có kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong hoạt động phát triển chương trình nhà trường; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện các hoạt động phát triển chương trình nhà trường thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về phát triển chương trình nhà trường môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG *(LT10 ,TH2, TL-BT3, TH30)*

1.1. Một số quan niệm tiêu biểu về chương trình giáo dục

1.2. Tiếp cận chương trình giáo dục

1.3. Khái niệm chương trình môn học

1.4. Cấu trúc chương trình môn học

Chương 2: CÁC THÀNH TỐ TRONG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG *(LT13, TH3, TL-BT4, TH45)*

2.1. Phát triển chương trình giáo dục

2.2. Tiền đề, cấu trúc, quy trình

2.3. Phát triển chương trình nhà trường

2.4. Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở

2.6. Tiền đề, cấu trúc, quy trình

Chương 3: Thực hành thiết kế một số chủ đề/kế hoạch hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong nhà trường THPT, THCS *(LT4, TH13, TL-BT11, TH60tiết)*

3.1. Phân tích chương trình giáo dục THPT hiện hành

3.2. Xác định chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học

3.3. Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học tích hợp chương trình môn học với chương trình giáo dục địa phương

3.4. Xây dựng các chủ đề tự chọn theo hướng dạy học phân hoá

3.5. Thiết kế chuyển một số nội dung dạy học thành nội dung các hoạt động giáo dục.

5. Hình thức dạy học:

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	✓	✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓
Thực hành	✓	✓	✓
Hướng dẫn		✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓
Bài tập dự án	✓	✓	✓

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần:

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án....)

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (số TC+1)				
1	Vấn đáp/thuyết trình/ thảo luận	Rubric1,2,3	CLO1	30%
			CLO2	
2	Vấn đáp/viết/thuyết trình/thảo luận/bài tập dự án.	Rubric1,2,3,4,5	CLO1	
			CLO2	
3	Vấn đáp/viết/thuyết trình/ thảo luận/bài tập dự án.	Rubric 1,2,3,4,5,	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
Đánh giá giữa kì (20%)				20%
1	viết	Rubric 5	CLO2	
Thi cuối kì (50%)				50%
1	Viết	Rubric5	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với người học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Thị Kim Dung, *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên,* Nxb Đại học sư phạm, 2015

2. Đỗ Ngọc Thống, *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Giselle O.Martin – Kniep (2013), *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi,* Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn (2016), Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, Nxb Đại học sư phạm.

6.46c. DẠY HỌC NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG/Teaching local Philology at High School

- Mã học phần: 123092
- Số tín chỉ: 3 (LT27,TH18,TL-BT18,TH135)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lí luận VH – VHNN & PPDH Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Ngữ văn

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần trang bị cho SV kiến thức thực tế vững chắc về nội dung chương trình Ngữ văn địa phương THPT, THCS và kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đọc – viết – nói và nghe về các văn bản văn học địa phương, tiếng Việt địa phương và các chủ đề của địa phương. Trên cơ sở vân dụng thực hành, SV có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- CO1: SV có kiến thức thực tế vững chắc về nội dung chương trình Ngữ văn địa phương THPT, THCS và kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đọc – viết – nói và nghe về các văn bản văn học địa phương, tiếng Việt địa phương và các chủ đề của địa phương.

- CO2: SV có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học

- CO3: SV có kỹ năng giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp, làm việc độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức trong dạy học đọc – viết – nói – nghe về các tác phẩm văn học địa phương, tiếng Việt ở địa phương Thanh Hóa theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, SV cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- CLO1: Hiểu biết vững chắc về nội dung chương trình Ngữ văn địa phương THPT, THCS; hiểu toàn diện và chuyên sâu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đọc – viết – nói và nghe về các văn bản văn học địa phương, tiếng Việt địa phương và các chủ đề của địa phương.

- CLO2: Có kĩ năng nhận thức ở các cấp độ tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp, xây dựng và thực hiện được các kế hoạch bài dạy Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học

- CLO3: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử để giải quyết để thực hiện các nhiệm vụ

phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường dạy học tích hợp, dạy học phân hóa thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức dạy học tích hợp và dạy học phân hóa 4 kĩ năng đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn THPT, THCS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DẠY HỌC NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Lí thuyết 5, Thực hành 2, thảo luận-Bài tập 3 tiết, tự học 20tiết)

1.1. Khái niệm Ngữ văn địa phương

1.2. Vị trí, mục tiêu, ý nghĩa của dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT và THCS

1.3. Định hướng dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

1.4. Nguyên tắc dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

1.5. Một số vấn đề cần tránh trong dạy học Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

Chương 2: CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở THPT, THCS

(Lí thuyết 5, Thực hành 2, thảo luận-Bài tập 3 tiết, tự học 25tiết)

2.1. Chương trình Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

2.1.1. So sánh nội dung dạy học và thời lượng dạy học Ngữ văn địa phương trong chương trình chính khóa với chương trình của một số địa phương biên soạn (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh)

2.1.2. Đặc điểm cấu trúc nội dung chương trình phần Ngữ văn địa phương ở THCS, THPT

2.1.3. Những hạn chế, bất cập của chương trình Ngữ văn địa phương hiện hành (khảo sát ở một số tỉnh miền Trung).

2.2. Sách giáo khoa Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

2.2.1. Cấu trúc bài học Ngữ văn địa phương qua khảo sát sách Ngữ văn THPT, THCS chính khóa và sách của một số tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh

2.2.2. Kiến thức, kĩ năng Ngữ văn địa phương cần trang bị cho học sinh THPT, THCS

2.2.3. Hệ thống văn bản đọc hiểu văn học địa phương ở THCS, THPT

2.2.4. Câu hỏi, bài tập Ngữ văn địa phương ở THCS, THPT

2.2.5. Kênh hình trong sách Ngữ văn địa phương THCS

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ PHẦN NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG Ở THPT, THCS

(Lí thuyết 15 tiết,Thực hành 4, Bài tập-thảo luận 5 tiết, TH30 tiết)

3.1. Phương pháp, biện pháp, cách thức tổ chức dạy học Ngữ văn địa phương ở THCS, THPT

3.1.1. Phương pháp và các biện pháp, cách thức tổ chức dạy học Văn học địa phương

- Dạy học theo đặc trưng loại thể
- Dạy học theo hướng tích hợp
- Khai thác các yếu tố địa phương trong tác phẩm văn học địa phương
- Tăng cường rèn luyện tư duy cho học sinh trong các tiết dạy bài khái quát văn học địa phương
- Dạy học hợp tác

3.1.2. Phương pháp và các biện pháp, cách thức tổ dạy học Tiếng địa phương

- Nhóm phương pháp dạy nhận biết từ địa phương và cách sử dụng từ địa phương
- Nhóm phương pháp khắc phục lỗi chính tả do phát âm tiếng địa phương

3.1.3. Phương pháp và các biện pháp, cách thức tổ dạy học Làm văn địa phương

- Dạy làm văn địa phương từ thực tế địa phương
- Tích hợp trong dạy học kiến thức làm văn địa phương.
- Sử dụng kỹ thuật các mảnh ghép vào dạy học kiến thức làm văn địa phương.

3.2. Phương tiện, đồ dùng dạy học Ngữ văn địa phương trong nhà trường phổ thông

3.2.1. Sử dụng giấy khổ lớn để trình diễn, minh họa các kết quả dạy và học Ngữ văn địa phương

3.2.2. Kết hợp phương tiện dạy học truyền thống và hiện đại kích thích hứng thú suy nghĩ cho học sinh bằng hình ảnh trực quan sinh động

3.2.3. Sử dụng băng hình để sửa lỗi phát âm tiếng địa phương cho học sinh

3.3. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập Ngữ văn địa phương của học sinh THPT, THCS

3.3.1. Phân biệt kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

3.3.2. Ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập

3.3.2. Các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

3.3.3. Các phương pháp và kĩ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập Ngữ văn địa phương ở THPT, THCS

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Pasi Sahlberg (2016), *Bài học Phần Lan 2.0*, Nxb. Thế giới;

2. Chương trình đào tạo Đại học sư phạm Ngữ văn khóa 73 công bố ngày 28/06/2021;

3. Trường ĐHSP Hà Nội 2: Chương trình đào tạo Đại học sư phạm Ngữ văn công bố ngày 29/09/2022;

4. Trường ĐHSP TP, Hồ Chí Minh: Chương trình đào tạo Đại học sư phạm Ngữ văn phê duyệt ngày 27/09/2022.

5. Công văn 2196/2010/BGDĐT-GDĐH *hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo*;

6. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành *Khung trình độ quốc gia Việt Nam*;

7. Thông tư 07/2015 của BGD Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hànhchương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

8. Thông tư 20/2018 quy định chuẩn nghề nghiệp GV trong các cơ sở GDTrH;

9. Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học kèm theo Công văn số 1669/QLCL KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng;

10. Dự thảo báo cáo Đánh giá ngoài chất lượng CTĐT 121 tín chỉ ngành đại học sư phạm Ngữ văn của Trung tâm kiểm định chất lượng Quốc gia (4/2021);

11. Thông tư 17/TT-BGD ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục quy định Chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

12. Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

13. Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

14. Quyết định số 847/QĐ-ĐHHĐ ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc *Xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần;*

15. Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ban hành ngày 16/8/2012.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Đậu Bá Thìn